HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2019/NQ-HĐND	*Hậu Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 2) và bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 1453/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 2) và bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 2), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Cân đối ngân sách địa phương: 285.000 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục: 1, 2, 2.1, 2.2, 2.3, 2.4).*

2. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn thu vượt Xổ số kiến thiết và thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018: 63.923 triệu đồng. Trong đó: Thu vượt Xổ số kiến thiết là 26.007 triệu đồng; thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018 là 37.916 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục 3).*

3. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn thu vượt tiền sử dụng đất năm 2019: 177.529 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục 4).*

4. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo cơ chế riêng: 25.251 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục 5).*

5. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh: 146.782 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục 6).*

6. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn dự phòng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020: 33.352 triệu đồng. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, phân bổ chi tiết danh mục dự án đầu tư cho các Hợp tác xã đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5, Thông tư 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn điều kiện, tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp *(Đính kèm Phụ lục 7).*

Điều 2. Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019, với số vốn 279.936 triệu đồng. Cụ thể các nguồn vốn:

1. Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh: 102.407 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục 8).*

2. Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2019: 177.529 triệu đồng *(Đính kèm Phụ lục 9).*

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Tạo

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

Phụ lục 1

DANH MỤC CHI TIẾT CHỦ ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020 (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao	Số vốn điều chỉnh giảm	Số vốn điều chỉnh tăng						Số vốn còn thừa của các dự án
				Tổng số	Trong đó:					
					Bổ sung cho các dự án trong Kế hoạch trung hạn được giao còn thiếu vốn	Bổ sung các dự án để tất toán tài khoản	Bổ sung các dự án sử dụng vốn vay Ngân hàng phát triển nhưng không có nguồn	Bổ sung các dự án quy hoạch	Bổ sung các dự án khởi công mới ngoài	
	Tổng số	**1.777.545**	**218.961**	**182.323**	**118.777**	**10.211**	**8.158**	**6.954**	**38.223**	**36.638**
I	**Cấp tỉnh quản lý**	**1.149.723**	**127.991**	**91.353**	**81.529**	**2.703**	**-**	**-**	**7.121**	**36.638**
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	118.949	13.846	13.846	13.846					
2	Sở Công Thương	6.088	681	234		234				447
3	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang	48.118	5.370	57	57					5.313
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	25.958	1.174	226	226					948
5	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	27.229	3.616	-						3.616
6	Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân	922	469	-						469
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	110.657	2.677	2.677	2.677					
8	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh	89.353	1.140	1.140	1.140					
9	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang	51.983	5.000	1.098					1.098	3.902
10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	447.356	43.962	37.663	36.023	1.640				6.299
11	Sở Y tế	3.833	333	-						333
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	33.467	10.529	3.733	3.733					6.796
13	Sở Khoa học và Công nghệ	10.000	3.100	-						3.100
14	Sở Thông tin và Truyền thông	4.000	3.850	-						3.850
15	Văn phòng UBND tỉnh	2.223	1.315	1.150	908	242				165
16	Văn phòng Tỉnh ủy	44.916	4.850	3.931	3.931					919
17	Công an tỉnh	47.527	13.154	13.154	10.144	587			2.423	
18	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	70.093	12.444	12.444	8.844				3.600	
19	Liên đoàn lao động tỉnh	2.000	200	-						200

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao	Số vốn điều chỉnh giảm	Số vốn điều chỉnh tăng						Số vốn còn thừa của các dự án
				Tổng số	Trong đó:					
					Bổ sung cho các dự án trong Kế hoạch trung hạn được giao còn thiếu vốn	Bổ sung các dự án để tất toán tài khoản	Bổ sung các dự án sử dụng vốn vay Ngân hàng phát triển nhưng không có nguồn	Bổ sung các dự án quy hoạch	Bổ sung các dự án khởi công mới ngoài	
20	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	295	25	-						25
21	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	4.756	256	-						256
II	**Cấp huyện quản lý**	**627.822**	**90.970**	**90.970**	**37.248**	**7.508**	**8.158**	**6.954**	**31.102**	**-**
1	Thành phố Vị Thanh	111.584	22.840	22.840	4.390	2.878		296	15.276	
2	Thị xã Ngã Bảy	60.599	9.394	9.394	7.436			1.958		
3	Thị xã Long Mỹ	43.302	6.291	6.291	3.991				2.300	
4	Huyện Long Mỹ	96.107	5.903	5.903	2.708	2.161		1.034		
5	Huyện Vị Thủy	121.456	11.706	11.706	602	128	7.758	658	2.560	
6	Huyện Phụng Hiệp	66.587	5.745	5.745	5.745					
7	Huyện Châu Thành	72.163	15.316	15.316	12.375	2.341	400	200		
8	Huyện Châu Thành A	56.024	13.775	13.775	1			2.808	10.966	

Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Nguồn: Cân đối ngân sách địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
	TỔNG		**14.232.085**	**4.958.038**	**2.477.682**	**1.995.572**	**2.510.800**	**1.995.571**	**285.000**	**285.000**	
*	**VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ**				**209.947**	**209.947**	**164.725**	**164.725**	**18.945**	**64.167**	
1	Vốn để xử lý các dự án bức xúc trong chỉ đạo, điều hành				28.947	28.947	-	-		28.947	
2	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất				27.000	27.000	37.500	37.500	10.500		
3	Vốn đối ứng các dự án				44.000	44.000	18.780	18.780		25.220	
4	Bù hụt thu ngân sách						8.445	8.445	8.445		
5	Tạm ứng cho thanh phố Vị Thanh và thị xã Ngã Bảy				110.000	110.000	100.000	100.000		10.000	
**	**VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN**		**14.232.085**	**4.958.038**	**2.267.735**	**1.785.625**	**2.346.075**	**1.830.846**	**266.055**	**220.833**	
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**		**11.502.469**	**3.310.021**	**1.430.856**	**1.158.709**	**1.473.867**	**1.175.918**	**146.721**	**129.512**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh**		**1.546.742**	**205.115**	**143.149**	**118.949**	**144.781**	**118.949**	**13.864**	**13.864**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**1.304.390**	**104.429**	**49.588**	**25.388**	**61.388**	**35.556**	**10.237**	**69**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2015		8.484	8.484	6.588	5.388	6.519	5.319	-	69	
	Dự án nhóm C		8.484	8.484	6.588	5.388	6.519	5.319	-	69	
1	Cầu nước đục	2554/QĐ-UBND 21/12/2010	8.484	8.484	6.588	5.388	6.519	5.319		69	
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		1.295.906	95.945	43.000	20.000	54.869	30.237	10.237	-	
	Dự án nhóm B		1.295.906	95.945	43.000	20.000	54.869	30.237	10.237	-	
1	Kè Kênh Xáng Xà No giai đoạn 2	400/QĐ-UBND 24/02/2009	998.017	2.875			2.875	2.875	2.875		Thu hồi tạm ứng (Công văn số 221/UBND-KT, 30/01/2019)
2	Hệ thống cống ngăn mặn nam kênh Xà No, tỉnh Hậu Giang	1786/QĐ-UBND 5/10/2011; 1917/QĐ-UBND, 6/12/2018	297.889	93.070	43.000	20.000	51.994	27.362	7.362		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		242.352	100.686	93.561	93.561	83.393	83.393	3.627	13.795	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		242.352	100.686	93.561	93.561	83.393	83.393	3.627	13.795	
	Dự án nhóm C		242.352	100.686	93.561	93.561	83.393	83.393	3.627	13.795	
1	Liên trạm Bảo vệ thực vật, Khuyến nông - Khuyến ngư, Thú y, thủy lợi huyện Châu Thành A	1520/QĐ-UBND 30/10/2015	34.967	34.967	31.470	31.470	17.675	17.675		13.795	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
2	Mô hình trồng lúa xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy thuộc Dự án Quản lý Thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6)	1364/QĐ-UBND 25/9/2015	27.683	6.864	6.151	6.151	6.864	6.864	713		
3	Hồ chứa nước ngọt tỉnh Hậu Giang	1638/QĐ-UBND, 26/10/2018	165.000	56.601	54.000	54.000	56.600	56.600	2.600		
4	Xây dựng cống Hóc Hòa tỉnh Hậu Giang	2049/QĐ-UBND 17/11/2016	14.702	2.254	1.940	1.940	2.254	2.254	314		
II	**Sở Công Thương**		**21.158**	**8.002**	**6.088**	**6.088**	**5.641**	**5.641**	**234**	**681**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**19.658**	**6.502**	**4.588**	**4.588**	**4.107**	**4.107**	**-**	**481**	**-**
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**19.658**	**6.502**	**4.588**	**4.588**	**4.107**	**4.107**	**-**	**481**	**-**
	Dự án nhóm C		**19.658**	**6.502**	**4.588**	**4.588**	**4.107**	**4.107**	**-**	**481**	**-**
1	Trụ sở Chi cục quản lý thị trường	732/QĐ-UBND, 29/3/2010	19.658	6.502	4.588	4.588	4.107	4.107		481	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.300**	**1.300**	**-**	**200**	**-**
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.300**	**1.300**	**-**	**200**	**-**
	Dự án nhóm C		**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.300**	**1.300**	**-**	**200**	**-**
1	Sửa chữa và nâng cấp mái nhà Trụ sở làm việc Sở Công Thương	234/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	1.500	1.500	1.500	1.500	1.300	1.300		200	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)						234	234	234		
III	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang		486.148	421.148	53.310	48.118	47.997	42.805	57	5.370	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		486.148	421.148	53.310	48.118	47.997	42.805	57	5.370	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		68.778	63.778	18.250	15.123	17.087	13.960	57	1.220	
	Dự án nhóm C		68.778	63.778	18.250	15.123	17.087	13.960	57	1.220	-
1	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Hậu đợt 1 - GĐ 1	1749/QĐ-UBND, 21/8/2006	57.718	57.718	12.990	9.863	11.849	8.722		1.141	-
2	San lấp mặt bằng Nhà thờ HTTL Đông Phú	88/QĐ-SKHĐT, 24/7/2013	3.139	3.139	2.343	2.343	2.396	2.396	53		
3	Cổng chính KCN Tân Phú Thạnh	3087/QĐ-UBND, 16/11/2009	4	4			4	4	4		
4	Đường số 3B - đợt 1 Cụm CNTT Đông Phú 1 - giai đoạn 1	141/QĐ-UBND, 28/01/2015	7.917	2.917	2.917	2.917	2.838	2.838		79	
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		417.370	357.370	35.060	32.995	30.910	28.845	-	4.150	
	Dự án nhóm A		417.370	357.370	35.060	32.995	30.910	28.845	-	4.150	
1	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Hậu đợt 2 - GĐ1, huyện Châu Thành	376/QĐ-UBND, 27/02/2007	417.370	357.370	35.060	32.995	30.910	28.845		4.150	
IV	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh		166.928	166.928	47.453	14.248	51.944	18.739	4.491	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		166.928	166.928	47.453	14.248	51.453	18.248	4.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		166.928	166.928	47.453	14.248	51.453	18.248	4.000	-	
	Dự án nhóm B		166.928	166.928	47.453	14.248	51.453	18.248	4.000	-	-
1	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Hậu đợt 3 - GĐ 1	1507/QĐ-UBND, 08/7/2010	166.928	166.928	47.453	14.248	51.453	18.248	4.000	-	
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)						491	491	491	-	
V	Sở Tài nguyên và Môi trường		29.426	29.426	25.958	25.958	25.010	25.010	226	1.174	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		5.626	5.626	4.358	4.358	3.500	3.500	-	858	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		5.626	5.626	4.358	4.358	3.500	3.500	-	858	
	Dự án nhóm C		5.626	5.626	4.358	4.358	3.500	3.500	-	858	
1	Thu thập, quản lý khai thác và sử dụng dữ liệu TNMT	2031/QĐ-UBND, 11/10/2012	5.626	5.626	4.358	4.358	3.500	3.500		858	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		23.800	23.800	21.600	21.600	21.510	21.510	226	316	-
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		23.800	23.800	21.600	21.600	21.510	21.510	226	316	-
	Dự án nhóm C		23.800	23.800	21.600	21.600	21.510	21.510	226	316	-
1	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động	1970/QĐ-UBND, 31/10/2016	22.000	22.000	19.800	19.800	20.026	20.026	226	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
2	Phần mềm luân chuyển hồ sơ đất đai	233/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.800	1.800	1.800	1.800	1.484	1.484		316	
VI	**Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh**		**204.160**	**204.160**	**43.287**	**27.229**	**39.671**	**23.613**	-	**3.616**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**204.160**	**204.160**	**43.287**	**27.229**	**39.671**	**23.613**	-	**3.616**	
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**79.213**	**79.213**	**3.420**	**3.420**	**855**	**855**	-	**2.565**	
	Dự án nhóm B		**79.213**	**79.213**	**3.420**	**3.420**	**855**	**855**	-	**2.565**	
1	Khu tái định cư - dân cư phường 5, TPVT	439/QĐ-UBND, 08/3/2007	79.213	79.213	3.420	3.420	855	855		2.565	
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**124.948**	**124.948**	**39.867**	**23.809**	**38.816**	**22.758**	-	**1.051**	-
	Dự án nhóm B		**113.902**	**113.902**	**38.731**	**22.673**	**38.044**	**21.986**	-	**687**	
1	Khu tái định cư - dân cư phường 5, giai đoạn 2, TPVT	1233/QĐ-UBND, 27/7/2011	113.902	113.902	38.731	22.673	38.044	21.986		687	
	Dự án nhóm C		**11.045**	**11.045**	**1.136**	**1.136**	**772**	**772**	-	**364**	
1	Khu tái định cư phục vụ DA QL1 Đoạn cần Thơ - PH xã Long Thạnh huyện PH tỉnh Hậu Giang	1219/QĐ-UBND, 26/8/2014	11.045	11.045	1.136	1.136	772	772		364	
VII	**Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân**		**1.024**	**1.024**	**922**	**922**	**453**	**453**	-	**469**	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**1.024**	**1.024**	**922**	**922**	**453**	**453**	-	**469**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**1.024**	**1.024**	**922**	**922**	**453**	**453**	-	**469**	
	Dự án nhóm C		**1.024**	**1.024**	**922**	**922**	**453**	**453**	-	**469**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	Giao thông kết hợp nuôi thủy sản	216/QĐ-SKHĐT, 15/12/2015	1.024	1.024	922	922	453	453		469	
VIII	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh**		**6.297.091**	**495.332**	**135.689**	**110.657**	**174.689**	**118.337**	**10.357**	**2.677**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**6.054.948**	**452.585**	**98.989**	**73.957**	**135.192**	**78.840**	**7.110**	**2.227**	-
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**346.635**	**194.626**	**3.122**	**3.090**	**3.028**	**2.996**	**32**	**126**	-
	Dự án nhóm B		**218.007**	**158.618**	**1.653**	**1.653**	**1.661**	**1.661**	**12**	**4**	-
1	Cơ sở HT Khu hành chính UBND tỉnh	1000/QĐ-UBND, 6/5/2008	157.740	157.740	775	775	787	787	12		
2	Đường ô tô về TT xã Phú An - Đông Phú	1043/QĐ-UBND, 16/4/2012	60.267	878	878	878	874	874		4	
	Dự án nhóm C		**128.628**	**36.008**	**1.469**	**1.437**	**1.367**	**1.335**	**20**	**122**	-
1	Đường tỉnh 927 (PB - BB)	1670/QĐ-CT.UBND, 28/7/2005	17.134	17.134	71	71	72	72	1		
2	Đường ô tô về trung tâm xã Đông Phước	1527/QĐ-UBND, 20/7/2012	46.498	910	640	640	636	636		4	
3	Đường ô tô về trung tâm xã Nhơn Nghĩa A	2056/QĐ-UBND, 10/10/2006; 1023/QĐ-UBND, 23/6/2011	34.009	9.610	326	326	228	228		98	
4	Trụ sở Sở GTVT	962/QĐ-UBND, 27/4/2010	23.000	367	348	348	367	367	19		
5	Nâng cấp, sửa chữa ĐT930B (Xà Phiên - đền thờ Bác Hồ	1452/QĐ-UBND, 8/9/2011	7.987	7.987	84	52	64	32		20	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		5.708.313	257.959	95.867	70.867	132.164	75.844	7.078	2.101	-
	Dự án nhóm A		5.373.830	60.000	53.000	53.000	81.735	60.000	7.000	-	
1	Đường nối thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ	1258/QĐ-UBND, 7/6/2010	5.373.830	60.000	53.000	53.000	81.735	60.000	7.000		
	Dự án nhóm B		241.832	116.657	17.530	1.530	20.590	505	-	1.025	-
1	Cơ sở hạ tầng phục vụ nhà máy xử lý rác tại xã Hòa An	1222/QĐ-UBND, 02/6/2010; 130/QĐ-UBND, 23/01/2014	116.127	116.127	17.000	1.000	16.000	-		1.000	
2	Đường Trần Hưng Đạo nối dài	1936QĐ-UBND, 21/9/2006	125.705	530	530	530	4.590	505		25	
	Dự án nhóm C		92.651	81.302	25.337	16.337	29.839	15.339	78	1.076	
1	Bến xe thị xã Ngã Bảy	2022/QĐ-UBND, 9/10/2012	40.429	40.429	16.488	12.488	15.464	11.464		1.024	
2	Sửa chửa trục đường trung tâm thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A (đoạn từ kênh Tân Hiệp đến đường công vụ kênh 13.000)	1670QĐ-UBND, 25/11/2015; 825/QĐ-UBND, 9/5/2017	5.535	35			5.535	35	35		
3	Hộ lan Quốc lộ 61 (đoạn từ cuối đường tránh thị trấn Nàng Mau đến cầu Thủy Lợi), huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	437/QĐ-UBND, 25/02/2010; 1857/QĐ-UBND, 31/8/2010	2.462	2			2	2	2		
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường nội bộ vào Hội trường Thị ủy Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	05/QĐ-SKHĐT, 25/01/2011	1.266	5			5	5	5		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
5	Tuyến đường nối từ đường tỉnh 928 đến cầu Ba Láng, huyện Phụng Hiệp	133/QĐ-SKHĐT, 14/10/2013	2.164	15			15	15	15		
6	Đường ô tô về các xã chưa có đường ô tô	2453/QĐ-CT.UBND, 02/11/2005		20			20	20	20		
7	Lập quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang	16/QĐ-UBND, 27/4/2005		1			1	1	1		
8	Đường ô tô về TT xã Đông Phước (đoạn từ UBND xã Đông Phước - QL1A)	706/QĐ-UBND, 24/4/2013	40.795	40.795	8.849	3.849	8.797	3.797		52	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**42.500**	**42.500**	**36.700**	**36.700**	**39.250**	**39.250**	**3.000**	**450**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**42.500**	**42.500**	**36.700**	**36.700**	**39.250**	**39.250**	**3.000**	**450**	
	Dự án nhóm C		**42.500**	**42.500**	**36.700**	**36.700**	**39.250**	**39.250**	**3.000**	**450**	-
1	Cầu Tân Hiệp	1962/QĐ-UBND, 31/10/2016	31.000	31.000	25.200	25.200	28.200	28.200	3.000		
2	Thực hiện công tác GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ cho dự án xây dựng cầu dân sinh - LRAMP tỉnh Hậu Giang	284/QĐ-SKHĐT, 31/10/2016	2.500	2.500	2.500	2.500	2.499	2.499		1	
3	Cầu Vĩnh Viễn trên đường tỉnh 930, huyện Long Mỹ	257/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	9.000	9.000	9.000	9.000	8.551	8.551		449	
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị số 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**199.643**	**247**			**247**	**247**	**247**		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
IX	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh		239.659	131.465	96.761	89.353	103.017	95.609	7.396	1.140	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		146.109	50.930	24.311	16.903	23.171	15.763	-	1.140	
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		146.109	50.930	24.311	16.903	23.171	15.763	-	1.140	
	Dự án nhóm B		137.179	42.000	16.274	12.274	15.463	11.463	-	811	
1	Điều chỉnh Dự án Đầu tư Dự án Hợp phần Cung cấp nước và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hậu Giang thuộc Dự án Quản lý Thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6)	QĐ điều chỉnh 342/QĐ-UBND, 18/3/2015	137.179	42.000	16.274	12.274	15.463	11.463		811	
	Dự án nhóm C		8.930	8.930	8.037	4.629	7.708	4.300	-	329	
1	Nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước tập trung Trà Lồng, huyện Long Mỹ	450/QĐ-UBND, 29/3/2016	8.930	8.930	8.037	4.629	7.708	4.300		329	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		80.500	80.500	72.450	72.450	79.811	79.811	7.361	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		80.500	80.500	72.450	72.450	79.811	79.811	7.361	-	
	Dự án nhóm B		67.000	67.000	60.300	60.300	67.000	67.000	6.700	-	-
1	Nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn các huyện Vị Thủy, Châu Thành A, Phụng Hiệp	682/QĐ-UBND, 29/4/2016	67.000	67.000	60.300	60.300	67.000	67.000	6.700		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
	Dự án nhóm C		**13.500**	**13.500**	**12.150**	**12.150**	**12.811**	**12.811**	**661**	**-**	
1	Trạm cấp nước tập trung xã Đông Phước A	214/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	13.500	13.500	12.150	12.150	12.811	12.811	661		
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị số 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**13.050**	**35**			**35**	**35**	**35**		
X	**Ban Dân tộc tỉnh**		**-**	**-**	**-**	**-**	**20**	**20**	**20**	**-**	
(4)	**Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)**						**20**	**20**	**20**		
XI	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**		**-**	**-**	**-**	**-**	**930**	**930**	**930**	**-**	
(6)	**Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)**						**930**	**930**	**930**		
XII	**Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang**		**55.745**	**55.633**	**51.983**	**51.983**	**53.081**	**48.081**	**1.098**	**5.000**	
1	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**55.745**	**55.633**	**51.983**	**51.983**	**53.081**	**48.081**	**1.098**	**5.000**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**55.745**	**55.633**	**51.983**	**51.983**	**53.081**	**48.081**	**1.098**	**5.000**	
	Dự án nhóm B		**55.745**	**55.633**	**51.983**	**51.983**	**53.081**	**48.081**	**1.098**	**5.000**	
1	Nâng cấp số hóa truyền dẫn, phát sóng phát thanh truyền hình Hậu Giang	1058/QĐ-UBND, 6/7/2016	54.535	54.535	51.983	51.983	51.983	46.983		5.000	
2	Hạ độ cao anten dây neo Đài PTTH Hậu Giang	462/QĐ-SKHĐT, 19/10/2018	1.210	1.098			1.098	1.098	1.098		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
XIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		1.651.178	1.100.710	606.408	447.356	586.408	447.356	45.465	45.465	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		1.207.631	771.550	298.580	168.733	290.005	180.158	30.367	18.942	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		633.525	377.340	5.879	5.879	3.249	3.249	212	2.842	
	Dự án nhóm C		633.525	377.340	5.879	5.879	3.249	3.249	212	2.842	
1	Ký túc xá SV Hậu Giang tại Trường ĐHCT	1289QĐ-UBND, 09/8/2011	37.807	37.807	154	154	126	126		28	
2	Phân hiệu THPT Tầm Vu 3	49/QĐ.SKHĐT, 28/9/2006	448	448	30	30	2	2		28	
3	Trường THCS Thuận Hưng	2079/QĐ-CT.UB, 17/12/2004	1.314	1.314	36	36	51	51	15		
4	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 1	1385/QĐ-CT.UBND, 19/6/2006	1.889	1.889	48	48	81	81	33		
5	Trường Tiểu học Phụng Hiệp 3 (Tiểu học Hiệp Lợi)	1074/QĐ-CT.UBND, 26/4/2006	1.212	1.212	31	31	31	31			
6	Trường Mẫu giáo Vị Trung	1224/QĐ-CT.UBND, 22/5/2006	1.763	1.763	19	19	60	60	41		
7	Trường Mẫu giáo Long Trị - ấp 6	2544/QĐ-UBND, 25/12/2006	958	958	56	56	38	38		18	
8	Trường Tiểu học Phương Phú 1	1013/QĐ-CT.UBND, 18/4/2006	1.017	1.017	27	27	49	49	22		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
9	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 3	998/QĐ-CT.UBND, 14/4/2006	1.487	1.487	19	19	27	27	8		
10	Trường THPT Long Phú (DA THPT)	1574/QĐ-UBND, 19/7/2006	15.445	15.445	95	95	51	51		44	
11	Trụ sở Sở GD&ĐT	2914/QĐ-UBND, 31/12/2008	18.879	18.879	41	41	17	17		24	
12	Trường THPT Tầm Vu 3	1929/QĐ-UBND, 13/01/2014	13.555	13.555	134	134	58	58		76	
13	Trường THPT Vị Thanh	1364/QĐ-UBND, 29/8/2011	14.342	14.342	228	228	234	234	6		
14	Cải tạo sửa chữa Sở Giáo dục và Đào tạo	451/QĐ.CT.UB, 15/4/2004	581	581	81	81	77	77		4	
15	Nhà làm việc Sở GD&ĐT	42/QĐ.SKHĐT, 13/7/2005	452	452	19	19	16	16		3	
16	Trường THPT Ngã Sáu(Phân hiệu Phú Hữu)	1684/QĐ.UBND, 26/9/2007	826	826	3	3	7	7	4	-	
17	Trường THPT Tầm Vu 2	1482/QĐ-UBND,8/7/2008	959	959	18	18	17	17		1	
18	Trường THCS Phú Hữu	2029/QĐ-CT.UB, 18/6/2002	1.084	1.084	35	35	2	2		33	
19	Thiết bị đồ gỗ trang bị cho các Trường học XAH tỉnh Cần Thơ năm 2003	3774/QĐ-CT.UB, 22/10/2003	1.924	1.924	56	56	54	54		2	
20	Trường THCS Phường 3	2481/QĐ-CT.UB, 23/7/2003	7.216	7.216	128	128	111	111		17	
21	Trường Mẫu giáo Vị Tân	3365/QĐ-CT.UB, 30/5/2003	1.638	1.638	76	76	-	-		76	
22	Trường Mẫu giáo Long Phú 2 (ấp Long Hoà 1)	152/QĐ-CT.UB, 21/01/2005	1.713	1.713	15	15	16	16	1		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
23	Trường Tiểu học Hoà tiến 1	560/QĐ-CT.UB, 18/3/2005	870	870	11	11	3	3		8	
24	Trường Mẫu giáo Xà Phiên, ấp 7	562/QĐ-CT.UB, 18/3/2005	1.907	1.907	8	8	-	-		8	
25	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn 1	998/QĐ-CT.UBND, 14/4/2006	841	841	20	20	9	9		11	
26	Trường THCS Phương Phú	45/QĐ.SKHĐT, 10/10/2005	391	391	2	2	-	-		2	
27	Trường THCS Lê Quý Đôn	1970/QĐ-UBND, 01/9/2008	758	758	18	18	15	15		3	
28	Trường THCS Phú Hữu	1141/QĐ-UBND, 20/5/2008	658	658	6	6	-	-		6	
29	Trường THCS Tân Hoà 1	51/QĐ-KH&ĐT, 19/4/2008	200	200	6	6	5	5		1	
30	Trường THCS Xà Phiên	128/QĐ-KH&ĐT, 07/11/2008	488	488	5	5	-	-		5	
31	Trường THCS Long Thạnh	2675/QĐ-UBND, 02/12/2008	680	680	7	7	-	-		7	
32	Trường THPT Ngã Sáu	1055/QĐ-UBND, 12/5/2008	1.145	1.145	30	30	22	22		8	
33	Trường THPT chuyên Vị Thanh	2614/QĐ-UBND, 20/11/2008	1.063	1.063	26	26	22	22		4	
34	Trường THPT Vị Thuỷ	561/QĐ-UBND, 21/3/2008	1.090	1.090	25	25	24	24		1	
35	Trường THPT Lê Hồng Phong (bổ sung)	2673/QĐ-UBND, 02/12/2008	546	546	13	13	11	11		2	
36	Trung tâm GDTX TX.Vị Thanh	1976/QĐ-UBND, 01/9/2008	567	567	14	14	12	12		2	
37	Trung tâm GDTX tỉnh Hậu Giang	2786/QĐ-UBND, 17/12/2008	1.133	1.133	30	30	23	23		7	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
38	Trường THCS Đông Phú	129/QĐ-SKH&ĐT, 07/11/2008	263	263	7	7	6	6		1	
39	Trường THPT Tầm Vu 2	74/QĐ-SKH&ĐT, 15/5/2008	194	194	6	6	4	4		2	
40	Trường THPT Tầm Vu 2(bổ sung)	126/QĐ-SKH&ĐT, 07/11/2008	264	264	3	3	-	-		3	
41	Trường THCS Hoà An	2202/QĐ-CT.UBND, 06/10/2005	13.927	13.927	1	1	-	-		1	
42	Nhà thi đấu đa năng THCS Thuận Hưng	2600/QĐ-UBND,30/12/2010	1.113	1.113	11	11	33	33	22	-	
43	Trường Mẫu giáo Đông Phước	1014/QĐ-CT.UBND, 18/4/2006	1.138	1.138	101	101	4	4		97	
44	Trường THCS Long Trị	587/QĐ-CT.UB, 11/5/2004	1.837	1.837	26	26	10	10		16	
45	Trường Tiểu học Hoà Mỹ 2	684/QĐ-CT.UB,04/4/2005	1.237	1.237	4	4	-	-		4	
46	Trường THCS Vị Đông	13/QĐ-CT.UB, 07/01/2005	799	799	5	5	-	-		5	
47	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 4	14/QĐ-CT.UB, 07/01/2005	502	502	6	6	-	-		6	
48	Trường THCS Phương Phú	45/QĐ.SKHĐT, 10/10/2005	391	391	3	3	-	-		3	
49	Trường Tiểu học Lương Tâm 4	985/QĐ-CT.UBND, 14/4/2006	835	835	3	3	-	-		3	
50	Trường Tiểu học Thuận Hưng 3	987/QĐ-CT.UBND, 14/4/2006	1.455	1.455	37	37	17	17		20	
51	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	677/QĐ/BGD&ĐT-KHTC,16/2/2005	47.994	47.994	882	882	529	529		353	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
52	Trường THPT Long Mỹ	1872/QĐ-UBND, 13/9/2006	19.523	19.523	7	7	-	-		7	
53	Trường THPT Vị Thủy	1908/QĐ-UBND, 14/9/2006	14.448	14.448	242	242	89	89		153	
54	Trường THPT Vị Thủy	2818/QĐ-UBND, 14/10/2009	4.050	4.050	284	284	70	70		214	
55	Dạy trẻ khuyết tật HG	3354/QĐ-UBND, 17/12/2009	2.130	2.130	137	137	118	118		19	
56	Trường THCS Ngã Bảy	1852/QĐ-CT.UB, 18/11/2004	9.716	9.716	87	87	25	25		62	
57	Trường THPT Cây Dương	1661/QĐ-CT.UBND, 25/7/2005	10.365	10.365	30	30	-	-		30	
58	Trường THPT Chiêm Thành Tấn	2421/QĐ-CT.UB, 7/9/2009	27.604	27.604	480	480	68	68		412	
59	Trường THPT Lê Hồng Phong	2157/QĐ-UBND, 27/10/2006	2.500	2.500	7	7	4	4		3	
60	Trường THPT Ngã Sáu	1952/QĐ-UBND, 25/9/2006;1554/QĐ.UBND, 26/9/2011	21.798	21.798	8	8	-	-		8	
61	Trường THPT Vị Thanh	158/QĐ-SKHĐT, 29/11/2013	867	867	42	42	-	-		42	
62	Trường Tiểu học Phú Hữu 4	1054/QĐ-UBND, 14/5/2010	1.619	1.619	8	8	7	7		1	
63	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 3	3129/QĐ-UBND, 23/11/2009	3.903	3.903	7	7	6	6		1	
64	Trường Tiểu học Đông Phú 3	3348/QĐ-UBND; 17/12/2009	829	829	7	7	6	6		1	
65	Trường Tiểu học Hoà An 3	834/QĐ-UBND, 07/4/2010	5.051	5.051	13	13	-	-		13	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
66	Trường Tiểu học Vị Thanh 2	3132/QĐ-UBND, 23/11/2009	2.000	2.000	4	4	-	-		4	
67	Trường Tiểu học Vị Thuỷ 2	2569/QĐ-UBND, 22/9/2009	1.120	1.120	7	7	-	-		7	
68	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn 1	1776/QĐ-UBND, 14/8/2008	1.481	1.481	10	10	8	8		2	
69	Trường THCS Châu Văn Liêm	324/QĐ-UBND, 05/02/2010	3.436	3.436	21	21	6	6		15	
70	Trường THCS Long Thạnh	3026/QĐ-UBND, 06/11/2009	4.706	4.706	6	6	5	5		1	
71	Trường THCS Phương Phú	2862/QĐ-UBND; 21/10/2009	1.493	1.493	9	9	-	-		9	
72	Trường THCS Vị Thuỷ	2711/QĐ-UBND, 08/12/2008	2.986	2.986	6	6	-	-		6	
73	Trường THCS Vị Thanh	2025/QĐ-UBND, 10/10/2012	2.325	2.325	6	6	3	3		3	
74	Trường THCS Lương Tâm 1	178/QĐ-UBND, 26/01/2010	2.372	2.372	6	6	5	5		1	
75	Trường THPT Hoà An (Nay là Trường THPT Lương Thế Vinh)	655/QĐ-UBND, 24/3/2010	7.061	7.061	8	8	4	4		4	
76	Trường THPT Vĩnh Viễn	2332/QĐ-UBND, 20/11/2012	7.494	7.494	28	28	-	-		28	
77	Trường Mẫu giáo Tuổi Hồng	66/QĐ-UBND, 14/01/2010	1.101	1.101	7	7	6	6		1	
78	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	177/QĐ-UBND, 26/01/2010	1.299	1.299	7	7	6	6		1	
79	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngã Bảy	1042/QĐ-UBND, 09/5/2008	111.973	39	39	39	-	-		39	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
80	Hệ thống nước rửa tay tiệt trùng, mua sắm trang thiết bị thuộc công trình Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành	162a/QĐ-SKHĐT, 24/10/2012	4.884	195	195	195	185	185		10	
81	Trạm y tế xã Long Trị	1142/QĐ-UBND, 18/8/2015	6.554	48	48	48	23	23		25	
82	Nhà trưng bày và phần trưng bày ngoài trời thuộc Dự án xây dựng, tôn tạo Khu di tích Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch của quân và dân khu 9 tại thành phố Vị Thanh	1829/QĐ-UBND, 11/9/2012	133.771	715	655	655	715	715	60		
83	Khu xử lý nước thải Bệnh viện Lao tỉnh Hậu Giang	2077/QĐ-UBND, 22/10/2012	2.271	2.271	793	793	16	16		777	
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**574.106**	**394.210**	**292.701**	**162.854**	**286.756**	**176.909**	**30.155**	**16.100**	
	Dự án nhóm B		**411.419**	**281.419**	**215.990**	**120.843**	**203.326**	**128.179**	**20.000**	**12.664**	
1	Trường TH thị trấn Cái Tắc	1490/QĐ-UBND, 28/10/2014; 951/QĐ-UBND, 13/7/2015	62.437	62.437	54.937	30.604	51.937	27.604		3.000	
2	Trung tâm Hội nghị tỉnh	1239/QĐ-UBND, 28/8/2014	193.727	63.727	59.342	39.342	59.342	59.342	20.000		
3	Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang	265/QĐ-UBND, 24/2/2015	80.931	80.931	70.932	37.546	68.932	35.546		2.000	
4	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang	2095/QĐ-UBND, 22/10/2012	74.324	74.324	30.779	13.351	23.115	5.687		7.664	
	Dự án nhóm C		**162.687**	**112.791**	**76.711**	**42.011**	**83.430**	**48.730**	**10.155**	**3.436**	
1	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hậu Giang	2532/QĐ-UBND, 17/12/2010	29.967	18.928	12.000	4.000	13.226	5.226	1.226		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang. hạng mục: Nhà để xe nhân viên, nhà đặt tủ điện (ATS), ... Trang thiết bị văn phòng	1743/QĐ-UBND, 25/10/2013	35.062	35.062	28.014	23.000	30.064	25.050	2.050		
3	Trường TH Tân Long 1	1484/QĐ-UBND, 27/10/2014	35.022	35.022	19.217	5.627	19.797	6.207	580		
4	Trạm y tế xã Vị Đông	276/QĐ-UBND, 27/02/2015	7.315	1.365	1.365	869	549	53		816	
5	Cải tạo, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế cải thiện môi trường Bệnh viện đa khoa huyện Vị Thủy; Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Hậu Giang	724/QĐ-UBND, 20/5/2015	26.076	6.299			6.299	6.299	6.299		
6	Ký túc xá sinh viên Hậu Giang tại ĐH Cần Thơ khu Hòa An	1319/QĐ-UBND, 19/9/2014	29.245	16.115	16.115	8.515	13.495	5.895		2.620	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**443.518**	**329.131**	**307.828**	**278.623**	**294.734**	**265.529**	**13.429**	**26.523**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**443.518**	**329.131**	**307.828**	**278.623**	**294.734**	**265.529**	**13.429**	**26.523**	
	Dự án nhóm B		**54.885**	**54.885**	**49.397**	**49.397**	**45.397**	**45.397**	**-**	**4.000**	
1	Trụ sở làm việc các hội có tính chất đặc thù của tỉnh	702/QĐ-UBND, 04/5/2016	54.885	54.885	49.397	49.397	45.397	45.397		4.000	
	Dự án nhóm C		**388.633**	**274.246**	**258.431**	**229.226**	**249.337**	**220.132**	**13.429**	**22.523**	
1	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Đông Thạnh	174/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015	3.781	3.781	3.750	1.500	3.489	1.239		261	
2	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Đông Phước A	1610/QĐ-UBND, 30/10/2015	5.387	5.387	5.300	2.000	4.674	1.374		626	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
3	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Vị Thủy	171/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	1.000	1.000	600	200	617	217	17		
4	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Đông Phước	173/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	1.000	1.000	900	200	942	242	42		
5	Nâng cấp, sửa chữa BVĐK huyện Vị Thủy	1609/QĐ-UBND, 30/10/2015	11.039	11.039	10.689	3.789	10.891	3.991	202		
6	Nhà đặt máy phát điện, hệ thống khí y tế, hệ thống tiệt trùng, hệ thống báo gọi y tá – camera và thiết bị văn phòng cho bệnh viện đa khoa huyện Châu thành A	1607/QĐ-UBND, 30/10/2015	7.229	7.229	7.050	3.000	6.952	2.902		98	
7	Xây dựng, khai thác Cây Lộc Vừng - Cây Di sản Việt Nam tại xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp	165/QĐ-SKH, 30/10/2015	4.083	4.083	3.674	1.702	3.085	1.113		589	
8	Mái che các hiện vật trưng bày ngoài trời tại Di tích lịch sử Chiến thắng Chương Thiện	1611/QĐ-UBND, 30/10/2015	10.209	10.209	9.180	3.534	8.997	3.351		183	
9	Xây dựng trụ sở và tăng cường tiềm lực Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh	1602/QĐ-UBND, 28/10/2015	16.879	16.879	15.190	15.190	13.347	13.347		1.843	
10	Nâng cấp, mở rộng Nhà khách Bông Sen	1605/QĐ-UBND, 29/10/2015	14.987	11.022	14.987	11.000	15.009	11.022	22		
11	Trường Phổ thông dân tộc Nội trú tỉnh Hậu Giang	241/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	2.000	2.000	1.800	1.800	1.822	1.822	22		
12	Trụ sở làm việc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương	1971/QĐ-UBND, 31/10/2016	30.000	30.000	27.000	27.000	24.000	24.000		3.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
13	Nhà Công vụ Bệnh viện Đa khoa thành phố Vị Thanh	166/QĐ-SKHĐT, 26/8/2016	4.313	4.313	3.882	3.882	3.687	3.687		195	
14	Nâng cấp, sửa chữa hàng rào BVĐK thành phố Vị Thanh	224/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	2.100	2.100	1.900	1.900	1.567	1.567		333	
15	Trạm Y tế Phường Thuận An	239/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	6.300	6.300	6.900	6.900	600		
16	Trạm Y tế xã Long Bình (mới chia tách)	240/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	6.300	6.300	4.000	4.000		2.300	
17	Bệnh viện đa khoa huyện Phụng Hiệp, Hạng mục: Hệ thống khí y tế, nước tiệt trùng, âm thanh- camera-báo gọi y tá	216/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.517	7.517	6.765	6.765	7.415	7.415	650		
18	Trường THPT Tân Phú	244/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.000	5.000	4.500	4.500	4.000	4.000		500	
19	Trường THPT Lương Thế Vinh	242/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.959	5.959	5.363	5.363	5.067	5.067		296	
20	Trường THPT Trường Long Tây	245/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	6.300	6.300	6.550	6.550	250		
21	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	243/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.444	5.444	4.900	4.900	5.090	5.090	190		
22	Ký túc xá cho học viên của tỉnh tại Học viện Chính trị khu vực IV	218/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	6.300	6.300	5.670	5.670	6.250	6.250	580		
23	Sửa chữa Ký túc xá sinh viên Hậu Giang tại ĐH Cần Thơ.	235/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	1.069	1.069	962	962	1.069	1.069	107		
24	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Phụng Hiệp	230/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	988	988	900	900	933	933	33		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
25	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Thạnh Hòa	232/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	986	986	900	900	948	948	48		
26	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Tân Bình	231/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	989	989	900	900	936	936	36		
27	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Long Phú	228/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	976	976	900	900	954	954	54		
28	Nhà Bia ghi tên liệt sĩ tại Xã Long Trị A	229/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	986	986	900	900	939	939	39		
29	Nâng cấp, sửa chữa Khu khám - Hành chính Trung tâm Y tế Ngã Bảy	225/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	3.627	3.627	3.347	3.347	3.627	3.627	280		
30	Bệnh viện Lao tỉnh Hậu Giang	1215/QĐ-UBND, 25/7/2011	96.628	258			258	258	258		
31	Trung tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh	1919/QĐ-UBND 31/10/2016	4.996	758			758	758	758		
32	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Phòng khám khu vực Búng Tàu	217/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.112	1.112	1.500	1.500	1.112	1.112		388	
33	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Phòng khám khu vực Vị Thanh	218/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.000	2.000	2.000	2.000	1.900	1.900		100	
34	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Tân Phú	222/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.323	3.323	2.000	2.000	3.100	3.100	1.100		
35	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế thị trấn Mái Dầm	216/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.000	1.000	1.000	1.000	-	-		1.000	
36	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Vĩnh Viễn A	224/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.822	2.822	3.134	3.134	2.822	2.822		312	
37	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Phòng khám khu vực Phú Tân	219/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.000	2.000	2.000	2.000	-	-		2.000	
38	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế TT Rạch Gòi	220/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.409	2.409	3.340	3.340	2.409	2.409		931	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
39	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế TT Một Ngàn	221/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.834	3.834	3.834	3.834	3.654	3.654		180	
40	Trạm Y tế xã Thạnh Xuân	223/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.559	3.745	6.840	6.840	3.745	3.745		3.095	
41	Trạm Y tế xã Phú Tân	484/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	7.503	1.503			1.503	1.503	1.503		
42	Nâng cấp mở rộng Trường THPT Vị Thủy (phân hiệu Vĩnh Thuận Tây)	215/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	8.000	8.000	8.000	8.000	7.535	7.535		465	
43	Trường THPT Lương Tâm	229/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	11.600	11.600	11.600	11.600	11.430	11.430		170	
44	Trường THPT Vị Thanh	228/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	8.000	8.000	8.000	8.000	7.000	7.000		1.000	
45	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Hậu Giang	214/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.400	7.400	7.400	7.400	7.337	7.337		63	
46	Nâng cấp, Sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ việc làm	230/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.000	2.000	2.000	2.000	-	-		2.000	
47	Nâng cấp, cải tạo đường số 3 và đường số 4 hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh giai đoạn 1	213/QĐ-SKHĐT 31/10/2017	8.000	8.000	8.000	8.000	7.750	7.750		250	
48	Sửa chữa Trụ sở làm việc các Ban xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh.	485/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	11.961	11.961	11.974	11.974	11.674	11.674		300	
49	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hậu Giang gồm các hạn mục: Sân đường nội bộ, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, trạm biến áp, phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị ...	225/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	15.000	15.000	15.000	15.000	14.955	14.955		45	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
50	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới hệ thống thoát nước Khu di tích quốc gia đặt biệt Chiến thắng Chương Thiện, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	948/QĐ-UBND, 20/6/2019	1.236	1.236			1.236	1.236	1.236		
51	Xây dựng nhà ăn cho đoàn vận động viên thể thao tại Khu Liên hiệp thể dục thể thao, thành phố Vị Thanh và chống dột khu hành chính	1047/QĐ-UBND, 02/7/2019	2.000	2.000			2.000	2.000	2.000		
52	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế Phường Hiệp Thành	1044/QĐ-UBND, 02/7/2019	3.402	3.402			3.402	3.402	3.402		
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		29	29			29	29	29		
(4)	**Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)**						1.640	1.640	1.640		
XIV	**Sở Y tế**		**4.259**	**4.259**	**3.833**	**3.833**	**3.500**	**3.500**	**-**	**333**	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**4.259**	**4.259**	**3.833**	**3.833**	**3.500**	**3.500**	**-**	**333**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**4.259**	**4.259**	**3.833**	**3.833**	**3.500**	**3.500**	**-**	**333**	
	Dự án nhóm C		**4.259**	**4.259**	**3.833**	**3.833**	**3.500**	**3.500**	**-**	**333**	
1	Nâng cấp, sửa chữa phòng mổ chuyên về chấn thương chỉnh hình, phòng tiểu phẫu và mua sắm trang thiết bị	221/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	4.259	4.259	3.833	3.833	3.500	3.500		333	
XV	**Sở Giáo dục và Đào tạo**		**194.012**	**171.631**	**33.467**	**33.467**	**32.391**	**32.391**	**9.453**	**10.529**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		130.342	130.342	5.702	5.702	441	441	108	5.369	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		130.342	130.342	5.702	5.702	441	441	108	5.369	
	Dự án nhóm C		130.342	130.342	5.702	5.702	441	441	108	5.369	
1	Trường THPT BC Vị Thanh (nay là THPT chuyên Vị Thanh)	1039/QĐ-UBND, 09/5/2008	2.279	2.279	9	9	-	-		9	
2	Trường THPT BC Tân Phú Thạnh (THPT Tầm Vu 2)	2729/QĐ-UBND, 10/12/2008	5.710	5.710	21	21	-	-		21	
3	NCSC TTâm tin học ngoại ngữ	854/QĐ-UBND, 24/5/2011	1.305	1.305	5	5	-	-		5	
4	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn 4	113/QĐ-SKHĐT, 17/8/2012	1.411	1.411	10	10	-	-		10	
5	Trường Tiểu học Trường Long Tây 3	90/QĐ-SKHĐT, 01/8/2012	517	517	4	4	-	-		4	
6	Trường THPT Lê Quý Đôn	1676/QĐ-UBND, 09/8/2006	2.580	2.580	8	8	23	23	15		
7	Trường Mẫu giáo Phượng Hồng	952/QĐ-UBND, 14/6/2011	554	554	4	4	-	-		4	
8	Trường Tiểu học Tân Thành 1	51/QĐ-SKH&ĐT, 04/6/2009	318	318	3	3	-	-		3	
9	Trường Tiểu học Vị Thủy 2	181/QĐ-SKHĐT, 24/11/2011	1.649	1.649	137	137	-	-		137	
10	Trường THCS Hoàng Diệu	108/QĐ-SKHĐT, 18/7/2011	1.235	1.235	9	9	-	-		9	
11	Trường Tiểu học Trường Long A2	169/QĐ-SKHĐT, 07/11/2011	2.133	2.133	16	16	-	-		16	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
12	Trường Tiểu học Phương Bình 1	158/QĐ-SKHĐT, 20/10/2011	1.509	1.509	11	11	-	-		11	
13	Trường Mẫu giáo Phong Lan	183/QĐ-SKHĐT, 24/11/2011	2.395	2.395	17	17	-	-		17	
14	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang	2400/QĐ-SKHĐT, 26/11/2010	1.833	1.833	13	13	16	16	3		
15	THPT Lê Quý Đôn	88/QĐ-SKHĐT, 01/8/2012	1.081	1.081	13	13	-	-		13	
16	Tiểu học Hòa An 4	31/QĐ-SKHĐT, 31/7/2012	711	711	13	13	-	-		13	
17	Trường Tiểu học Ngã Bảy 1	1584/QĐ-BND, 21/7/2008	6.972	6.972	25	25	-	-		25	
18	Trường THPT Trường Long Tây	133/QĐ-SKHĐT, 23/6/2010	4.126	4.126	485	485	-	-		485	
19	Trường Tiểu học Thuận Hưng 1	2834/QĐ-UBND, 19/01/2010	6.456	6.456	42	42	54	54	12		
20	TT GDTX huyện Châu Thành A	1960/QĐ-UBND, 26/9/2006	3.240	3.240	23	23	29	29	6		
21	Trường THPT Phú Hữu	85/QĐ-SKHĐT, 08/11/2010	10.420	10.420	50	50	63	63	13		
22	Trường THPT Lương Tâm	33/QĐ-SKH&ĐT, 23/6/2010	6.158	6.158	41	41	-	-		41	
23	Trường THPT Chuyên Vị Thanh	2580/QĐ-UBND, 27/12/2010	14.997	14.997	96	96	68	68		28	
24	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn (Nay là Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn)	2142/QĐ-UBND, 12/10/2010	1.700	1.700	41	41	-	-		41	
25	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	1999/QĐ-UBND, 30/7/2010	9.852	9.852	174	174	-	-		174	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
26	TT GDTX huyện Vị Thủy	193/QĐ-SKHĐT, 30/11/2011	3.505	3.505	25	25	31	31	6		
27	Trường THPT Tân Long	771/QĐ-UBND, 09/05/2011	9.435	9.435	104	104	157	157	53		
28	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	86/QĐ-SKHĐT, 31/7/2012	962	962	230	230	-	-		230	
29	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	91/QĐ-SKHĐT, 01/8/2012	3.613	3.613	923	923	-	-		923	
30	Trường Mẫu giáo Thạnh Hòa	89/QĐ-SKHĐT, 01/8/2012	3.696	3.696	609	609	-	-		609	
31	Trường THPT Lương Thế Vinh	96/QĐ-SKHĐT, 06/8/2012	2.194	2.194	251	251	-	-		251	
32	TT GDTX huyện Phụng Hiệp	104/QĐ-SKHĐT, 17/8/2012	2.209	2.209	256	256	-	-		256	
33	Trường THPT Lê Hồng Phong (Phân hiệu Vĩnh Tường)	894/QĐ-UBND, 28/5/2013	6.714	6.714	1.861	1.861	-	-		1.861	
34	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	48/QĐ-SKHĐT, 14/5/2013	2.583	2.583	158	158	-	-		158	
35	Mua sắm TB dạy nghề cho Trường trung cấp Nghề Ngã Bảy	140/SKHĐT-TĐ, 08/09/2011	1.300	1.300	5	5	-	-		5	
36	Mua sắm TB dạy nghề cho Trung tâm Dạy Nghề huyện Phụng Hiệp.	2266/QĐ-UBND, 01/11/2010	1.499	1.499	5	5	-	-		5	
37	Mua sắm TTB cho trường trung cấp nghề tỉnh HG	2819/QĐ-UBND, 14/10/2009	1.491	1.491	5	5	-	-		5	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**63.670**	**41.289**	**27.765**	**27.765**	**31.950**	**31.950**	**9.345**	**5.160**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**63.670**	**41.289**	**27.765**	**27.765**	**31.950**	**31.950**	**9.345**	**5.160**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
	Dự án nhóm C		63.670	41.289	27.765	27.765	31.950	31.950	9.345	5.160	
1	Trang thiết bị giáo dục	283A/QĐ-SKHĐT, 31/10/2016	15.000	15.000	13.500	13.500	13.905	13.905	405		
2	Nâng cấp, sửa chữa các điểm trường bức xúc phục vụ khai giảng năm học mới 2016-2017	1094/QĐ-UBND, 14/7/2016	4.850	4.850	4.365	4.365	-	-		4.365	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy	39E/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	201	201			37	37	37		
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Tân Phú, thị xã Long Mỹ	39D/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	166	166			42	42	42		
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh	39C/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	500	500			143	143	143		
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Lê Quý Đôn, thị xã Ngã Bảy	39L/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	498	498			143	143	143		
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Trường Long Tây, huyện Châu Thành A	39B/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	176	176			43	43	43		
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Cái Tắc, huyện Châu Thành A	39K/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	658	658			121	121	121		
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Phú Hữu, huyện Châu Thành	39A/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	400	400			115	115	115		
10	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành	39J/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	200	200			2	2	2		
11	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh	39I/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	293	293			63	63	63		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
12	Nâng cấp, sửa chữa Trường Dạy trẻ khuyết tật tỉnh	39F/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016	100	100			27	27	27		
13	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Chuyên Vị Thanh	283/QĐ-SKHĐT, 31/10/2016	1.087	1.087			1.019	1.019	1.019		
14	Trường THPT Vị Thủy, huyện Vị Thủy	234/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	1.300	1.300		200	
15	Trường THPT Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy	235/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.500	2.500	2.500	2.500	2.255	2.255		245	
16	Trường THPT Tân Long, huyện Phụng Hiệp	236/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	700	700	700	700	657	657		43	
17	Trường THPT Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	237/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	800	800	800	800	719	719		81	
18	Trường THPT Châu Thành A, huyện Chây Thành A	238/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.200	1.200	1.200	1.200	1.187	1.187		13	
19	Trường THPT Cái tắc, huyện Châu Thành A	240/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.700	1.700	1.700	1.700	1.600	1.600		100	
20	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành	241/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	700	700	700	700	687	687		13	
21	Trung tâm GDTX tỉnh Hậu Giang, thành phố Vị Thanh	242/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	800	800	800	800	700	700		100	
22	Trường THPT Tầm Vu, huyện Châu Thành A	245/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.000	1.000			925	925	925		
23	Nâng cấp, sửa chữa khối 16 phòng học trường THPT Vị Thủy, huyện Vị Thủy	480/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	2.182	540			540	540	540		
24	Trường THPT Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây mới 03 phòng bộ môn và 04 phòng học	12/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	6.653	1.800			1.800	1.800	1.800		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
25	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây mới 03 phòng bộ môn	13/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	4.478	1.300			1.300	1.300	1.300		
26	Trường THPT chuyên Vị Thanh, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây mới phòng vị tính, hàng rào, nhà vệ sinh, cải tạo khối hiệu bộ, sân đường	14/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	4.359	1.200			1.200	1.200	1.200		
27	Trường THPT Châu Thành A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây mới 03 phòng bộ môn	15/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	4.496	1.300			1.300	1.300	1.300		
28	Trường THPT Cây Dương (PH Búng Tàu); Hạng mục: 10 phòng học	1443/QĐ-UBND, 29/7/2014	6.473	120			120	120	120		
XVI	**Sở Khoa học và Công nghệ**		**26.336**	**26.336**	**10.000**	**10.000**	**6.900**	**6.900**	**-**	**3.100**	**-**
(1)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**26.336**	**26.336**	**10.000**	**10.000**	**6.900**	**6.900**	**-**	**3.100**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**26.336**	**26.336**	**10.000**	**10.000**	**6.900**	**6.900**	**-**	**3.100**	
	Dự án nhóm B		**26.336**	**26.336**	**10.000**	**10.000**	**6.900**	**6.900**	**-**	**3.100**	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Trung tâm Thông tin và ứng dụng KHCN	759/QĐ-UBND, 5/6/2014	26.336	26.336	10.000	10.000	6.900	6.900		3.100	
XVII	**Sở Thông tin và Truyền thông**		**4.000**	**4.000**	**4.000**	**4.000**	**150**	**150**	**-**	**3.850**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		4.000	4.000	4.000	4.000	150	150	-	3.850	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		4.000	4.000	4.000	4.000	150	150	-	3.850	
	Dự án nhóm C		4.000	4.000	4.000	4.000	150	150	-	3.850	
1	Xây dựng Trung tâm kỹ thuật an toàn mạng của tỉnh	2323/QĐ-UBND, 01/12/2017	4.000	4.000	4.000	4.000	150	150		3.850	
XVIII	Văn phòng UBND tỉnh		32.464	2.223	1.315	1.315	1.150	1.150	1.150	1.315	-
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		32.464	2.223	1.315	1.315	908	908	908	1.315	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		32.464	2.223	1.315	1.315	908	908	908	1.315	
	Dự án nhóm C		32.464	2.223	1.315	1.315	908	908	908	1.315	
1	Quảng trường UBND tỉnh Hậu Giang	2491/QĐ-UBND, 10/12/2010	31.556	1.315	1.315	1.315	-	-		1.315	
2	Cây xanh tổng thể	71/QĐ-UBND, 16/6/2010	908	908			908	908	908		
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)						242	242	242		
XIX	Văn phòng Tỉnh ủy		147.322	44.916	40.562	40.562	44.493	39.643	3.931	4.850	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		102.426	1.520	152	152	1.520	1.520	1.368	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**102.426**	**1.520**	**152**	**152**	**1.520**	**1.520**	**1.368**	**-**	
	Dự án nhóm B		**102.426**	**1.520**	**152**	**152**	**1.520**	**1.520**	**1.368**	**-**	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu hành chính Tỉnh ủy, các ban Đảng và khối đoàn thể tỉnh Hậu Giang	1946/QĐ-UBND, 13/09/2010	102.426	1.520	152	152	1.520	1.520	1.368		Hoàn tạm ứng NS tỉnh
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**44.896**	**43.396**	**40.410**	**40.410**	**42.973**	**38.123**	**2.563**	**4.850**	
	Dự án nhóm C		**44.896**	**43.396**	**40.410**	**40.410**	**42.973**	**38.123**	**2.563**	**4.850**	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng tỉnh Hậu Giang	246/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	14.922	14.922	13.430	13.430	14.775	14.775	1.345		
2	Trụ sở Ban bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Tỉnh ủy Hậu Giang	297/QĐ-SKHĐT, 31/10/2016	15.000	13.500	13.500	13.500	13.500	8.650		4.850	
3	Xây dựng 28 căn nhà công vụ trong khu hành chính Tỉnh ủy	151/QĐ-SKHĐT, 27/7/2016	14.974	14.974	13.480	13.480	14.698	14.698	1.218		
XX	**Sở Xây dựng**		**-**	**-**	**-**	**-**	**5.225**	**5.225**	**5.225**	**-**	
(6)	**Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)**						**5.225**	**5.225**	**5.225**		
XXI	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**		**-**	**-**	**-**	**-**	**492**	**492**	**492**	**-**	
(4)	**Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)**						**14**	**14**	**14**		
(6)	**Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)**						**478**	**478**	**478**		
XXII	**Sở Nội vụ**		**-**	**-**	**-**	**-**	**142**	**142**	**142**	**-**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)						142	142	142		
XXIII	Công an tỉnh		134.062	79.353	47.527	47.527	52.527	52.527	18.154	13.154	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		18.246	18.246	5.043	5.043	2.261	2.261	99	2.881	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		16.747	16.747	3.594	3.594	2.261	2.261	99	1.432	
	Dự án nhóm C		16.747	16.747	3.594	3.594	2.261	2.261	99	1.432	
1	Công an thị trấn Một Ngàn	13/QĐ-SKH&ĐT, 25/1/2011	1.838	1.838	473	473	531	531	58		
3	Thiết bị tin học sử dụng phần mềm đăng ký lưu trú trực tuyến qua mạng Internet trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	164/QĐ-SKHĐT, 12/12/2013	1.434	1.434	594	594	191	191		403	
4	Công an xã Lương Nghĩa	132/QĐ-SKHĐT, 23/10/2013	2.502	2.502	802	802	292	292		510	
5	Công an xã Vị Thủy	136/QĐ-SKHĐT, 23/10/2013	3.051	3.051	1.141	1.141	622	622		519	
6	Công an thị trấn Nàng Mau	2701/QĐ-UBND, 01/10/2009	1.261	1.261	1	1	12	12	11		
7	Công an xã Long Trị	11/QĐ-SKH&ĐT, 25/1/2011	1.827	1.827	4	4	9	9	5		
8	Công an xã Trường Long A	55/QĐ-SKH&ĐT, 18/4/2011	1.924	1.924	192	192	196	196	4		
10	Công an xã Hòa Mỹ	30/QĐ-SKH&ĐT, 14/3/2011	1.577	1.577	312	312	321	321	9		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
11	Công an xã Vĩnh Thuận Tây	56/QĐ-SKH&ĐT, 18/4/2011	1.333	1.333	75	75	87	87	12		
b	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**1.499**	**1.499**	**1.449**	**1.449**	-	-	-	**1.449**	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		**1.499**	**1.499**	**1.449**	**1.449**	-	-	-	**1.449**	
	Dự án nhóm c		**1.499**	**1.499**	**1.449**	**1.449**	-	-	-	**1.449**	
1	Công an thị trấn Bảy Ngàn	07/QĐ-SKH&ĐT, 25/1/2011	1.499	1.499	1.449	1.449	-	-		1.449	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**115.816**	**61.107**	**42.484**	**42.484**	**49.679**	**49.679**	**17.468**	**10.273**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**115.816**	**61.107**	**42.484**	**42.484**	**49.679**	**49.679**	**17.468**	**10.273**	
	Dự án nhóm C		**115.816**	**61.107**	**42.484**	**42.484**	**49.679**	**49.679**	**17.468**	**10.273**	
1	Nhà làm việc tạm Công an huyện Long Mỹ (mới)	921/QĐ-UBND, 7/7/2015	10.000	10.000	9.000	9.000	6.000	6.000		3.000	
2	Công an xã Tân Phước Hưng	169/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015	2.200	2.200	2.200	2.200	1.983	1.983		217	
3	Công an xã Phú Tân	176/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015	1.900	1.900	1.900	1.900	1.830	1.830		70	
4	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường thuộc Công an tỉnh HG	222/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	1.984	1.984	1.984	1.984	1.798	1.798		186	
5	Công an xã Vị Thanh	247/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.000	3.000	3.000	3.000	-	-		3.000	
6	Trạm cảnh sát đường thủy Nhơn Nghĩa A (chi phí bồi hoàn)	502/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	2.200	2.200	2.000	2.000	2.200	2.200	200		
7	Trạm cảnh sát đường thủy Cái Côn (chi phí bồi hoàn)	503/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	2.600	2.600	2.000	2.000	2.600	2.600	600		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
8	Nâng cấp sửa chữa, cải tạo Nhà ăn tập thể cán bộ chiến sĩ phòng cảnh sát cơ động thuộc công an tỉnh	249/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.900	2.900	1.500	1.500	2.745	2.745	1.245		
9	Công an xã Phú Hữu	250/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.000	3.000	3.000	3.000	-	-		3.000	
10	Cơ sở làm việc Công an huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	4880/QĐ-BCA-H43, 28/12/2017	75.700	21.000	13.000	13.000	21.000	21.000	8.000		
11	Công an xã Lương Tâm	252/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.900	2.900	2.900	2.900	2.100	2.100		800	
12	Công an xã Long Phú	1039/QĐ-UBND, 02/7/2019	2.500	2.500			2.500	2.500	2.500		
13	Công an xã Vĩnh Trung	1038/QĐ-UBND, 02/7/2019	3.132	3.123			3.123	3.123	3.123		
14	Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cảnh sát 113. Hạng mục: Trạm biến áp và đường dây trung hạ áp	1037/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.800	1.800			1.800	1.800	1.800		
(4)	**Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)**						587	587	587		
XXIV	**Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**		**249.960**	**151.064**	**72.093**	**70.093**	**85.993**	**80.993**	**23.344**	**12.444**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**174.208**	**75.312**	**24.516**	**24.516**	**16.924**	**13.924**	**-**	**10.592**	
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**44.189**	**44.189**	**3.552**	**3.552**	**1.271**	**1.271**	**-**	**2.281**	
	Dự án nhóm C		**44.189**	**44.189**	**3.552**	**3.552**	**1.271**	**1.271**	**-**	**2.281**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	Ban CHQS huyện Long Mỹ (GĐ1)	175/QK9, 08/7/2003	6.901	6.901	442	442	199	199		243	
2	Ban CHQS huyện Long Mỹ (GĐ2)	55/BCHQS, 23/02/2006	4.684	4.684	730	730	207	207		523	
3	Trường bắn Trung đoàn 114	129/QĐ-SKH&ĐT, 30/9/2013	4.552	4.552	1.239	1.239	506	506		733	
4	SLMB Ban CHQS huyện Châu Thành	1217/QĐ.BCH, 29/9/2006	6.958	6.958	689	689	339	339		350	
5	SLMB Ban CHQS huyện Châu Thành A	72/QĐ.BCH, 15/5/2006	5.940	5.940	89	89	20	20		69	
6	Nhà làm việc tạm thời Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang (tại Ban CHQS thị xã Vị Thanh)	473/QĐ-CT.UBND, 19/4/2004	6.332	6.332	123	123	-	-		123	
7	Sửa chữa Nhà LV SCH+PTM	243/QĐ-BTL, 29/8/2013	4.022	4.022	135	135	-	-		135	
8	Tiểu đoàn bộ binh - Bộ CHQS tỉnh	396/QĐ-CT.UBND, 09/2/2006	4.801	4.801	105	105	-	-		105	
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**130.019**	**31.123**	**20.964**	**20.964**	**15.653**	**12.653**	**-**	**8.311**	
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		**130.019**	**31.123**	**20.964**	**20.964**	**15.653**	**12.653**	**-**	**8.311**	
	Dự án nhóm B		**116.348**	**17.452**	**13.652**	**13.652**	**15.653**	**12.653**	**-**	**999**	
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện dự bị động viên	1704/QĐ-UBND, 04/12/2014	116.348	17.452	13.652	13.652	15.653	12.653		999	
	Dự án nhóm C		**13.671**	**13.671**	**7.312**	**7.312**	**-**	**-**	**-**	**7.312**	
1	Bệnh xá-Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang	1614/QĐ-UBND, 28/7/2006	13.671	13.671	7.312	7.312	-	-		7.312	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**75.752**	**75.752**	**47.577**	**45.577**	**69.069**	**67.069**	**23.344**	**1.852**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		**75.752**	**75.752**	**47.577**	**45.577**	**69.069**	**67.069**	**23.344**	**1.852**	
	Dự án nhóm C		**75.752**	**75.752**	**47.577**	**45.577**	**69.069**	**67.069**	**23.344**	**1.852**	
1	Trụ sở tạm Ban CHQS huyện Long Mỹ (mới)	943/QĐ-UBND, 10/7/2015	9.973	9.973	9.000	7.000	9.062	7.062	62		
2	Ban CHQS xã Tân Phước Hưng (mới)	61/QĐ-SKH&ĐT, 06/5/2016	1.726	1.726	1.600	1.600	1.634	1.634	34		
3	Hàng rào Ban CHQS huyện Phụng Hiệp	131/QĐ-SKH&ĐT, 28/9/2016	1.825	1.825	1.600	1.600	1.693	1.693	93		
4	Sửa chữa Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn	220/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	14.000	14.000	12.600	12.600	12.214	12.214		386	
5	Cải tạo, sửa chữa Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hậu Giang	223/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	4.068	4.068	3.660	3.660	3.498	3.498		162	
6	Nâng cấp, sửa chữa Nhà ăn-Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Vị Thanh	293/QĐ-SKHĐT, 31/10/2016	1.500	1.500	1.350	1.350	46	46		1.304	
7	Đại đội Trinh sát	2256/QĐ-UBND 21/11/2017; 471/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	17.360	17.360	6.967	6.967	15.622	15.622	8.655		
8	Ban chỉ huy quân sự huyện Long Mỹ; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng	399/QĐ-SKHĐT 31/7/2018; 168/QĐ-SKHĐT 06/6/2019	13.400	13.400	10.800	10.800	13.400	13.400	2.600		
9	Ban CHQS Phường Bình Thạnh	2513/QĐ-UBND, 29/12/2017	2.700	2.700			2.700	2.700	2.700		
10	Ban CHQS Phường Thuận An	2512/QĐ-UBND, 29/12/2017	2.700	2.700			2.700	2.700	2.700		
11	Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	1045/QĐ-UBND, 02/7/2019	6.500	6.500			6.500	6.500	6.500		
XXV	**Liên đoàn lao động tỉnh**		**5.500**	**2.000**	**2.000**	**2.000**	**1.800**	**1.800**	**-**	**200**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		5.500	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800	-	200	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		5.500	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800	-	200	
	Dự án nhóm C		5.500	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800	-	200	
1	Bồi hoàn mở rộng Liên đoàn Lao động tỉnh	1188/QĐ-TLĐ, 5/7/2017	5.500	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800		200	
XXVI	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		295	295	295	295	270	270	-	25	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		295	295	295	295	270	270	-	25	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		295	295	295	295	270	270	-	25	
	Dự án nhóm C		295	295	295	295	270	270	-	25	
1	Sửa chữa một số hạng mục của công trình Di tích Chiến Thắng Chương Thiện, tại xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	48/QĐ-SKHĐT, 7/4/2016	295	295	295	295	270	270		25	
XXVII	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang		5.000	5.000	4.756	4.756	4.500	4.500	-	256	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		5.000	5.000	4.756	4.756	4.500	4.500	-	256	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		5.000	5.000	4.756	4.756	4.500	4.500	-	256	
1	Nâng cấp sửa chữa trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Hậu Giang	251/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	5.000	5.000	4.756	4.756	4.500	4.500		256	
XXVIII	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang		-	-	-	-	632	632	632	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)						632	632	632		
XXIX	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		-	-	-	-	60	60	60	-	
(3)	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)						60	60	60		
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ		2.729.615	1.648.017	836.879	626.916	872.208	654.928	119.334	91.321	
I	Thành phố Vị Thanh		690.022	480.999	160.358	111.584	160.858	111.584	22.840	22.840	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		426.870	409.343	100.637	55.306	84.848	39.017	3.872	20.161	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2015		359.333	359.333	60.925	33.080	56.635	28.290	3.315	8.105	
	Dự án nhóm C		359.333	359.333	60.925	33.080	56.635	28.290	3.315	8.105	
1	Chống sạt lỡ đường dẫn vào cầu và đường dân sinh tuyến Kênh Đòn Dong	3571/QĐ-UBND, 29/8/2013	3.661	3.661	1.605	72	1.533	-		72	
2	XD hệ thống thoát nước vỉa hè đường Bùi Thị Xuân	1349/QĐ-UBND, 24/05/2012	1.455	1.455	1.131	1.131	924	924		207	
3	Trụ sở UBND Phường VII	1785/QĐ-UBND, 27/6/2012	9.600	9.600	893	893	1.029	1.029	136		
4	Xây dựng đường Kênh Tắc Dài, xã Vị Tân, TPVT	3514/QĐ-UBND, 21/08/2013	2.394	2.394	2.394	1.044	1.350	-		1.044	
5	XD đê bao ngăn lũ kết hợp GTNT xã Vị Tân (Hạng mục: Tuyến kênh Tắc Huyện Phương)	298QĐ-UBND, 15/02/2012	5.196	5.196	650	500	150	-		500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
6	NCSC nhà VH KV3, Phường III, thành phố Vị Thanh	933/QĐ-UBND, 19/3/2014	160	160	151	35	116	-		35	
7	Xây dựng nhà văn hóa Khu vực 3, phường VII, thành phố Vị Thanh	2716/QĐ-UBND, 08/7/2014	1.245	1.245	959	510	704	255		255	
8	Đường Nguyễn Huệ nối dài	1480/QĐ-UBND, 02/7/2010	78.090	78.090	2.915	2.887	2.916	2.888	1		
9	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường Thành ủy Vị Thanh	1388/QĐ-UBND, 14/4/2015	779	779	779	779	654	654		125	
10	Cầu Hai Lò Rèn xã Tân Tiến	1858/QĐ-UBND, 15/08/2007	1.083	1.083	27	27	27	27			
11	Cạo sơn Trụ sở Thành Ủy Vị Thanh	1402/QĐ-UBND, 16/4/2015	981	981	981	806	711	536		270	
12	XD phòng họp Thành Ủy Vị Thanh	2583/QĐ-UBND, 27/7/2015	1.796	1.796	1.796	1.796	1.457	1.457		339	
13	Trạm Y tế xã Tân Tiến	1628/QĐ-UBND, 08/04/2013	5.629	5.629	2.014	1.000	1.014	-		1.000	
14	CSHT Công viên Chiến Thắng, Phường V	293/QĐ-UBND 21/02/2013	179.955	179.955	21.730	3.792	24.908	6.970	3.178		
15	XD hội trường UBND phường VII	4325/QĐ-UBND, 24/10/2013	5.655	5.655	5.655	5.655	4.908	4.908		747	
16	Duy tu, sửa chữa đường Kênh Mới xã Tân Tiến, TPVT	2902/QĐ-UBND, 25/06/2013	5.900	5.900	1.543	729	1.314	500		229	
17	NCSC các hạng mục trong khu tái định cư Phường III	1521/QĐ-UBND, 04/6/2012	5.396	5.396	4.650	4.650	4.176	4.176		474	
18	SC một số hạng mục trong bệnh viện Đa khoa TPVT	4438/QĐ-UBND, 25/11/2014	578	578	85	81	44	40		41	
19	Sửa chữa nhà làm việc các cơ quan thành phố Vị Thanh	1236/QĐ-UBND, 29/3/2016	426	426	426	176	356	106		70	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
20	Nhà văn hóa Phường III	4327/QĐ-UBND, 24/10/2013	3.438	3.438	2.514	490	2.299	275		215	
21	NC sửa chữa Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 2, ấp 2A, ấp 3, ấp 3A, ấp 5 và ấp 7, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	4912/QĐ-UBND, 31/12/2014	1.267	1.267	925	49	876	-		49	
22	Ba trục đường trong khu tái định cư - dân cư Phường V	1234/QĐ-UBND, 03/6/2010	29.699	29.699	1.469	1.469	1.361	1.361		108	
23	Tráng sân và làm hàng rào điểm Nàng Chăng thuộc Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2678/QĐ-UBND, 03/7/2014	640	640	440	50	419	29		21	
24	Trạm Y tế Phường 1	3174/QĐ-UBND, 11/10/2012	5.320	5.320	277	277	-	-		277	
25	Xây dựng 01 phòng học, 02 phòng chức năng, nhà xe và nhà bảo vệ trường TH Võ Thị Sáu, xã Hỏa Lựu, TPVT	4219/QĐ-UBND, 15/10/2013	932	932	151	151	122	122		29	
26	Gói thầu trang bị thiết bị ngoài trời cho Trường Mầm non Sen Hồng, Trường Mẫu giáo Hoa Hồng và Trường Mẫu giáo Hoa Sen	3731/QĐ-UBND, 17/9/2013	413	413	413	413	-	-		413	
27	Nâng cấp, sửa chữa đường vào Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	3490/QĐ-UBND, 20/8/2013	170	170	111	111	-	-		111	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
28	Xây dựng vách ngăn hội trường, nâng cấp bục giảng và sửa chữa cổng phụ Trường Triểu học Kim Đồng, phường I, thành phố Vị Thanh	3578/QĐ-UBND, 15/9/2014	49	49	47	47	-	-		47	
29	Xây dựng nhà xe giáo viên, học sinh và tráng đường vào Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, phường V, thành phố Vị Thanh	2818/QĐ-UBND, 17/7/2014	201	201	191	191	-	-		191	
30	Xây dựng đường vào trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	3107/QĐ-UBND, 19/8/2014	173	173	163	163	5	5		158	
31	Xây dựng hàng rào phía sau Trường Tiểu học Chu Văn An, phường VII, thành phố Vị Thanh	3788/QĐ-UBND, 29/9/2014	68	68	65	65	-	-		65	
32	Xây dựng 02 phòng học, lợp mái tôn và đóng trần 04 phòng học Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	3548/QĐ-UBND, 10/9/2014	962	962	32	32	-	-		32	
33	Sửa chữa cơ sở vật chất Trường Tiểu học Trương Định, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	101/QĐ-UBND, 15/01/2015	90	90	90	90	-	-		90	
34	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tân Tiến	1604/QĐ-UBND, 04/4/2013	5.932	5.932	3.653	2.919	3.262	2.028		891	
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**67.536**	**50.010**	**39.712**	**22.226**	**28.213**	**10.727**	**557**	**12.056**	
	Dự án nhóm C		**67.536**	**50.010**	**39.712**	**22.226**	**28.213**	**10.727**	**557**	**12.056**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	Xây dựng 05 phòng học, 05 phòng chức năng và các công trình phụ trường tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2889/QĐ-UBND, 28/7/2014	7.860	7.860	7.010	1.920	6.868	1.778		142	
2	XD điểm lẻ trường tiểu học chùa Khmer thuộc điểm lẻ trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Phường III, TPVT	1725/QĐ-UBND, 26/6/2012	3.248	3.248	1.503	1.107	1.030	634		473	
3	Sửa chữa nhà làm việc và nâng cấp sân Trụ sở UBND, xã Vị Tân	2872/QĐ-UBND, 25/7/2014	2.241	2.241	2.241	2.241	2.132	2.132		109	
4	Xây dựng kho lưu trữ Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh.	117/QĐ-UBND, 16/01/2015	552	552	552	552	287	287		265	
5	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi trong KDC - TĐC phường III (Giai đoạn 1)	1656/QĐ-UBND, 10/10/2013	29.969	29.969	18.851	11.851	8.215	1.215		10.636	
6	Nâng cấp sân UBND xã Hỏa Lựu	3622/QĐ-UBND, 09/11/2015	400	400	400	400	225	225		175	
7	Xây dựng 08 phòng chức năng Trường Mầm non Hoạ Trà Mi, phường III, thành phố Vị Thanh	3134/QĐ-UBND, 21/8/2014	5.384	384	5.384	384	5.128	128		256	
8	Nâng cấp đoạn từ Cầu Trường học đến Nhà Thông tin ấp Thạnh Hòa 1, xã Tân Tiến	3849/QĐ-UBND, 01/10/2013	5.085	118			118	118	118		
9	XD 05 phòng học, 05 phòng chức năng và các công trình phụ trường tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2889/QĐ-UBND, 28/7/2014	7.859	300			300	300	300		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
10	XD nhà bảo vệ, nhà xe, sân, hàng rào, cột cờ, thoát nước và chiếu sáng ngoại vi phường VII	374/QĐ-UBND, 24/02/2014	4.938	4.938	3.771	3.771	3.910	3.910	139		
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**75.026**	**71.583**	**59.721**	**56.278**	**72.763**	**69.320**	**15.721**	**2.679**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**75.026**	**71.583**	**59.721**	**56.278**	**72.763**	**69.320**	**15.721**	**2.679**	
	Dự án nhóm C		**75.026**	**71.583**	**59.721**	**56.278**	**72.763**	**69.320**	**15.721**	**2.679**	
1	Sửa chữa một số hạng mục hư hỏng trong khuôn viên quảng trường UBND tỉnh	1209/QĐ-UBND, 25/03/2016	927	927	-	-	185	185	185		
2	Đường số 2, Phường IV, thành phố Vị Thanh	5728/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.669	9.669	9.669	9.669	9.362	9.362		307	
3	Trường THCS Nguyễn Việt Hồng, xã Hỏa Tiên, thành phố Vị Thanh	5727/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.700	9.700	9.700	9.700	9.418	9.418		282	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường chiến thắng nối dài	5740/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.029	1.029	1.029	1.029	1.020	1.020		9	
5	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp Vị Thanh	5740/QĐ-UBND, 31/10/2016	6.600	3.157	6.600	3.157	6.860	3.417	260		
6	Xây dựng Đường vào khu căn cứ thị xã ủy và mở rộng diện tích nhà tưởng niệm khu căn cứ thị xã ủy, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	3345/QĐ-UBND, 29/9/2017	4.489	4.489	4.489	4.489	3.465	3.465		1.024	
7	Tiểu học Hoàng Hoa Thám, xã Vị Tân	3745/QĐ-UBND, 27/10/2017	500	500	500	500	492	492		8	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
8	THCS Phan Văn Trị, phường 7	3747/QĐ-UBND, 27/10/2017	700	700	700	700	602	602		98	
9	THCS Hoàng Diệu, xã Vị Tân	3748/QĐ-UBND, 27/10/2017	700	700	700	700	684	684		16	
10	Tiểu học Phạm Hồng Thái, phường VII	3746/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.100	1.100	1.100	1.100	1.063	1.063		37	
11	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi trong Khu dân cư - tái định cư phường III (Giai đoạn 2)	2069/QĐ-UBND, 30/10/2017	24.336	24.336	25.234	25.234	24.336	24.336		898	
12	Kè gia cố sạt lở và lát gạch vỉa hè đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Lê Hồng Phong)	1028/QĐ-UBND, 02/7/2019	6.000	6.000			6.000	6.000	6.000		
13	Nhà văn hóa khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh	989/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.300	1.300			1.300	1.300	1.300		
14	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Thạnh Trung, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	1005/QĐ-UBND, 01/7/2019	1.600	1.600			1.600	1.600	1.600		
15	Nhà Văn hóa khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh	988/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.600	1.600			1.600	1.600	1.600		
16	Nhà Văn hóa khu vực 5, phường III, thành phố Vị Thanh	987/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.600	1.600			1.600	1.600	1.600		
17	Nhà Văn hóa khu vực 3, phường V, thành phố Vị Thanh	986/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.576	1.576			1.576	1.576	1.576		
18	Nhà Văn hóa khu vực 2, phường III, thành phố Vị Thanh	997/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.600	1.600			1.600	1.600	1.600		
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị số 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**3.715**	**73**			**73**	**73**	**73**		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)		183.683				2.878	2.878	2.878		
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)		728				296	296	296		
II	Thị xã Ngã Bảy		339.614	178.498	88.415	60.599	105.050	76.272	25.067	9.394	
A	Hỗ trợ các địa phương		137.269	42.269	20.820	13.360	21.278	13.818	460	2	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		130.118	35.118	13.940	9.480	14.338	9.878	400	2	
1	Bờ kè Trần Hưng Đạo - Lê Lợi	784/QĐ-UBND, 9/4/2013	120.367	25.367	8.440	3.980	8.438	3.978		2	
2	Chỉnh trang hạ tầng khu dân cư Sanh Tuấn	2405/QĐ-UBND, 23/9/2015	9.751	9.751	5.500	5.500	5.900	5.900	400		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		7.151	7.151	6.880	3.880	6.940	3.940	60	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		7.151	7.151	6.880	3.880	6.940	3.940	60	-	
1	NC hẻm Tài chính cũ, phường Ngã Bảy	2788/QĐ-UBND, 30/10/2015	7.151	7.151	6.880	3.880	6.940	3.940	60		
B	Thực hiện theo tiêu chí		202.345	136.229	67.595	47.239	83.772	62.454	24.607	9.392	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		92.504	92.504	48.341	30.485	43.687	22.869	1.468	9.084	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**92.504**	**92.504**	**48.341**	**30.485**	**43.687**	**22.869**	**1.468**	**9.084**	
	Dự án nhóm C		**92.504**	**92.504**	**48.341**	**30.485**	**43.687**	**22.869**	**1.468**	**9.084**	
1	Nhà Văn Hoá ấp Xẻo Vông	1452/QĐ-UBND, 11/6/2015	771	771	611	11	600	-		11	
2	Nhà văn hóa ấp Láng Sen A, xã Hiệp Lợi	3456/QĐ-UBND, 30/10/2014	1.723	1.723	1.016	493	1.705	166		327	
3	Trường tiểu học Lái Hiếu	5237/QĐ-UBND, 31/12/2013	7.789	7.789	3.337	1.500	2.267	430		1.070	
4	Trường Tiểu học Lái Hiếu (giai đoạn 2)	3460/QĐ-UBND, 30/10/2014	9.422	9.422	5.016	1.922	4.096	1.002		920	
5	Nâng cấp sân, xây mới hàng rào Nhà thông tin khu vực VI, phường Ngã Bảy	380/QĐ-UBND, 02/3/2015	561	561	543	358	342	157		201	
6	Chốt an ninh trật tự tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	QĐ 3012, 12/9/2014	1.112	1.112	663	107	556	-		107	
7	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	2014/QĐ-UBND, 25/10/2012	5.017	5.017	2.488	1.479	2.279	1.000		479	
8	Nhà văn hóa-khu thể thao ấp Láng Sen, xã Hiệp Lợi	3457/QĐ-UBND, 30/10/2014	2.693	2.693	1.977	1.727	1.477	600		1.127	
9	Nhà văn hóa-khu thể thao ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi	1155/QĐ-UBND, 06/5/2015	3.693	3.693	3.107	1.007	3.124	503		504	
10	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông Bình, xã Tân Thành	2197/QĐ-UBND, 02/7/2014	3.052	3.052	2.095	1.123	2.495	1.523	400		
11	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông An 2A, xã Tân Thành	2196/QĐ-UBND, 02/7/2014	3.151	3.151	2.956	1.856	2.956	1.000		856	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
12	Nâng cấp sửa chữa Trụ sở làm việc UBND xã Tân Thành (Hạng mục: NCSC Trụ sở làm việc UBND, Trụ sở làm việc xã đội; phòng tiếp nhận và trả kết quả hành chính tại xã Tân Thành, nhà công vụ + bếp ăn)	3597/QĐ-UBND, 15/10/2013	2.067	2.067	2.067	1.767	1.965	1.100		667	
13	Lộ nội ô thị trấn Phụng Hiệp - phần còn lại (nay phường Ngã Bảy)	1381/QĐ-UBND, 30/9/2015	6.298	6.298	527	300	1.595	1.368	1.068		
14	Trung tâm y tế thị xã Ngã Bảy	1194/QĐ-UBND, 31/5/2010	29.342	29.342	11.433	8.260	9.042	5.869		2.391	
15	Trụ sở UBND phường Lái Hiếu	1646/QĐ-UBND, 16/8/2012	9.735	9.735	5.476	5.476	5.455	5.455		21	
16	Trung tâm VH-TT xã Tân Thành	1709/QĐ-UBND, 24/6/2014	6.078	6.078	5.029	3.099	3.733	2.696		403	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**31.567**	**31.567**	**19.254**	**16.754**	**31.172**	**30.672**	**14.226**	**308**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**31.567**	**31.567**	**19.254**	**16.754**	**31.172**	**30.672**	**14.226**	**308**	
	Dự án nhóm C		**31.567**	**31.567**	**19.254**	**16.754**	**31.172**	**30.672**	**14.226**	**308**	
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Ngã Bảy (giai đoạn 3)	03/QĐ-UBND, 07/01/2016	1.443	1.443	1.443	943	1.441	941		2	
2	Nâng cấp lộ từ Trường THCS Nguyễn Khuyến đến cầu Tám Nhái	3728/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.600	2.600	2.482	2.482	2.300	2.300		182	
3	Đoạn nối tuyến DCVL Cái Côn đến xã Phú Hữu, huyện Châu Thành	3732/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.512	3.512	3.512	3.512	3.480	3.480		32	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
4	Mua sắm trang thiết bị Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Ngã Bảy	3740/QĐ-UBND, 31/10/2016	590	590	500	500	588	588	88		
5	Nâng cấp sửa chữa đường ô tô về xã Đại Thành (từ Lê Hồng Phong đến cầu Ba Ngàn)	3752/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.900	1.900	1.900	1.900	1.898	1.898		2	
6	Trường Tiểu học Hùng Vương, phường Ngã Bảy	3733/QĐ-UBND, 31/10/2016	4.000	4.000	3.600	1.600	4.000	4.000	2.400		
7	Trường Mẫu giáo Sao Mai	2416/QĐ-UBND, 24/10/2017	993	993	993	993	991	991		2	
8	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	2417/QĐ-UBND, 31/10/2017	964	964	995	995	964	964		31	
9	Trường THCS Nguyễn Trãi	2438/QĐ-UBND, 31/10/2017	994	994	994	994	986	986		8	
10	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Ngã Bảy	2418/QĐ-UBND, 31/10/2017	983	983	983	983	970	970		13	
11	Trường Mầm non Hướng Dương	2419/QĐ-UBND, 31/10/2017	900	900	900	900	891	891		9	
12	Trường THCS Lê Hồng Phong	2420/QĐ-UBND, 31/10/2017	698	698	700	700	698	698		2	
13	Trường THCS Nguyễn Du	2422/QĐ-UBND, 31/10/2017	252	252	252	252	227	227		25	
14	Nâng cấp mở rộng lộ giao thông ấp Sơn Phú 2 - Bảy Thưa - Đông Bình - Đông An 2A, xã Tân Thành, thị xã Ngã Bảy	973/QĐ-UBND, 25/6/2019	11.738	11.738			11.738	11.738	11.738		
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị số 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**71.408**	**12.157**			**3.020**	**3.020**	**3.020**		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)		6.865				5.893	5.893	5.893		
III	Thị xã Long Mỹ		131.791	60.699	55.219	43.302	54.774	43.302	6.291	6.291	
B	Thực hiện theo tiêu chí		131.791	60.699	55.219	43.302	54.774	43.302	6.291	6.291	
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2011-2015		9.470	9.470	7.995	3.630	4.490	570	0	3.060	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015		9.470	9.470	7.995	3.630	4.490	570	0	3.060	
1	Đường từ kênh Xẻo Cỏ đến kênh Quảng Lộ Phụng Hiệp	3069/QĐ-UBND, 24/9/2013	7.590	7.590	7.495	3.130	4.490	570		2.560	
2	Vỉa hè và cống thoát nước đường Nguyễn Huệ (cầu Phú Xuyên - giáp trường THPT Long Mỹ)	288/QĐ-UBND, 28/10/2015	1.880	1.880	500	500		-		500	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		61.148	50.546	47.224	39.672	49.601	42.049	5.608	3.231	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		61.148	50.546	47.224	39.672	49.601	42.049	5.608	3.231	
1	Đường giao thông nông thôn tuyến Xẻo Trâm xã Long Bình	4193/QĐ-UBND, 11/10/2014	5.935	185			185	185	185		
2	Trụ sở UBND phường Bình Thạnh	313/QĐ-UBND, 30/10/2015	7.230	5.800	7.230	5.800	5.230	3.800		2.000	
3	Trụ sở Phường Thuận An	469/QĐ-UBND, 24/3/2016	9.767	9.767	7.600	7.600	8.173	8.173	573		
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ	1514c/QĐ-UBND, 30/10/2016	950	950			900	900	900		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
5	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Long Trị , thị xã Long Mỹ	1513d/QĐ-UBND, 30/10/2016	942	942			900	900	900		
6	Nâng cấp Trung tâm Văn hóa Khu thể thao xã Long Trị A	786/QĐ-UBND, 01/06/2016	4.000	1.500	3.500	300	3.870	670	370		
7	Đường Cả Đỏ B	305 /QĐ-UBND, 22/02/2016	1.180	1.180	200	200	400	400	200		
8	Trường THCS Long Trị A	503/QĐ-UBND, 30/03/2016	2.355	2.355	2.205	205	2.355	355	150		
9	Trường Tiểu học Tân Phú 1, điểm Tân Hưng 2, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ. Hạng mục: 03 phòng học, sân chơi, khu vệ sinh, cổng trường, hàng rào và thiết bị	1509/QĐ-UBND, 10/10/2016	1.444	522	1.444	522	1.474	552	30		
10	Trường THCS Tân Phú	1513/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.000	3.000	3.000	3.000	2.650	2.650		350	
11	Trường THCS Long Phú	1514/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.000	3.000	3.000	3.000	2.965	2.965		35	
12	Trung tâm văn hóa và khu thể thao xã kết hợp NVH ấp 8 xã Long Trị	1512/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.000	9.000	9.000	9.000	8.670	8.670		330	
13	Nghĩa Trang nhân dân phường Thuận An	1516/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.000	2.000	2.000	2.000	1.839	1.839		161	
14	Trường Mẫu giáo Long Trị A	3635a/QĐ-UBND, 30/10/2017	196	196	196	196	185	185		11	
15	Trường Mẫu giáo Tân Phú	3635b/QĐ-UBND, 30/10/2017	282	282	282	282	275	275		7	
16	Trường Tiểu học Vĩnh Tường	3636a/QĐ-UBND, 30/10/2017	517	517	517	517	477	477		40	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
17	Trường Tiểu học Long Trị 1 (Ngã 4 Giải phóng)	3636b/QĐ-UBND, 30/10/2017	154	154	154	154	150	150		4	
18	Trường Trường THCS Trà Lồng	3637a/QĐ-UBND, 30/10/2017	690	690	690	690	625	625		65	
19	Trường THCS Trịnh Văn Thì	3637b/QĐ-UBND, 30/10/2017	876	876	876	876	838	838		38	
20	Trường THCS Thuận An	3637c/QĐ-UBND, 30/10/2017	330	330	330	330	290	290		40	
21	Đường Nguyễn Việt Hồng	3638c/QĐ-UBND, 30/10/2017	5.000	5.000	5.000	5.000	4.850	4.850		150	
22	Trường Tiểu học Long Phú 1	975/QĐ-UBND, 25/6/2019	1.000	1.000			1.000	1.000	1.000		
23	Nâng cấp đê bao tuyến kênh Giồng Sao	1028/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.300	1.300			1.300	1.300	1.300		
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**61.173**	**683**			**683**	**683**	**683**		
IV	**Huyện Long Mỹ**		**188.608**	**142.138**	**118.478**	**96.107**	**127.148**	**104.477**	**14.273**	**5.903**	
B	**Thực hiện theo tiêu chí**		**188.608**	**142.138**	**118.478**	**96.107**	**127.148**	**104.477**	**14.273**	**5.903**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**73.224**	**58.482**	**38.397**	**28.064**	**37.819**	**27.486**	**319**	**897**	
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**73.224**	**58.482**	**38.397**	**28.064**	**37.819**	**27.486**	**319**	**897**	
	Dự án nhóm C		**73.224**	**58.482**	**38.397**	**28.064**	**37.819**	**27.486**	**319**	**897**	
1	Trụ sở tạm huyện Long Mỹ	876/QĐ-UBND, 26/6/2015	29.711	29.711	19.900	19.900	20.043	20.043	143		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
2	Trường THCS Lương Tâm	1162/QĐ-UBND, 20/8/2015	12.276	2.000	1.370	75	1.471	176	101		
3	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn A2	1663/QĐ-UBND, 12/8/2016	6.770	6.770	6.770	1.246	6.485	961		285	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu tái định cư - dân cư thương mại xã Lương Nghĩa	2142/QĐ-UBND, 31/7/2012	4.491	4.491	3.222	3.222	2.718	2.718		504	
5	Trường Tiểu học Thuận Hưng 2	1664/QĐ-UBND, 12/8/2015	7.073	5.824	2.324	600	2.322	598		2	
6	Tuyến đường sông Nước Trong ấp 10 xã Vĩnh Viễn A	1115/QĐ-UBND, 12/5/2014	5.839	3.362	3.250	1.750	3.205	1.705		45	
7	Đường GTNT tuyến Chủ tĩnh xã Vĩnh Thuận Đông	2405/QĐ-UBND, 25/12/2015	796	356	586	296	541	251		45	
8	Cầu kênh Cái Dứa ấp 3,4 xã Vĩnh Viễn	1324/QĐ-UBND, 10/6/2013	600	300	300	300	284	284		16	
9	Nâng cấp tuyến đê bao Long Mỹ 2	5668/QĐ-UBND, 25/7/2014	5.668	5.668	675	675	750	750	75		
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**84.047**	**83.392**	**80.081**	**68.043**	**78.860**	**66.522**	**3.485**	**5.006**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**84.047**	**83.392**	**80.081**	**68.043**	**78.860**	**66.522**	**3.485**	**5.006**	
	Dự án nhóm C		**84.047**	**83.392**	**80.081**	**68.043**	**78.860**	**66.522**	**3.485**	**5.006**	
1	Đường số 7 giáp chợ (cặp kinh 10 thước)	2081/QĐ-UBND, 30/10/2015	841	841	841	841	804	804		37	
2	Đường số 34 cặp kinh cù tre	2082/QĐ-UBND, 30/10/2015	545	545	545	545	520	520		25	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
3	Đường số 13 (kinh củ tre)	2083/QĐ-UBND, 30/10/2015	1.129	1.129	1.129	1.129	1.057	1.057		72	
4	Đường số 17 cặp chợ (kênh 13)	2085/QĐ-UBND, 30/10/2015;	721	721	721	721	700	700		21	
5	Đường số 28	2086/QĐ-UBND, 30/10/2015; 466/QĐ-UBND, 24/2/2017	1.997	1.997	1.917	1.917	1.996	1.996	79		
6	Cầu kinh 10 thước (kinh củ tre)	2088/QĐ-UBND, 30/10/2015	1.738	1.738	1.738	1.738	1.241	1.241		497	
7	Cầu kinh 13 (kinh ngang)	2089/QĐ-UBND, 30/10/2015	1.378	1.378	1.378	1.378	1.108	1.108		270	
8	Đường cặp khu di tích (kinh 13)	2087/QĐ-UBND, 30/10/2015	1.168	1.168	1.168	168	1.098	98		70	
9	Đường bê tông 2,5m tuyến Bụi Dứa ấp 4,6 xã Vĩnh Thuận Đông	114/QĐ-UBND, 26/01/2016	1.133	1.133	1.133	633	1.061	561		72	
10	Cầu trường THCS Vĩnh Viễn A1	15/QĐ-UBND, 11/01/2016	392	392	392	380	362	350		30	
11	Nhà khách huyện ủy Long Mỹ	2461/QĐ-UBND, 31/12/2015	1.260	1.260	1.260	1.150	1.148	1.038		112	
12	Nhà văn hóa ấp 2 xã Vĩnh Thuận Đông	22/QĐ-UBND, 11/01/2016	931	931	931	250	681	-		250	
13	Nhà văn hóa ấp 6 xã Vĩnh Thuận Đông	23/QĐ-UBND, 11/01/2016	791	791	791	180	611	-		180	
14	Nhà văn hóa xã Vĩnh Thuận Đông	21/QĐ-UBND, 11/01/2016	2.960	2.960	2.960	760	2.871	671		89	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
15	Trường Tiểu học Lương Tâm 1	19/QĐ-UBND, 11/01/2015	2.841	2.841	2.841	1.641	2.702	1.502		139	
16	Trường THCS Vĩnh Thuận Đông	20/QĐ-UBND, 11/01/2016	1.970	1.970	1.970	670	1.901	601		69	
17	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn A	16/QĐ-UBND, 11/01/2016	2.885	2.230	2.885	461	2.495	89		372	
18	Trường THCS Lương Nghĩa	18/QĐ-UBND, 11/01/2016	2.938	2.938	2.938	938	2.833	515		423	
19	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn 1; Hạng mục: Hội trường, hàng rào xung quanh	2740/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.700	2.700	2.210	2.210	2.554	2.554	344		
20	Cầu kênh Chùa ấp 7 xã Lương Nghĩa	2844/QĐ-UBND, 31/10/2016	260	260	240	240	256	256	16		
21	Sửa chữa trường tiểu học Vĩnh Viễn 4 thành nhà văn hóa ấp 1 xã Vĩnh Viễn	2840/QĐ-UBND, 31/10/2016	413	413	413	413	383	383		30	
22	Sửa chữa trụ sở ấp 3 (cũ) thành nhà văn hóa ấp 3 xã Vĩnh Viễn	2841/QĐ-UBND, 31/10/2016	86	86	80	80	86	86	6		
23	Đường vào trường THCS Lương Tâm	2842/QĐ-UBND, 31/10/2016	951	951	900	900	740	740		160	
24	Nghĩa trang nhân dân xã Thuận Hưng	2843/QĐ-UBND, 31/10/2016	413	413	400	400	391	391		9	
25	Trường Mẫu giáo Lương Tâm; hạng mục: 06 phòng học ấp 4	2591/QĐ-UBND, 07/10/2016	2.400	2.400	2.400	2.400	2.370	2.370		30	
26	Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng xã Lương Tâm	1882/QĐ-UBND, 25/7/2016	1.850	1.850	1.850	1.850	1.817	1.817		33	
27	Trường THCS Lương Tâm; hạng mục: 08 phòng chức năng	2827/QĐ-UBND, 31/10/2016	5.000	5.000	5.000	5.000	4.056	4.056		944	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
28	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn A2; hạng mục: 04 phòng chức năng	2828/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.000	2.000	2.000	2.000	1.996	1.996		4	
29	Trường Mẫu giáo xã Vĩnh Thuận Đông; hạng mục: 04 phòng và hàng rào	2849/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.500	2.500	2.500	2.500	2.385	2.385		115	
30	Trường Tiểu học Xà Phiên 2	2829/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.000	2.000	2.000	2.000	1.964	1.964		36	
31	Trường Tiểu học Thuận Hòa 2	2831/QĐ-UBND, 31/10/2016	7.000	7.000	7.000	7.000	6.783	6.783		217	
32	Nâng cấp sửa chữa trường THCS Xà Phiên	2846/QĐ - UBND, 31/10/2016	700	700	700	700	673	673		27	
33	Đường cặp sông Cái (đoạn từ đường 3,5m đến Đình thần Nguyễn Trung Trực)	2821/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.200	1.200	1.200	1.200	1.171	1.171		29	
34	Lộ bê tông tuyến kênh Lầu ấp 4, ấp 5 xã Lương Tâm	2822/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.500	3.500	3.500	3.500	3.418	3.418		82	
35	Đường bê tông 3,5m Bờ Đông kênh Năm Căn ấp 3 xã Lương Tâm	2823/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.500	3.500	3.500	3.500	3.391	3.391		109	
36	Đường bê tông 2,5m kênh 6 Xuân xã Vĩnh Thuận Đông	2825/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.000	1.000	1.000	1.000	974	974		26	
37	Tuyến kênh Bến Ruộng ấp 1,7 xã Vĩnh Thuận Đông (đoạn từ ngã tư Bến Ruộng đến nhà 3 Manh)	2820/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.000	3.000	3.000	3.000	2.973	2.973		27	
38	Nhà văn hóa ấp 2 xã Lương Tâm	2835/QĐ-UBND, 31/10/2016	700	700	600	600	676	676	76		
39	Nhà văn hóa ấp 4 xã Lương Tâm	2836/QĐ-UBND, 31/10/2016	700	700	600	600	626	626	26		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
40	Nhà văn hóa ấp 8 xã Lương Tâm	2837/QĐ-UBND, 31/10/2016	700	700	600	600	665	665	65		
41	Nhà văn hóa ấp 9 xã Lương Tâm	2838/QĐ-UBND, 31/10/2016	700	700	600	600	629	629	29		
42	Nhà văn hóa ấp 3 xã Vĩnh Thuận Đông	2832/QĐ-UBND, 31/10/2016	700	700	650	650	700	700	50		
43	Nhà văn hóa ấp 5 xã Thuận Hòa	2839/QĐ-UBND, 31/10/2016	800	800	700	700	738	738	38		
44	Giải phóng mặt bằng Đường tỉnh 930 (đoạn từ nút giao đường tránh qua Trung tâm huyện Long Mỹ đến cầu Hai Quyền)	2824/QĐ-UBND, 31/10/2016	4.796	4.796	3.400	3.400	4.796	4.796	1.396		
45	Trường Mẫu giáo Xà Phiên 2	2830/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.000	3.000	3.000	3.000	2.892	2.892		108	
46	Bia lưu niệm Xẻo Đước	3226/QĐ-UBND, 31/10/2017	500	500	500	500	310	310		190	
47	Cầu Ba Hữu	3227/QĐ-UBND, 31/10/2017	800	800	800	800	776	776		24	
48	Nhà tưởng niệm Xẻo Giá - Thanh Thủy xã Vĩnh Viễn A	3228/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.200	1.200	1.200	1.200	1.122	1.122		78	
49	Nhà bia tưởng niệm các liệt sĩ Trung đoàn 10 - Quân khu 9 tại xã Xà Phiên	1042/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.360	1.360			1.360	1.360	1.360		
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị số 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**10.552**	**264**			**264**	**264**	**264**		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)		18.208				9.171	9.171	9.171		
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)		2.577				1.034	1.034	1.034		
V	Huyện Vị Thủy		327.173	223.521	146.443	121.456	146.443	121.456	12.057	12.057	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		121.979	108.521	32.582	17.134	29.387	13.939	221	3.416	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		72.973	72.973	11.408	10.328	10.088	9.008	221	1.541	
	Dự án nhóm C		72.973	72.973	11.408	10.328	10.088	9.008	221	1.541	
1	Nâng cấp đường kênh 13.000, xã Vĩnh Trung (đoạn từ ngã năm đến đường nối Vị Thanh - Cần Thơ)	2177/QĐ-UBND, 12/6/2014	3.650	3.650	3.151	3.151	3.114	3.114		37	
2	Đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	3841b/QĐ-UBND, 24/10/2012	8.153	8.153	47	47	131	131	84		
3	Đường TT Nàng Mau - VT Tây	123/QĐ- UBND, 22/11/2014	8.916	8.916	265	265	304	304	39		
4	Trường mẫu giáo xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, Hạng mục: Khối lớp học và các hạng mục phụ trợ	4846/QĐ-UBND, 17/12/2010	6.434	6.434	497	497	495	495		2	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
5	Khu Tái định cư C-D	159/QĐ-UBND, 25/01/2013	19.484	19.484	1.689	1.264	1.787	1.362	98		
6	Khu thể thao xã Vị Thanh	3538/QĐ-UBND, 24/10/2013	5.385	5.385	2.888	2.752	2.577	2.441		311	
7	Đường 3 liên - Ông tà gói thầu 3	1454/QĐ-UBND, 8/9/2011	1.618	1.618	107	107	26	26		81	
8	Đường Nguyễn Văn Tiềm nối dài	1928/QĐ-UBND, 25/5/2012	3.900	3.900	55	55	45	45		10	
9	Tráng sân nhà thông tin; hạng mục: Nhà thông tin ấp 2, 4, 9A1, 9A2, 9B2, xã Vị Bình; ấp 6 xã Vị Đông; ấp 2, 3, xã Vĩnh Trung; ấp Vĩnh Hiếu, xã Vĩnh Tường; ấp 7, 8, 10 xã Vị Trung, huyện Vị Thủy	3306/QĐ-UBND, 04/9/2014	54	54	54	54	-	-		54	
10	Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Vị Thủy, hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa	1262/QĐ-UBND, 17/02/2011	494	494	40	40	26	26		14	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
11	Nhà vệ sinh công cộng thuộc dự án chương trình mục tiêu quốc gia, hạng mục: Nhà vệ sinh trường THCS Vị Bình, trường THCS Vị Thắng, trường tiểu học Vị Thắng 1, trường tiểu học Vĩnh Trung 3, trường tiểu học Vị Trung 2 (điểm C), trường tiểu học Vĩnh Thuận Tây	1756/QĐ-UBND, 03/6/2010	535	535	108	108	59	59		49	
12	Trạm y tế xã Vị Thắng	2567/QĐ-UBND, 21/7/2014	301	301	71	71	-	-		71	
13	Di dời xây dựng hàng rào trụ sở UBND huyện	3061/QĐ-UBND, 26/8/2009	322	322	15	15	-	-		15	
14	Mở rộng khuôn viên UBND huyện Vị Thủy	5094/QĐ-UBND, 30/9/2011	609	609	31	31	-	-		31	
15	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7B2, xã Vị Thanh	3539/QĐ-UBND, 24/10/2013	2.757	2.757	1.019	500	520	1		499	
16	Sửa chữa 20 căn nhà công vụ	6200/QĐ-UBND, 24/11/2011	458	458	24	24	-	-		24	
17	Hội trường Huyện ủy Vị Thủy	2887/QĐ-UBND, 25/5/2011	8.123	8.123	1.253	1.253	942	942		311	
18	Xây dựng, nâng cấp trụ sở UBND xã Vĩnh Trung	3364/QĐ-UBND, 16/10/2013	683	683	44	44	29	29		15	
19	Mua sắm thiết bị bàn ghế cho các trường học	3716/QĐ-UBND, 18/10/2014	1.037	1.037	37	37	33	33		4	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
20	Đài Truyền thanh huyện Vị Thủy: Hệ thống chống sét lan truyền qua đường dây điện 1 pha 220V và kéo đường dây riêng phục vụ đài	5050/QĐ-UBND, 27/09/2011	60	60	13	13	-	-		13	
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**49.006**	**35.548**	**21.174**	**6.806**	**19.299**	**4.931**	-	**1.875**	
1	Nhà văn hóa ấp 5, xã Vị Thủy	3890/QĐ-UBND, 24/10/2014	1.648	1.648	935	288	716	69		219	
2	Trung tâm văn hóa xã Vị Thủy	3951/QĐ-UBND, 30/10/2014	2.955	2.955	2.055	363	2.036	344		19	
3	Trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học các trường đạt chuẩn bậc tiểu học: HM: Trường Tiểu học Vị Trung 1, tiểu học Vị Đông 3, tiểu học Vị Thanh 2	3734/QĐ-UBND, 25/10/2013	3.247	3.247	1.265	1.265	1.183	1.183		82	
4	Trang Thiết bị cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học các trường đạt chuẩn bậc mầm non Họa Mi, Mẫu giáo Vị Thủy, Mẫu giáo Vĩnh Trung, mẫu giáo Vị Bình	2736/QĐ-UBND, 25/10/2013	4.284	4.284	2.484	2.484	2.302	2.302		182	
5	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn ấp 9, xã Vị Thắng	3895/QĐ-UBND, 24/10/2014	4.295	4.295	4.295	362	3.995	62		300	
6	Trung tâm y tế huyện Vị Thủy	1377/QĐ-UBND, 30/8/2011	32.577	19.119	10.140	2.044	9.067	971		1.073	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		116.975	114.655	113.861	104.322	108.167	98.628	2.947	8.641	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		116.975	114.655	113.861	104.322	108.167	98.628	2.947	8.641	
	Dự án nhóm C		116.975	114.655	113.861	104.322	108.167	98.628	2.947	8.641	
1	Nâng cấp, mở rộng Hội trường UBND các xã thuộc huyện Vị Thủy	3600/QĐ-UBND, 30/10/2015; 10/QĐ-UBND, 18/1/2016	536	536	481	481	489	489	8		
2	Đường Trà Sắt Kênh Ngang	1055/QĐ-UBND, 31/3/2016	4.448	2.128	4.300	2.100	4.328	2.128	28		
3	Khu thể thao xã Vị Thủy	3888/QĐ-UBND, 24/10/2014	5.504	5.504	5.504	2.000	4.954	1.450		550	
4	Nâng cấp, mở rộng và trang thiết bị đạt chuẩn trường tiểu học Vị Thanh 1	227/QĐ-UBND, 25/01/2016	374	374	374	359	351	336		23	
5	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy	3597/QĐ-UBND, 30/10/2015	390	390	390	140	308	58		82	
6	Kho lưu trữ huyện Vị Thủy	3601/QĐ-UBND 30/10/2015	1.470	1.470	1.470	1.470	1.047	1.047		423	
7	Nâng cấp sửa chữa trường THCS Vị Thanh, hạng mục: Lợp mái, đóng trần, xà gồ dãy 05 phòng học	4387/QĐ-UBND, 27/10/2016	200	200	200	200	180	180		20	
8	Nâng cấp sửa chữa trường Tiểu học Vị Thắng 2, hạng mục: Lợp mái, đóng trần, xà gồ, lát gạch dãy 07 phòng học	4388/QĐ-UBND, 27/10/2016	500	500	500	500	450	450		50	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
9	Nâng cấp sửa chữa trường Tiểu học Vĩnh Trung 4, hạng mục: Lợp mái, đóng trần, xà gồ, lát gạch, sơn dãy 04 phòng học, sửa chữa nhà vệ sinh	4389/QĐ-UBND, 27/10/2016	300	300	300	300	270	270		30	
10	Sửa chữa hội trường lớn Huyện ủy Vị Thủy	4406a/QĐ-UBND, 28/10/2016	260	260	260	260	242	242		18	
11	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 6, xã Vị Thắng	1053/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.368	2.368	2.368	1.068	2.043	743		325	
12	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 7, xã Vị Thắng	1049/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.199	2.199	2.199	929	1.944	674		255	
13	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 10, xã Vị Thắng	1051/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.850	1.850	1.850	1.450	1.248	848		602	
14	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vị Thắng	1052/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.691	1.691	1.691	1.391	1.463	1.163		228	
15	Nhà văn hóa ấp 12, xã Vị Thắng	1054/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.562	1.562	1.562	1.262	1.293	993		269	
16	Bờ kè chống sạt lở kênh Mương Lộ 61, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (đoạn cầu vượt nút giao)	4406b/QĐ-UBND, 28/10/2016	5.900	5.900	5.900	5.900	5.125	5.125		775	
17	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia trường Trung học cơ sở Vị Thắng	4407a/QĐ-UBND, 28/10/2016	3.106	3.106	3.106	3.106	3.001	3.001		105	
18	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia trường Mẫu giáo Vị Thắng	4407b/QĐ-UBND, 28/10/2016	4.211	4.211	4.211	4.211	4.056	4.056		155	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
19	Trung tâm văn hóa xã Vị Thắng	4408a/QĐ-UBND, 28/10/2016	2.000	2.000	2.000	2.000	1.898	1.898		102	
20	Khu thể thao xã Vị Thắng	4408b/QĐ-UBND, 28/10/2016	1.471	1.471	1.471	1.471	1.355	1.355		116	
21	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 8, xã Vị Thắng	4409a/QĐ-UBND, 28/10/2016	869	869	869	869	777	777		92	
22	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị để tái công nhận Trường THCS Ngô Quốc Trị đạt chuẩn quốc gia (mức độ 1) trong năm học 2015-2016	4410a/QĐ-UBND, 28/10/2016	1.100	1.100	1.100	1.100	1.000	1.000		100	
23	Trạm biến áp và tuyến ống cấp nước Ban Chỉ huy quân sự huyện Vị Thủy	4409b/QĐ-UBND, 28/10/2016	284	284	284	284	241	241		43	
24	Di dời đường dây điện trung hạ áp tại Trường Tiểu học Vị Thanh 3	2629/QĐ-UBND, 07/9/2016	295	295	295	295	264	264		31	
25	Hệ thống thoát nước khu dân cư C-D, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	4410b/QĐ-UBND, 28/10/2016	191	191	191	191	155	155		36	
26	Trường THCS Vị Đông	3672/QĐ-UBND, 24/10/2017	414	414	414	414	370	370		44	
27	Trường Tiểu học Nàng Mau 1	3674/QĐ-UBND, 24/10/2017	238	238	238	238	220	220		18	
28	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 2	3670/QĐ-UBND, 24/10/2017	1.000	1.000	1.000	1.000	788	788		212	
29	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1	3676/QĐ-UBND, 24/10/2017	590	590	590	590	487	487		103	
30	Trường Tiểu học Vĩnh Tường 2	3675/QĐ-UBND, 24/10/2017	1.187	1.187	1.187	1.187	995	995		192	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
31	Trường trung học cơ sở Ngô Quốc Trị	3673/QĐ-UBND, 24/10/2017	389	389	389	389	329	329		60	
32	Trường Mẫu giáo Vị Thủy	3671/QĐ-UBND, 24/10/2017	193	193	193	193	180	180		13	
33	Phần đất hành lang an toàn Trường bắn Trung đoàn 114 tại xã Vị Thắng	2683/QĐ-UBND, 8/8/2017	739	739	739	739	483	483		256	
34	Đường nối 14.000-9 Thước, xã Vị Thanh	3838/QĐ-UBND, 30/10/2017	400	400	400	400	368	368		32	
35	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị để tái công nhận Trường tiểu học Vị Thủy 2 đạt chuẩn quốc gia (mức độ 2)	3840/QĐ-UBND, 30/10/2017	900	900	900	900	890	890		10	
36	Trang bị cơ sở vật chất trường Mầm non Hoa Hồng	3842/QĐ-UBND, 30/10/2017	600	600	600	600	535	535		65	
37	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia trường Trung học cơ sở Vị Đông	3843/QĐ-UBND, 30/10/2018	1.500	1.500	1.500	1.500	1.486	1.486		14	
38	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia trường tiểu học Vị Đông 3	3841/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.200	3.200	3.200	3.200	3.177	3.177		23	
39	Nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn trường Tiểu học Vĩnh Trung 2	3845/QĐ-UBND, 30/10/2018	2.500	2.500	2.500	2.500	2.462	2.462		38	
40	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn trường Tiểu học Vĩnh Trung 3	3846/QĐ-UBND, 30/10/2018	3.500	3.500	3.500	3.500	3.141	3.141		359	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
41	Nâng cấp trang thiết bị Đài Truyền thanh huyện Vị Thủy	3849/QĐ-UBND, 30/10/2017	800	800	800	800	774	774		26	
42	Nâng cấp trang thiết bị Đài Truyền thanh các xã, thị trấn	3848/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	1.439	1.439		61	
43	Nhà văn hóa ấp 8, xã Vị Trung	3855/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	1.497	1.497		3	
44	Nhà văn hóa ấp 10, xã Vị Trung	3853/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	1.496	1.496		4	
45	Trường Mẫu Giáo Vĩnh Tường	3858/QĐ-UBND, 30/10/2017	13.000	13.000	13.000	13.000	12.574	12.574		426	
46	Trường THCS Vị Bình, huyện Vị Thủy	3856/QĐ-UBND, 30/10/2017	13.947	13.947	13.947	13.947	13.800	13.800		147	
47	Trung tâm văn hóa xã Vị Trung	3847/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.942	1.942	1.942	1.942	1.700	1.700		242	
48	Khu thể thao xã Vị Trung	3850/QĐ-UBND, 30/10/2017	2.300	2.300	2.300	2.300	1.969	1.969		331	
49	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	3851/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.500	3.500	3.500	3.500	3.069	3.069		431	
50	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9	3852/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.500	3.500	3.500	3.500	2.674	2.674		826	
51	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vị Trung	3854/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	1.441	1.441		59	
52	Nhà văn hóa ấp 13, xã Vị Trung	3857/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	1.376	1.376		124	
53	Đường kênh 9 Thước, xã Vị Trung	2310/QĐ-UBND, 30/11/2017	7.146	7.146	7.146	7.146	7.054	7.054		92	
54	Xây dựng panô, Cổng chào, xã Vị Trung và các ấp	1004/QĐ-UBND, 28/6/2019	851	851			851	851	851		
55	Đường kênh 9 Thước, xã Vĩnh Trung	990/QĐ-UBND, 27/6/2019	960	960			960	960	960		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
56	Huyện ủy Vị Thủy. Hạng mục: lắp đặt điện, nước, rãnh thoát nước, vĩa hè	1045/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.100	1.100			1.100	1.100	1.100		
(3)	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)		88.219	345			345	345	345		
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)						128	128	128		
(5)	Dự án vay NHPT (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.3)						7.758	7.758	7.758		
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)						658	658	658		
VI	Huyện Phụng Hiệp		350.622	236.679	85.176	65.681	88.337	68.842	8.906	5.745	
B	Theo tiêu chí định mức		350.622	236.679	85.176	65.681	88.337	68.842	8.906	5.745	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		193.427	193.427	47.746	30.951	46.183	29.388	2.224	3.787	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		156.695	156.695	35.746	18.951	33.748	16.953	1.789	3.787	
	Dự án nhóm C		156.695	156.695	35.746	18.951	33.748	16.953	1.789	3.787	
1	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Phương Phú	1391/QĐ-UBND, 23/3/2015	1.480	1.480	1.408	1.408	1.369	1.369		39	
2	Trung tâm Y tế huyện	1091/QĐ-UBND, 04/07/2011	33.993	33.993	7.223	3.723	6.346	2.846		877	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
3	Trường mẫu giáo Thạnh Hòa	3303a/QĐ-UBND, 27/9/2013	4.964	4.964	250	250	253	253	3		
4	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Hoà	3574a/QĐ-UBND, 12/6/2014	7.300	7.300	5.288	500	5.754	966	466		
5	Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện	4906/QĐ-UBND, 11/7/2014	32.198	32.198	10.518	6.018	11.791	7.291	1.273		
6	Đê bao khép kín Tuyến Đất Thánh xã Phương Phú	4579/QĐ-UBND, 19/9/2011	956	956	223	223	0	0		223	
7	Tu bổ, sửa chữa và nâng cấp hệ thống thủy lợi Đê bao khép kín Đội Hai- kênh Giải Phóng	264a/QĐ-UBND, 3/2/2012	2.269	2.269	284	284	-	-		284	
8	Khu tái định cư Thị trấn Cây Dương	3255/QĐ-UBND, 8/12/2009	51.632	51.632	2.109	2.109	370	370		1.739	
9	Kết cấu hạ tầng Trung tâm dạy nghề huyện Phụng Hiệp	6023/QĐ-UBND, 18/10/2010; 4477/QĐ-UBND, 13/4/2011	9.990	9.990	102	102	-	-		102	
10	TH Hiệp Hưng 2. Hạng mục: NCSC phòng học, nhà vệ sinh	Số 6716/QĐ-UBND, 22/10/2015	370	370	370	370	-	-		370	
11	Trường tiểu học Long Thạnh 3. Hạng mục : 6 phòng học, khu nhà vệ sinh	1146/QĐ-UBND, 18/8/2015	2.477	2.477	954	954	935	935		19	
12	Trường TH Hòa An 1. Hạng mục: Xây dựng 11 phòng học, sân đường, thoát nước ngoại vi	4101/QĐ-UBND, 12/10/2016	4.183	4.183	4.183	2.183	4.121	2.121		62	
13	Trường mẫu giáo Tân Bình 2. Hạng mục: 2 phòng học, sân chơi	968/QĐ-UBND, 16/7/2015	1.378	1.378	807	316	742	251		65	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
14	Nhà văn hóa ấp Phương Thạnh	184/UBND, 13/2/2015	1.504	1.504	1.368	102	1.415	149	47		
15	Nhà văn hóa ấp Phú Khởi	3333/QĐ-UBND 22/5/2014	2.000	2.000	659	409	652	402		7	
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**36.732**	**36.732**	**12.000**	**12.000**	**12.435**	**12.435**	**435**	**0**	
	Dự án nhóm C		**36.732**	**36.732**	**12.000**	**12.000**	**12.435**	**12.435**	**435**	**0**	
1	Đường số 1, một đoạn tuyến của đường số 6, một đoạn tuyến của đường số 5 cặp kênh La Bách trung tâm thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	4861/QĐ-UBND, 8/7/2014	36.732	36.732	12.000	12.000	12.435	12.435	435		
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**44.001**	**41.724**	**37.430**	**34.730**	**40.465**	**37.765**	**4.993**	**1.958**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**44.001**	**41.724**	**37.430**	**34.730**	**40.465**	**37.765**	**4.993**	**1.958**	
	Dự án nhóm C		**44.001**	**41.724**	**37.430**	**34.730**	**40.465**	**37.765**	**4.993**	**1.958**	
1	Nâng cấp sửa chữa Trường tiểu học long Thạnh 2 (điểm ấp Long Sơn 2); hạng mục: Nâng nền, lát rạch 4 phòng, xây mới 01 phòng mẫu giáo, xây dựng nhà vệ sinh	4105/QĐ-UBND, 12/10/2016	990	990	900	900	897	897		3	
2	Nâng cấp sửa chữa Trường tiểu học Hòa Mỹ 1 (điểm ấp 3), hạng mục: Lợp mái dãy 05 phòng học , lát nền dãy 04 phòng học	4106/QĐ-UBND, 12/10/2016	363	363	330	330	296	296		34	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
3	Nâng cấp sửa chữa Trường THCS Hưng Điền	4102/QĐ-UBND, 12/10/2016	440	440	400	400	380	380		20	
4	Nâng cấp sửa chữa Trường tiểu học Tân Phước Hưng 3	4107/QĐ-UBND, 12/10/2016	330	330	300	300	297	297		3	
5	Nâng cấp sửa chữa Trường tiểu học Tân Phước Hưng 2 (điểm cơ sở), hạng mục: Nâng cấp sửa chữa dãy phòng học, xây dựng mới nhà vệ sinh	4104/QĐ-UBND, 12/10/2016	440	440	400	400	378	378		22	
6	Nâng cấp sửa chữa Trường tiểu học Phương Phú 2 (điểm cơ sở), hạng mục: Lợp mái dãy 7 phòng, lát nền dãy 5 phòng, đóng phòng dãy tiền chế	4103/QĐ-UBND, 12/10/2016	550	550	500	500	496	496		4	
7	Nâng cấp sửa chữa Trường tiểu học Hòa An 1	4101/QĐ-UBND, 12/10/2016	4.188	4.011	3.400	3.400	4.011	4.011	611		
8	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, hạng mục: 04 phòng học; 02 phòng chức năng, sân đường	4734/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.300	3.300	1.500	1.500	2.650	2.650	1.150		
9	Trường Mầu giáo Khu căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ, hạng mục: 02 phòng học; 01 phòng chức năng, sân đường	4735/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.700	1.700	1.000	1.000	1.132	1.132	132		
10	Trung tâm Văn hóa thể thao xã Phương Bình	3886/QĐ-UBND, 26/8/2016	8.000	5.900	8.000	5.300	8.100	5.400	100		
11	Hội trường Huyện ủy (400 chỗ ngồi)	4732/QĐ-UBND, 31/10/2016	10.000	10.000	10.000	10.000	9.950	9.950		50	
12	Khu Tái định cư xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp	1072/QĐ-UBND, 08/7/2019	8.000	8.000	5.000	5.000	8.000	8.000	3.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
13	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	4603/QĐ-UBND, 31/10/2017	600	600	600	600	541	541		59	
14	Trường Tiểu học Tân Long 3	4605/QĐ-UBND, 31/10/2017	800	800	800	800	757	757		43	
15	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 1	4606/QĐ-UBND, 31/10/2017	900	900	900	900	887	887		13	
16	Trường Tiểu học Long Thạnh 2	4602/QĐ-UBND, 31/10/2017	700	700	700	700	629	629		71	
17	Trường Tiểu học Phụng Hiệp	4604/QĐ-UBND, 31/10/2017	500	500	500	500	450	450		50	
18	Trường Tiểu học Kim Đồng	4601/QĐ-UBND, 31/10/2017	350	350	350	350	342	342		8	
19	Trường Tiểu học Thị trấn Kinh Cùng	4607/QĐ-UBND, 31/10/2017	350	350	350	350	272	272		78	
20	Chợ tạm tại khu vực Công ty TNHH Hải sảnViệt Hải	4594/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.500	1.500	1.500	1.500	-	-		1.500	
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị số 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**111.570**	**1.528**			**1.528**	**1.528**	**1.528**		
(6)	**Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)**		**1.625**				**161**	**161**	**161**		
VII	**Huyện Châu Thành**		**611.162**	**252.961**	**114.084**	**72.163**	**120.893**	**72.972**	**16.125**	**15.316**	
A	**Hỗ trợ các địa phương**		**33.927**	**16.900**	**22.100**	**15.600**	**25.669**	**13.169**	**1.300**	**3.731**	
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**33.927**	**16.900**	**22.100**	**15.600**	**25.669**	**13.169**	**1.300**	**3.731**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**33.927**	**16.900**	**22.100**	**15.600**	**25.669**	**13.169**	**1.300**	**3.731**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 6, huyện Châu Thành	1352/QĐ-UBND, 24/9/2015	18.938	8.000	14.500	8.000	10.769	4.269		3.731	
2	Khu hành chính UBND thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	1794/QĐ-UBND, 28/10/2016	14.989	8.900	7.600	7.600	14.900	8.900	1.300		
B	**Theo tiêu chí định mức**		**577.235**	**236.061**	**91.984**	**56.563**	**95.224**	**59.803**	**14.825**	**11.585**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020**		**243.251**	**193.072**	**61.484**	**36.063**	**60.906**	**35.485**	**5.905**	**6.483**	
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**		**161.894**	**140.970**	**31.873**	**18.236**	**27.594**	**13.957**	**2.204**	**6.483**	
	Dự án nhóm C		**161.894**	**140.970**	**31.873**	**18.236**	**27.594**	**13.957**	**2.204**	**6.483**	
1	Đường từ khu DC vượt lũ đến trụ sở xã UBND xã Phú Tân	3507/QĐ-UBND, 23/10/2012	1.987	1.987	730	730	746	746	16		
2	Sân khấu ngoài trời Trung tâm Văn hóa huyện	1616/QĐ-UBND, 11/4/2013	6.017	6.017	3.020	120	3.726	826	706		
3	Trụ sở làm việc UBND xã Phú Tân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2672/QĐ-UBND, 06/8/2012	9.966	9.966	3.460	3.460	2.208	2.208		1.252	
4	Đường phía sau HU và UBND huyện gặp đường tránh TTNS	1944/QĐ-UBND, 11/9/2010	12.516	12.516	3.600	3.600	2.300	2.300		1.300	
5	Trường Tiểu học Đông Phú 1, huyện Châu Thành	628/QĐ-UBND, 19/3/2012	34.256	34.256	9.803	2.445	8.675	1.317		1.128	
6	Mở rộng trường MG Đông Thạnh	4055A/QĐ-UBND, 22/10/2013	4.643	4.643	400	400	383	383		17	
7	Tuyến đường Tránh thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, HG	3058/QĐ-UBND, 24/9/2009	22.949	22.949	1.122	1.122	1.476	1.476	354		
8	Đường cặp KTM vào đường tránh TTNS	2277/QĐ-UBND, 20/8/2009	10.752	10.752	1.500	1.500	120	120		1.380	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
9	Tuyến lộ Cái Canh - Ông Hoạch	870/QĐ-UBND, 24/12/2004	4.014	4.014	240	240	-	-		240	
10	Đê bao chống lũ kết hợp giao thông (tuyến NTĐS - BCS) huyện CT	4753/QĐ-UBND, 26/7/2003	19.967	19.967	310	310	619	619	309		
11	Láng nhựa đường cặp Huyện ủy và Uỷ ban nhân dân huyện	512/QĐ-UBND, 01/02/2013	555	555	52	52	-	-		52	
12	Láng nhựa đường cặp Huyện ủy vào Đường tránh thị trấn Ngã Sáu	4082/QĐ-UBND, 27/12/2012	554	554	354	354	323	323		31	
13	Hàng rào cơ quan, nhà truyền thống thư viện xã Đông Phước	3642/QĐ-UBND, 16/10/2013	3.487	3.487	3.104	2.887	2.321	2.104		783	
14	Trung tâm văn hóa xã Đông Thạnh huyện Châu Thành	2210/QĐ-UBND, 08/8/2014	3.222	3.222	1.100	300	800	-		300	
15	Cụm DCVL thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2), tỉnh Hậu Giang	5018/QĐ-UBND, 27/11/2013	18.109	1.185	600	600	1.156	1.156	556		
16	Tu bổ đê điều năm 2014 tỉnh Hậu Giang	2480/QĐ-UBND, 23/10/2013	8.900	4.900	2.478	116	2.741	379	263		
b	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**81.357**	**52.102**	**29.611**	**17.827**	**33.312**	**21.528**	**3.701**	-	
1	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn Ngã Sáu	1325/QĐ-UBND, 27/4/2012	9.967	9.967	4.450	2.000	4.950	2.500	500		
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Châu Thành	1677/QĐ-UBND, 27/4/2012	14.894	14.894	10.050	10.000	10.817	10.767	767		
3	Trường TH Đông Thạnh 1, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành	1342/QĐ-UBND, 22/9/2015	14.912	14.912	11.566	2.827	11.726	2.987	160		
4	Trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	4436/QĐ-UBND, 10/10/2011	31.594	2.339			2.239	2.239	2.239		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
5	Trường tiểu học Đông Thạnh 1	1528/QĐ-UBND, 16/4/2015	9.990	9.990	3.545	3.000	3.580	3.035	35		
(2)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**		**30.507**	**20.507**	**30.500**	**20.500**	**25.609**	**15.609**	**211**	**5.102**	
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**		**30.507**	**20.507**	**30.500**	**20.500**	**25.609**	**15.609**	**211**	**5.102**	
	Dự án nhóm C		**30.507**	**20.507**	**30.500**	**20.500**	**25.609**	**15.609**	**211**	**5.102**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH Ngô Hữu Hạnh 3 (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	5526/QĐ-UBND, 5/10/2016	250	250	230	230	248	248	18		
2	NCSC Trường TH Phú Hữu 3 (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	5527/QĐ-UBND, 5/10/2016	300	300	270	270	300	300	30		
3	NCSC Trường MN Ánh Dương (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	5525/QĐ-UBND, 14/7/2016	600	600	550	550	600	600	50		
4	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành	1220/QĐ-UBND, 16/8/2016	14.800	4.800	14.800	4.800	11.301	1.301		3.499	
5	Đường GTNT ấp Phước Hòa, cầu Kênh Lớn, cầu Kênh Nhỏ	5749/QĐ-UBND, 27/10/2016	5.800	5.800	5.800	5.800	4.658	4.658		1.142	
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 1, Ngô Hữu Hạnh 2 (Khu B), Ngô Hữu Hạnh 3	3248A/UBND, 31/10/2017	1.267	1.267	1.150	1.150	1.263	1.263	113		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ánh Dương, Mẫu giáo Họa Mi và Mẫu giáo Phú Tân	3249A/UBND, 31/10/2017	950	950	950	950	923	923		27	
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đông Phước A và THCS Nam Kỳ Khởi Nghĩa	3250A/UBND, 31/10/2017	1.100	1.100	1.100	1.100	1.066	1.066		34	
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Phú Hữu A	3261A/UBND, 31/10/2017	500	500	500	500	440	440		60	
10	Trường TH Ngô Hữu Hạnh 5 (XD các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	3275A/UBND, 31/10/2017	600	600	600	600	550	550		50	
11	Trường TH Đồng Khởi (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để công nhận đạt chuẩn quốc gia)	3276A/UBND, 31/10/2017	600	600	600	600	580	580		20	
12	Trường THCS Ngô Hữu Hạnh (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để công nhận đạt chuẩn quốc gia)	3277A/UBND, 31/10/2017	390	390	600	600	350	350		250	
13	Trường MG Phú Tân (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	3278A/UBND, 31/10/2017	850	850	850	850	840	840		10	
14	NCSC Trường THCS Nam Kỳ Khởi Nghĩa (XD các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	3280A/UBND, 31/10/2017	2.500	2.500	2.500	2.500	2.490	2.490		10	
(3)	**Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1)**		**201.091**	**22.482**			**4.959**	**4.959**	**4.959**		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
(4)	Dự án để tất toán tài khoản (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.2)		81.315				2.341	2.341	2.341		
(5)	Dự án vay NHPT (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.3)		19.446				1.209	1.209	1.209		
(6)	Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)		1.625				200	200	200		
VIII	Huyện Châu Thành A		90.624	72.522	68.706	56.024	68.706	56.024	13.775	13.775	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		90.624	72.522	68.706	56.024	65.898	53.216	10.967	13.775	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020		90.624	72.522	68.706	56.024	65.898	53.216	10.967	13.775	
	Dự án nhóm C		90.624	72.522	68.706	56.024	65.898	53.216	10.967	13.775	
1	NCSC Trụ sở UBND xã Trường Long A	4358/QĐ-UBND, 30/10/2015	2.939	2.939	2.939	2.939	2.655	2.655		284	
2	NCSC Trụ sở UBND thị trấn Cái Tắc	4353/QĐ-UBND, 30/10/2015	2.166	2.166	2.166	2.166	2.022	2.022		144	
3	Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp đê bao kết hợp với giao thông nông thôn (hạng mục: Tuyến Ba Láng Ấp Tân Thạnh Tây)	4346/QĐ-UBND, 28/10/2015	3.611	3.611	3.611	2.241	3.318	1.948		293	
4	Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp đê bao kết hợp với giao thông nông thôn (hạng mục: Tuyến Ba Láng Ấp Thạnh Lợi)	4345/QĐ-UBND, 28/10/2015	2.465	2.465	2.465	1.563	2.284	1.382		181	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường MG Tuổi Hồng	4314/QĐ-UBND, 21/10/2015	6.031	2.321	6.031	2.321	4.997	1.287		1.034	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
6	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Nhơn nghĩa A	4347/QĐ-UBND, 28/10/2015	2.868	2.868	2.868	1.868	2.564	1.564		304	
7	NCSC Trường tiểu học thị trấn Một Ngàn A (Điểm phụ); hạng mục: Thay mái, đóng trần 07 phòng học, sửa chữa sân, hệ thống thoát nước.	6454/QĐ-UBND, 28/10/2016	400	400	400	400	401	401	1		
8	NCSC Trường THCS Nhơn Nghĩa A; hạng mục: lợp mái, đóng trần dãy 6 phòng và lát nền 1 phòng học; lợp mái, đóng trần và lát nền dãy 2 phòng	6455/QĐ-UBND, 28/10/2016	950	950	950	950	948	948		2	
9	NCSC các công trình phục vụ khai giảng năm học 2017-2018; hạng mục: Trường MG Trường Long A, Trường MG Tuổi Thơ; Trường TH Tân Phú Thạnh 1; Trường TH Thạnh Xuân 1, Trường TH thị trấn Rạch Gòi B, Trường TH Trường Long A1; Trường TH Trường Long Tây 1	6476/QĐ-UBND, 28/10/2016	1.185	1.185	1.185	1.185	1.100	1.100		85	
10	Hội trường Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành A	6456/QĐ-UBND, 28/10/2016	3.000	3.000	3.000	3.000	2.998	2.998		2	
11	NCSC Trường tiểu học Nhơn Nghĩa A2 (Điểm Phụ)	6480/QĐ-UBND, 31/10/2016	548	548	541	541	536	536		5	
12	NC, SC nhà ăn Huyện ủy Châu Thành A	6473/QĐ-UBND, 28/10/2016	250	250	250	250	243	243		7	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
13	Lát gạch vỉa hè (Đoạn Cầu vượt - Điện lực, tuyến cặp Hội trường và Huyện ủy, đoạn cửa UBND huyện - kênh Tân Hiệp, Đoạn cửa UBND huyện - Tượng Đài chiến thắng); hạng mục: Xây mới	6484/QĐ-UBND, 31/10/2016	717	717	717	717	714	714		3	
14	Trục đường Trung tâm thị trấn Một Ngàn đoạn từ kênh Tân Hiệp đến đường công vụ 1300 hướng về Vị Thanh; hạng mục: Trồng cây hoa kiểng	6465/QĐ-UBND, 28/10/2016	650	650	650	650	523	523		127	
15	Cổng chào huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; hạng mục: Cổng chào bảng điện tử	6462/QĐ-UBND, 28/10/2016	1.500	1.500	1.500	1.500	1.289	1.289		211	
16	Trường Tiểu học thị trấn Một Ngàn B (Điểm ấp Nhơn Lộc); hạng mục: Khối nhà chính, sân đường - cột cờ, hàng rào, nhà vệ sinh học sinh, thoát nước ngoại vi	6458/QĐ-UBND, 28/10/2016	900	900	900	900	823	823		77	
17	Cổng chào huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; hạng mục: Cổng chào bảng chữ	6461/QĐ-UBND, 28/10/2016	480	480	480	480	416	416		64	
18	Trường Tiểu học Trường Long A3 (điểm phụ)	6469/QĐ-UBND, 28/10/2016	1.106	1.106	1.106	1.106	1.037	1.037		69	
19	Trường Mẫu giáo Trường Long A (Điểm phụ)	6453/QĐ-UBND, 28/10/2016	950	950	950	950	938	938		12	
20	Nâng cấp đường nội ô thị trấn Một Ngàn; hạng mục: Lát gạch vỉa hè	6485/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.300	2.300	2.300	2.300	2.267	2.267		33	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
21	Bếp ăn BCH QS huyện Châu Thành A	6472/QĐ-UBND, 28/10/2016	178	178	178	178	173	173		5	
22	Hàng rào Ban CHQS huyện Châu Thành A	6486/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.000	1.000	1.000	1.000	925	925		75	
23	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 2	6486/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.000	300	3.000	300	2.940	240		60	
24	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới Trường tiểu học Thạnh Xuận II	6485/QĐ-UBND, 31/10/2016	10.000	7.000	10.000	7.000	8.000	5.000		2.000	
25	Trường THCS Võ Thị Sáu	3933/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.200	1.200	1.200	1.200	1.180	1.180		20	
26	Trường Tiểu học Ngô Quyền	3937/QĐ-UBND, 30/10/2017	400	400	400	400	391	391		9	
27	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực	3938/QĐ-UBND, 30/10/2017	150	150	150	150	146	146		4	
28	Trường Mầm non Anh Đào	3939/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.000	1.000	1.000	1.000	989	989		11	
29	Xây dựng Đê chắn sóng để hạn chế sạt lở ở ấp Tân Thạnh Tây	3940/QĐ-UBND, 30/10/2017	400	400	400	400	377	377		23	
30	Nâng cấp sửa chữa các hạng mục: sân phía trước công an thị trấn Cái Tắc và đường từ cầu tàu đến Đình Thần thuộc khu vực nội ô thị trấn Cái tắc	3942/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.400	1.400	1.400	1.400	1.349	1.349		51	
31	Hàng rào phòng Giáo dục và đào tạo huyện Châu Thành A	3931/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.200	1.200	1.200	1.200	1.190	1.190		10	
32	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện	3943/QĐ-UBND, 30/10/2017	800	800	800	800	799	799		1	
33	Trường Tiểu học Trường Long A3 (Giai đoạn 2)	2285/QĐ-UBND, 28/11/2017	6.000	6.000	6.000	6.000	-	-		6.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách địa phương		Cân đối ngân sách địa phương			
34	Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A	2297/QĐ-UBND, 28/11/2017	6.969	6.969	6.969	6.969	4.400	4.400		2.569	
35	Kè chống sạt lở ấp Phú Thạnh	1390/UBND-KT, 31/8/2016	4.472	713			710	710	710		
36	Kè chống sạt lở ấp Tân Thạnh Tây	1390/UBND-KT, 31/8/2016	2.601	409			409	409	409		
37	Kè chống sạt lở ấp Thạnh Lợi	1390/UBND-KT, 31/8/2016	3.872	1.131			1.130	1.130	1.130		
38	Trường Mẫu giáo Trường Long A	998/QĐ-UBND, 28/6/2019	6.000	6.000			6.000	6.000	6.000		
39	Hội trường xã Tân Hòa	979/QĐ-UBND, 26/6/2019	1.400	1.400			1.400	1.400	1.400		
40	Đường giao thông nông thôn: hạng mục: Tuyến So Đũa Bé (nối dài)	991/QĐ-UBND, 27/6/2019	3.566	3.566			1.317	1.317	1.317		
(6)	**Dự án quy hoạch (theo danh mục chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4)**						**2.808**	**2.808**	**2.808**		

Phụ lục 2.1

THANH TOÁN NỢ ĐỌNG THEO CHỈ THỊ SỐ 07/CT-TTG NGÀY 30/04/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
	TỔNG SỐ			**815.287**	**34.639**	**11.243**	**148**	**-**	
A	**TỈNH QUẢN LÝ**			**267.559**	**-**	**371**	**124**	**-**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh**			**199.643**	**-**	**247**	**-**	**-**	
(1)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018**			**199.643**	**-**	**247**	**-**	**-**	
	Dự án nhóm C			**199.643**	**-**	**247**	**-**	**-**	
1	Đường ô tô về TT. Thị trấn Cây Dương (đường về huyện Phụng Hiệp mới chia tách)	2008-2011	316/QĐ-UBND, 22/02/2008	199.643		247			
II	**Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh**			**13.050**	**-**	**35**	**35**	**-**	
(1)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018**			**13.050**	**-**	**35**	**35**	**-**	
	Dự án nhóm C			**13.050**	**-**	**35**	**35**	**-**	
1	Dự án: Trạm cấp nước xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2013-2015	1915/QĐ-UBND, 25/11/2013	13.050		35	35		
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh**			**41.385**	**-**	**29**	**29**	**-**	
(1)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018**			**41.385**	**-**	**29**	**29**	**-**	
	Dự án nhóm C			**41.385**	**-**	**29**	**29**	**-**	
1	Tiểu học Hoà Lựu 1 (CT 2003-2004)	2004-2005	2334/QĐ-CT.UB, 29/07/2002	1.735		16	16		
2	THCS Vị Thanh (KCH 2005)	2005-2006	561/QĐ-CT.UB, 18/3/2005	1.843		1	1		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
3	Ký túc xá SV Hậu Giang tại Trường ĐHCT	2012-2014	1289QĐ-UBND, 09/8/2011	37.807		12	12		
IV	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**			**13.481**	**-**	**60**	**60**	**-**	
(1)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018**			13.481	-	60	60	-	
	Dự án nhóm C			**13.481**	**-**	**60**	**60**	**-**	
1	XD trường trung cấp nghề Ngã bảy, hạng mục xưởng điện tử - tin học	2013-2014	1752/QĐ-UBND, 29/10/2013	7.923		33	33		
2	Nâng cấp sửa chữa Trường Trung cấp nghề tỉnh Hạng mục: Chống thấm, sơn trong, ngoài khối hiệu bộ, khối phòng học lý thuyết, đóng trần khối phòng học lý thuyết	2014	106/QĐ-SKHĐT, 25/6/2014	2.660		13	13		
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung cấp nghề tỉnh HG; HM: Xưởng điện - điện tử, xưởng may, khu hiệu bộ và khối phòng học lý thuyết	2014-2016	131/QĐ-SKHĐT, 30/9/2013	2.899		14	14		
B	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**			**547.728**	**34.639**	**10.872**	**24**	**-**	
I	**Thành phố Vị Thanh**			**3.715**	**-**	**73**	**-**	**-**	
(1)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018**			**3.715**	**-**	**73**	**-**	**-**	
	Dự án nhóm C			**3.715**	**-**	**73**	**-**	**-**	
1	Cầu Đòn Dong, ấp 7 xã Vị Tân	2013	1621/QĐ-UBND, 8/4/2013	3.715		73			
II	**Thị xã Ngã Bảy**			**71.408**	**12.157**	**3.020**	**9**	**-**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018**			**71.408**	**12.157**	**3.020**	**9**	**-**	
	Dự án nhóm C			**71.408**	**12.157**	**3.020**	**9**	**-**	
1	Khu thương mại trung tâm thị trấn Phụng Hiệp (nay là khu trung tâm thương mại P. Ngã Bảy)	2005-2006	843/QĐ-UBND, 25/11/2004	6.377	6.377	500			
2	Hạ tầng kỹ thuật đường Hùng Vương, (Đoạn từ đầu tuyến Quản lộ Phụng Hiệp đến cầu Cái Đôi)	Năm 2014	2562/QĐ-UBND, 31/7/2014	5.780	5.780	458			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
3	Nâng cấp các trục đường nội ô KV1 P. Ngã Bảy	2009-2011	2313/QĐ-UBND, 20/6/2011	12.396		677			
4	Đường Nguyễn Trãi	Năm 2014	2563/QĐ-UBND, 31/7/2014	2.863		279			
5	Lộ nội ô thị trấn Phụng Hiệp-phần còn lại (nay phường Ngã Bảy)	2009-2011	520/QĐ-UBND, 05/3/2009	23.007		1.068			
6	Lộ kênh Tám Nhái bờ phải	2013-2014	4366/QĐ-UBND, 18/11/2013	2.978		27			
7	Lộ từ Trường Mẫu giáo Sao Mai đến cầu Sáu Cư	2014-2015	2460/QĐ-UBND, 24/7/2014	1.702		2			
8	Trường Mẫu Giáo Bông Sen, phường Lái Hiếu	2013-2015	4818/QĐ-UBND, 06/12/2013	7.594		7	7		
9	Trường tiểu học Tân Thành 2 trên tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	2012-2014	1615/QĐ-UBND, 13/8/2012	8.711		2	2		
III	**Thị xã Long Mỹ**			**61.173**	-	**683**	-	-	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018**			**61.173**	-	**683**	-	-	
	Dự án nhóm C			**61.173**	-	**683**	-	-	
1	02 nhà vệ sinh	2014-2014	3452/QĐ-UBND, 25/10/2013	190		6			
2	Khu tái định cư ấp 1 thị trấn Long Mỹ	2007-2008	739/QĐ-UBND, 04/05/2007 và QĐ 741/QĐ-UBND, 29/4/2011	33.695		464			
3	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ấp 2 (sân bóng cũ) thị trấn Long Mỹ	2013-2013	883/QĐ-UBND, 25/03/2013	5.948		57			
4	Sửa chữa kho lương thực huyện Long Mỹ	2013-2013	414/QĐ-UBND, 04/03/2013	3.208		1			
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường nhà tư kiến	2013-2013	416/QĐ-UBND, 04/04/2013	1.407		4			
6	Nâng cấp mở rộng tuyến đường nhà thờ Trà Rằm	2013-2013	2960/QĐ-UBND, 18/10/2012	2.046		15			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
7	Đường Phục Vụ Cụm Công Nghiệp - Tiểu Thủ Công Nghiệp	2007-2008	67/QĐ-UBND, 12/01/2007	14.679		136			
IV	**Huyện Long Mỹ**			**10.552**	-	264	-	-	
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018**			**10.552**	-	264	-	-	
	Dự án nhóm C			**10.552**	-	264	-	-	
1	Bờ kè Trụ sở UBND xã Vĩnh Viễn	2013-2014	4156/QĐ-UBND, 7/10/2014	362		62			
2	Sửa chữa tuyến đê bờ Đông Hội đồng xã Thuận Hưng	2014-2015	1992/UBND-TCKH, 29/10/2014	4515		182			
3	Sửa chữa tuyến đê bờ tây kênh Chàm Tróc xã Thuận Hưng	2014-2015	1990/UBND-TCKH, 29/10/2014	2000		6			
4	Sửa chữa tuyến đê bao Tây Kênh Ba Phát xã thuận hưng	2014-2015	2282/UBND-TCKH, 08/12/2014	3675		14			
V	**Huyện Vị Thủy**			**88.219**	-	345	15	-	
(1)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018**			**88.219**	-	345	15	-	
	Dự án nhóm C			**88.219**	-	345	15	-	
1	Đường 3 liên - Ông tà gói thầu 2	2002-2007	2364/QĐ-UBND, 27/11/2012	3.593		3			
2	Đường Bùi hữu Nghĩa	2004-2013	1347/QĐ-UBND, 14/8/2013	683		8			
3	Đường TT Nàng Mau - VT Tây	2006-2010	123/QĐ- UBND, 22/11/2014	8.916		50			
4	Đường kênh Ba Thước huyện Vị Thủy	2010-2012	1217/QĐ-UBND, 02/06/2010	69.157		4			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
5	Đường dây hạ áp cấp điện khu dân cư xã Vị Trung, sân Tennis Thị trấn Nàng Mau	2012-2013	2357/QĐ-UBND, 22/7/2013	217		1			
6	Đường dây điện hạ thế 3 pha cấp điện cho sân bóng đá huyện	2009-2010	962/QĐ-UBND, 01/4/2009	85		9			
7	Sửa chữa cầu mương lộ ấp 2 TTNM	2009-2010	504/QĐ-UBND, 10/02/2010	46		4			
8	Hệ thống điện (cáp ngầm) của Trung tâm văn hóa	2009	1230/QĐ-UBND, 22/4/2009	56		5			
9	San lấp và lót dal sân chợ tạm xã Vị Thắng	2008	2788/QĐ-UBND, 22/8/2008	195		8			
10	Hệ thống thoát nước chợ Vĩnh Thuận Tây	2010	1571/QĐ-UBND, 20/5/2010	73		2			
11	UBND xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở	2009-2011	2785/QĐ-UBND, 18/5/2011	266		4			
12	Di dời và cải tạo đường dây trung, hạ thế 3Pha vùng QH KDC-TM xã Vĩnh Thuận Tây	2007	2267/QĐ-UBND, 13/12/2007	365		215			
13	UBND xã Vị Thanh; HM: Công viên, rãnh thoát nước, nhà xe, sửa chữa trụ sở	2010	4355/QĐ-UBND, 01/12/2010	319		4			
14	Nhà vệ sinh xã Vị Thắng	2010	4063/QĐ-UBND, 15/11/2010	95		5			
15	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Vị Thủy (CT nước sạch)	2010	222/QĐ-UBND, 21/01/2010	42		8			
16	Trường Mẫu giáo xã Vị Trung (nhà ăn)	2012-2013	5047/UBND, 05/12/2013	906		3	3		
17	Nhà văn hóa ấp 1, xã Vị Thanh	2012-2014	2331/QĐ-UBND, 30/6/2014	3.138		1	1		
18	Nhà thông tin ấp 7 xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy	2007-2014	4020/QĐ-UBND, 04/11/2014	67		11	11		
VI	**Huyện Phụng Hiệp**			**111.570**	**-**	**1.528**	**-**	**-**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm 2018**			**111.570**	**-**	**1.528**	**-**	**-**	
	Dự án nhóm C			**111.570**	**-**	**1.528**	**-**	**-**	

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
1	Dự án đường ô tô về trung tâm xã Hiệp Hưng	2008-2010	453/QĐ-UBND, 26/02/2009	5.591		40			
2	Đường ô tô về trung tâm xã Bình Thành	2008-2010	3112/QĐ-UBND, 19/11/2009	45.804		30			
3	Dự án đường ô tô về trung tâm xã Hòa Mỹ	2008-2010	2603/QĐ-UBND, 18/11/2008	17.745		100			
4	Dự án đường ô tô về trung tâm xã Long Thạnh	2008-2010	453/QĐ-UBND, 26/02/2009	18.140		30			
5	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	2012-2013	1235/QĐ-UBND, 23/3/2012	9.500		4			
6	Trung tâm thể thao xã Thạnh Hòa	2014	3574b/QĐ-UBND, 12/6/2014	9.019		963			
7	Công trình: Trường Tiểu học Hòa An 1 (01 nhà vệ sinh),Trường Tiểu học Hòa An 4 (01 nhà vệ sinh); Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3 (01 nhà vệ sinh) và Trường Tiểu học Thạnh Hòa 3 (01 nhà vệ sinh)	06/11/2014 - 26/12/2014	6073/QĐ-UBND, 09/10/2014	571		102			
8	Đê bao khép kín tuyến ấp 6 và ấp 7	2013-2014	2425a/QĐ-UBND, 23/10/2013	5.200		259			
VII	**Huyện Châu Thành**			**201.091**	**22.482**	**4.959**	**-**	**-**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm 2018**			**201.091**	**22.482**	**4.959**	**-**	**-**	
	Dự án nhóm C			**201.091**	**22.482**	**4.959**	**-**	**-**	
1	Đường cặp KTM vào đường tránh TTNS	2009-2013	2277/QĐ-UBND, 20/8/2009	10.752		800			
2	Đê bao chống lũ kết hợp giao thông (tuyến NTĐS - BCS) huyện CT	2003	4753/QĐ-UBND, 26/7/2003	19.967		309			
3	Tuyến đường Tránh thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, HG	2009-2011	3058/QĐ-UBND, 24/9/2009	22.949		450			
4	Tuyến lộ Cái Canh - Ông Hoạch (đoạn từ cầu Cái Chanh qua cầu Chữ Y đến cầu Ông Hoạch)	2004-2011	870/QĐ-UBND, 24/12/2004	4.014		240			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:		
							Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
5	Cụm DCVL xã Phú Hữu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2), tỉnh Hậu Giang	2009-2013	5189/QĐ-UBND, 16/02/2013	47.756		42			
6	Trung Tâm Văn Hóa huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2012-2014	1020/QĐ-UBND, 11/4/2012	11.850		40			
7	Nâng cấp, sửa chữa đê bao chống lũ gắn với GTNT bê tông tuyến Vàm Cây Dương-Bưng Cây Sắn, ấp Phú Tân A, Phú Tân 2012	29/03/2012-29/05/2012	5576/QĐ-UBND, 30/12/2011	3.850		61			
8	Nâng cấp, sửa chữa đê bao chống lũ gắn với giao thông nông thôn bê tông tuyến Cầu Nhà Thờ - Đông Phước A, ấp Khánh Hội A, Phú An 2012.	24/11/2011-24/08/2012	4866/QĐ-UBND, 03/11/2011	3.325		115			
9	Nâng cấp sửa chữa đê bao chống lũ gắn với GTNT,ấp Khánh Hội A, xã Phú An năm 2013	2014	4316/QĐ-UBND, 30/10/2013	999		132			
10	Xây dựng trường Tiểu học Thị trấn Ngã Sáu	2011-2015	1325/QĐ-UBND, 27/4/2012	9.968		500			
11	Trường Tiểu học Đông Phú 1, huyện Châu Thành	2012-2015	628/QĐ-UBND, 19/3/2012	34.256		223			
12	Sân khấu ngoài trời Trung tâm Văn hóa huyện	2013	1616/QĐ-UBND, 11/4/2013	6.017		472			
14	Trụ sở làm việc UBND xã Phú Tân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2012-2014	2672/QĐ-UBND,, 06/8/2012	9.966	9.966	300			
15	Lộ giao thông căn cứ Liên Tỉnh ủy (đoạn cầu chữ Y – Kênh Xáng)	2011 - 2012	4554A/QĐ-UBND, 19/10/2011	2.906		703			
16	Đường phía sau HU và UBND huyện gặp đường tránh TTNS	2009-2013	1944/QĐ-UBND, 11/9/2010	12.516	12.516	572			

Phụ lục 2.2

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG VỐN ĐỂ TẤT TOÁN TÀI KHOẢN

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
	TỔNG CỘNG		**462.826**	**17.397**	**17.397**	**17.397**	
A	**TỈNH QUẢN LÝ**		**265.818**	**2.879**	**2.879**	**2.879**	
I	**Ban Dân tộc**	-	**1.767**	**20**	**20**	**20**	
1	Công trình hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp lò hỏa táng chùa Bô Rây Sa Rây Chum ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	346/QĐ-STC, 24/5/2017	491	6	6	6	
2	Công trình hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp lò hỏa táng chùa Ut Dong Men Chey ấp 7, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	603/QĐ-STC, 17/10/2017	485	6	6	6	
3	Công trình lò hỏa táng ấp 6, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	602/QĐ-STC, 17/10/2017	791	8	8	8	
II	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**		**1.688**	14	14	14	
1	Nâng cấp phần mềm quản lý dự án đầu tư xây dựng của Sở Kế hoạch và Đầu tư	715/QĐ-STC, 12/12/2017	496	3	3	3	
2	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử - Quản lý văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư	623/QĐ-STC, 28/11/2013	487	4	4	4	
3	Sửa chữa Trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư	1235/QĐ-STC, 14/9/2018	705	7	7	7	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
III	**Sở Công thương**		**5.231**	234	234	**234**	
1	Tuyến điện hạ thế Vĩnh Trung - Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy	513/QĐ-UBND, 04/3/2010	1.021	52	52	52	
2	Các tuyến điện hạ thế xã Hỏa Lựu, TP Vị Thanh	455/QĐ-STC, 07/9/2015	1.061	24	24	24	
3	Các tuyến điện hạ thế xã Hỏa Tiến - Tân Tiến, TP Vị Thanh	456/QĐ-STC, 07/9/2015	2.138	142	142	142	
4	Lưới điện hạ thế xã Nông thôn mới Vị Thanh	501/QĐ-STC, 20/10/2011	1.011	16	16	16	
IV	**Công an tỉnh**		**67.916**	587	587	**587**	
1	Mua sắm dụng cụ doanh trại	224/QĐ-STC, 10/06/2011	1.650	4	4	4	
2	Công an xã Hòa An	347/QĐ-STC, 01/07/2013	813	6	6	6	
3	Công an xã Long Trị	346/QĐ-STC, 01/07/2013	560	4	4	4	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
4	Công an xã Hiệp Hưng	376/QĐ-STC, 22/07/2013	812	6	6	6	
5	Công an xã Thuận Hưng	394/QĐ-STC, 02/08/2013	679	4	4	4	
6	Công an xã Xà Phiên	393/QĐ-STC, 02/08/2013	551	4	4	4	
7	Công an xã Vĩnh Viễn	433/QĐ-STC, 26/08/2013	689	5	5	5	
8	Công an xã Tân Phú Thạnh	646/QĐ-STC, 04/12/2013	1.045	14	14	14	
9	Công an xã Thạnh Xuân	644/QĐ-STC 04/12/2013	949	12	12	12	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
10	Công an xã Vị Tân	663/QĐ-STC, 13/12/2013	1.113	14	14	14	
11	Công an xã Đông Phước A	664/QĐ-STC, 13/12/2013	1.067	14	14	14	
12	Công an xã Hiệp Lợi	699/QĐ-STC, 16/12/2013	734	3	3	3	
13	Công an thị trấn Kinh Cùng	708/QĐ-STC, 18/12/2013	810	5	5	5	
14	Công an xã Phú An	761/QĐ-STC, 27/12/2013	869	6	6	6	
15	Công an thị trấn Cây Dương	762/QĐ-STC, 27/12/2013	829	5	5	5	
16	Mua sắm trang thiết bị làm việc Công an tỉnh Hậu Giang	454/QĐ-STC, 09/07/2014	939	3	3	3	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
17	Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Hiệp (BTTH, GPMB)	604/QĐ-STC, 25/09/2014	1.858	8	8	8	
18	Trụ sở làm việc Công an huyện Châu Thành A và Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại thị trấn Một Ngàn	603/QĐ-STC, 25/09/2014	2.624	14	14	14	
19	Công an xã Hỏa Tiến	634/QĐ-STC, 13/10/2014	1.234	2	2	2	
20	Công an xã Tân Hòa	637/QĐ-STC, 13/10/2014	1.387	17	17	17	
21	Công an xã Nhơn Nghĩa A	636/QĐ-STC, 13/10/2014	1.207	15	15	15	
22	Công an xã Phương Bình	635/QĐ-STC, 13/10/2014	1.214	15	15	15	
23	Công an xã Hỏa Lựu	665/QĐ-STC, 24/10/2014	1.439	2	2	2	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
24	Công an xã Tân Bình	667/QĐ-STC, 24/10/2014	1.179	14	14	14	
25	Công an xã Vị Thắng	806/QĐ-STC, 22/12/2014	1.184	2	2	2	
26	Công an xã Tân Phú	824/QĐ-STC, 25/12/2014	1.236	3	3	3	
27	Công an xã Thạnh Hòa	835/QĐ-STC, 26/12/2014	1.556	34	34	34	
28	Công an xã Long Thạnh	828/QĐ-STC, 26/12/2014	1.562	4	4	4	
29	Công an xã Đại Thành	249/QĐ-STC, 03/06/2015	1.114	2	2	2	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
30	Khu LV khối AN, CAT Hậu Giang: Xây dựng nhà làm việc + nhà ở khu A; xây nhà làm việc + nhà ở khu B (NLV và ở + nhà WC, hồ nước + Nhà LV Ban Giám đốc	267/QĐ-STC, 15/06/2015	2.098	195	195	195	
31	BTTH, GPMB và TĐC công trình: Cơ sở làm việc Công an tỉnh Hậu Giang	1103/QĐ-UBND, 10/8/2015	31.718	148	148	148	
32	Công an xã Tân Thành	531/QĐ-STC, 20/10/2014	1.199	3	3	3	
V	**Sở Nội vụ**		**15.971**	142	142	**142**	
1	Trụ sở Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang	1552/QĐ-UBND, 05/9/2007	15.971	142	142	142	
VI	**Ban Quản lý dự án đầu tư XDCT Dân dụng và Công nghiệp**		**173.245**	**1.640**	**1.640**	**1.640**	
1	NC, SC cơ sở III Trường Cao đẳng cộng đồng HG	162/QĐ-STC, 17/3/2016	1.446	44	44	44	
2	NC, SC, MR Trạm y tế xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	114/QĐ-STC, 20/01/2017	4.177	4	4	4	
3	NC, SC, MR Trạm y tế xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	93/QĐ-STC, 16/01/2017	3.547	16	16	16	
4	NC, SC, MR Trạm y tế xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	49/QĐ-STC, 11/01/2017	2.536	5	5	5	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
5	NC, SC, MR Trạm y tế xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh HG	47/QĐ-STC, 11/01/2017	3.339	18	18	18	
6	NC, SC, MR Trạm y tế xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	116/QĐ-STC, 20/01/2017	2.882	40	40	40	
7	NC, SC,MR Trạm y tế thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	147/QĐ-STC, 28/02/2017	2.845	14	14	14	
8	NC,SC, MR Trạm y tế xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	174/QĐ-STC, 22/3/2017	2.937	15	15	15	
9	NC, SC,MR Trạm y tế xã Tân Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	249/QĐ-STC, 18/4/2017	3.202	11	11	11	
10	NC, SC, MR Trạm y tế xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	260/QĐ-STC, 24/4/2017	3.003	52	52	52	
11	NC ,SC, MR Trạm y tế thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	276/QĐ-STC, 27/4/2017	3.126	21	21	21	
12	NC, SC, MR Trạm y tế xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	280/QĐ-STC, 28/4/2017	3.158	16	16	16	
13	NC, SC, MR Trạm y tế xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	298/QĐ-STC, 04/5/2017	3.369	16	16	16	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
14	NC, SC, MR Trạm y tế xã Phú An, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	664/QĐ-STC, 27/12/2016	3.402	81	81	81	
15	Trạm y tế thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	496/QĐ-STC, 09/8/2017	5.357	72	72	72	
16	Bệnh viện Lao tỉnh Hậu Giang, Gói thầu số 1: Cổng, hàng rào, nhà bảo vệ, SLMB	1373/QĐ-UBND, 15/8/2017	1.739	226	226	226	
17	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế tuyến xã	71/QĐ-UBND, 15/01/2018	25.349	175	175	175	
18	Trạm y tế xã Vĩnh Viễn, H. Long Mỹ, tỉnh HG	1163/QĐ-STC, 20/7/2018	4.956	137	137	137	
19	Nhà bia tưởng niệm ghi tên liệt sĩ tại xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	699/QĐ-STC, 31/12/2016	902	17	17	17	
20	Nhà bia tưởng niệm ghi tên liệt sĩ tại xã Long Bình, huyện Long Mỹ (nay là phường Bình Thạnh, TX Long Mỹ)	579/QĐ-STC, 28/11/2016	936	23	23	23	
21	Nhà bia tưởng niệm ghi tên liệt sĩ tại xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	18/QĐ-STC, 10/01/2017	938	33	33	33	
22	Nhà bia tưởng niệm ghi tên liệt sĩ tại thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ	113/QĐ-STC, 20/01/2017	948	24	24	24	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
23	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang	297/QĐ-STC, 04/5/2017	940	31	31	31	
24	Tôn tạo và phát huy di tích Chiến thắng Vàm Cái Sình	1668/QĐ-UBND, 04/10/2017	32.586	223	223	223	
25	Đường phục vụ Khu du lịch sinh thái rừng tràm Vị Thủy (đoạn từ Trung đoàn 114 đến Khu du lịch sinh thái rừng tràm Vị Thủy)	72/QĐ-UBND, 15/01/2018	31.879	173	173	173	
26	Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu Liên hợp TDTT tỉnh HG	125/QĐ-UBND, 24/01/2018	23.742	153	153	153	
VII	**Văn phòng UBND tỉnh**		-	242	242	**242**	
1	Trụ sở UBND tỉnh	439/QĐ-UBND, 28/3/2018		242	242	242	
B	**HUYỆN QUẢN LÝ**		**197.008**	**14.518**	**14.518**	**14.518**	
I	**UBND thành phố Vị Thanh**		**104.655**	2.878	2.878	**2.878**	
1	Cầu Đòn Dong ấp 7, xã Vị Tân	3411/QĐ-UBND, 06/9/2014	3.273	200	200	200	
2	Cơ sở hạ tầng Công viên Chiến Thắng, phường 5	960/QĐ-UBND, 31/5/2017	101.382	2.678	2.678	2.678	
II	**UBND huyện Châu Thành**		**72.320**	2.341	2.341	**2.341**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
1	Trụ sở Huyện ủy huyện Châu Thành và các phòng ban	2180/QĐ-UBND, 31/10/2012	13.900	26	26	26	
2	Khu tái định cư TTNS, huyện Châu Thành	1554/QĐ-UBND, 05/11/2015	23.354	348	348	348	
3	NC sửa chữa Trụ sở UBND huyện Châu Thành, HG	1162/QĐ-UBND, 4/3/2013	1.878	35	35	35	
4	Trường Mẫu giáo Phú Tân	3691/QĐ-UBND, 22/12/2014	3.062	220	220	220	
5	Trường Mẫu giáo Đông Phú, xã Đông Phú, huyện Châu Thành ,tỉnh Hậu Giang	1751/QĐ-UBND, 19/10/2017	16.941	274	274	274	
6	Đường từ cầu vàm Ông Hoạch đến Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh	7337/QĐ-UBND, 22/12/2016	615	55	55	55	
7	Cầu giao thông nông thôn, bê tông, Rạch Sung, xã Đông Thạnh	3514/QĐ-UBND, 23/10/2012	913	400	400	400	
8	Tu bổ đê điều năm 2015 tỉnh Hậu Giang	4642/QĐ-UBND , 24/10/2014	6.884	834	834	834	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
9	Trung tâm Văn hóa huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	5046/QĐ-UBND, 21/11/2013	4.773	149	149	149	
III	**UBND huyện Vị Thủy**		**2.572**	128	128	**128**	
1	Đường vườn cò - mười điệp xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, Hạng mục: Trải đá láng nhựa	1820/QĐ-UBND, 29/10/2007	120	11	11	11	
2	Cầu 11-500 – 9 thước, xã Vị Thanh, hạng mục: Cầu và đường vào cầu	3692/QĐ-UBND, 8/10/2012	174	26	26	26	
3	Đường kinh tư tiềm thị trấn Nàng Mau, hạng mục: Trải mặt bê tông xi măng	4292/QĐ-UBND, 16/11/2009	210	10	10	10	
4	UBND xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa	2785/QĐ-UBND, 18/5/2011	265	39	39	39	
5	GTNT xã Vĩnh Thuận Tây, hạng mục: Đường kinh trường học, Cầu kinh ngang - Trường học, cầu trường học - kinh ngang	1289/QĐ-UBND, 9/4/2012	978	23	23	23	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
6	GTNT xã Vị Thủy năm 2011 (Dự án 1), hạng mục: Đường kinh Bờ Gòn, Cầu 7 Đường, Cầu 2 Sơn	1458/QĐ-UBND, 20/4/2012	824	19	19	19	
IV	**Huyện Long Mỹ**		**17.461**	9.171	9.171	**9.171**	
1	Tuyến đường từ cầu nước Đục đến cầu Cả Đĩa (Vị Thắng)	1508/QĐ-UBND, 15/5/2018	5636	3.636	3.636	3.636	
2	Cầu Hai Hoa ấp 01 xã Vĩnh Thuận Đông	3568/QĐ-UBND, 24/11/2017	475	26	26	26	
3	Đường Đông kênh 13 (Đoạn từ kênh 4 thước - vàm kênh 13)	3560/QĐ-UBND, 24/11/2017	2697	1.197	1.197	1.197	
4	Tuyến Bần Quỳ (ấp 3 và ấp 9)	105/QĐ-UBND, 12/1/2018	1066	666	666	666	
5	Tuyến Năm Căn (ấp 3)	3567/QĐ-UBND, 24/11/2017	747	348	348	348	
6	Tuyến Ba Phương (ấp 2)	3569/QĐ-UBND, 24/11/2017	1122	481	481	481	
7	Tuyến sông cái Ngan Dừa	215/QĐ-UBND, 02/2/2018	1346	646	646	646	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
8	Tuyến Tô Ma (giai đoạn 2)	443/QĐ-UBND, 20/2/2017	871	370	370	370	
9	Tuyến lộ kênh Hai Quyền (ấp 13)	3566/QĐ-UBND, 24/11/2017	912	112	112	112	
10	Tuyến lộ kênh Củ Tre (ấp 3)	3564/QĐ-UBND, 24/11/2017	2589	1.689	1.689	1.689	

Phụ lục 2.3

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa		
1	2	3	4	5	7	8	9	10
	Tổng		**46.307**	**27.679**	**8.967**	**8.967**	**8.967**	
I	**Huyện Châu Thành**		**19.446**	**19.446**	**1.209**	**1.209**	**1.209**	
1	Đường GTNT (Hạng mục NC cán đá tráng nhựa mặt đường, nhánh bên trái ấp Tân Hưng TTN6)	291A/QĐ-UBND, 31/3/2006	312	312	7	7	7	
2	Đường GTNT (hạng mục NC cán đá tráng nhựa mặt đường, nhánh bên phải ấp Tân Hưng, thị trấn Ngã Sáu)	290A/QĐ-UBND, 31/3/2006	142	142	12	12	12	
3	Đường GTNT (hạng mục NC trải đá láng nhựa mặt đường, địa điểm ấp Tân Hưng, thị trấn Ngã Sáu)	309/QĐ-UBND, ngày 02/5/2007	185	185	20	20	20	
4	Đường GTNT, BT, Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu	3628/QĐ-UBND, 17/11/2009	550	550	31	31	31	
5	Đường GTNT, nhựa, Phước Thuận, TTNS 2010	1605/QĐ-UBND, 27/5/2010	98	98	21	21	21	
6	Cầu Vàm Bưng	3437/QĐ-UBND, 19/10/2012	735	735	43	43	43	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa		
7	Đường GTNT, Bê tông, Đông Phú A (trường TH NHH5 - kênh Bảy Tảo giáp ranh thị trấn Ngã Sáu), Đông Phước 2010	3360/QĐ-UBND, 27/10/2009	1.039	1.039	42	42	42	
8	Đường GTNT, Bê tông, Đông Thạnh, Đông Phước 2010	1098/QĐ-UBND, 27/4/2010	422	422	82	82	82	
9	Đường GTNT, Bê tông, Đông Bình, Đông Phước 2010	1099/QĐ-UBND, 27/4/2010	422	422	30	30	30	
10	Đường GTNT, bê tông, Phú Xuân, Phú Hữu A 2010 (từ nhà cô thủy đến cầu xẻo cao)	889/QĐ-UBND, ngày 11/3/2010	825	825	36	36	36	
11	Đường GTNT, bê tông, Phú Lộc, Đông Phú năm 2009	815/QĐ-UBND, ngày 10/4/2009	217	217	18	18	18	
12	Đường GTNT, bê tông Phú Hòa, Đông Phú 2009	816/QĐ-UBND, 10/4/2009	468	468	38	38	38	
13	Đường GTNT, bê tông, Phú Lộc, Đông Phú 2010	1475/QĐ-UBND, 13/5/2010	262	262	11	11	11	
14	Đường GTNT, bê tông, Phú Lộc, Đông Phú 2010 (giai đoạn 2)	1477/QĐ-UBND, 13/5/2010	424	424	8	8	8	
15	Đường GTNT, bê tông năm 2011 từ Khu tái định cư đến Trường tiểu học Đông Phú 1	3236/QĐ-UBND, 26/7/2011	651	651	47	47	47	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa		
16	Đường GTNT, nhựa năm 2011 tuyến từ Trường cấp II qua cầu Ngã Năm đến đường ô tô về huyện	3626/QĐ-UBND, ngày 16/8/2011	831	831	56	56	56	
17	Nâng cấp đập, đê bao chống lũ xã Đông Phú	4997A/QĐ-UBND, 11/11/2011	1.046	1.046	51	51	51	
18	Nâng cấp đập, đê bao chống lũ xã Phú An	4994A/QĐ-UBND, 11/11/2012	938	938	55	55	55	
19	Cầu giao thông nông thôn, bê tông, Kênh Lạc	6871/QĐ-UBND, 28/11/2016	979	979	400	400	400	
22	Tu bổ đê điều năm 2014 tỉnh Hậu Giang	2480/QĐ-UBND, 23/10/2013	8.900	8.900	200	200	200	
II	**Huyện Vị Thủy**		**26.861**	**8.233**	**7.758**	**7.758**	**7.758**	
1	Giao thông nông thôn xã Vĩnh Thuận Tây năm 2014, hạng mục: Đường Kinh Ngang	3536/QĐ-UBND, 24/10/2013	8.492	5.632	5.344	5.344	5.344	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê bao kết hợp Giao thông nông thôn liên ấp 6-7, xã Vị Thắng	2839/QĐ-UBND, 04/8/2014	2.759	2.601	1.000	1.000	1.000	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Kênh Xáng Nàng Mau, hạng mục: Đường, cầu phong Lưu, cầu Trạm Bơm, cầu Tư Đông	3379/QĐ-UBND, 17/9/2014	6.202		1.153	1.153	1.153	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa		
4	Đường kinh Ô Môi – Gốc Mít, xã Vị Trung, hạng mục: Trải mặt bê tông xi măng	995/QĐ-UBND, 08/6/2007	382		40	40	40	
5	Giao thông nông thôn xã Vĩnh Tường năm 2011 (DA 4), hạng mục: Đường Kinh Long Điền, Đường Kinh Xáng Nàng Mau	2464/QĐ-UBND, 29/4/2011	1.184		51	51	51	
6	Giao thông nông thôn xã Vĩnh Thuận Tây, hạng mục: Đường Kinh Trường học, Cầu Kinh Ngang – Trường học, Cầu Trường học – Kinh Ngang	1197/QĐ-UBND, 20/4/2010	1.065		23	23	23	
7	Giao thông nông thôn xã Vị Thủy (dự án 2), hạng mục: Đường Kinh Hai Cừ, Cầu 10 Tạ - Hai Cừ, Cầu 8 Bàn – Hai Cừ, Cầu 4 Trí – Hai Cừ, Cầu 8 Ghẻ - Hai Cừ	1252/QĐ-UBND, 29/4/2010	593		36	36	36	
8	Đường lò heo - Hai Cừ xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy	759/QĐ-UBND, 18/3/2013	5.657		32	32	32	
9	Đường kinh 6 thước (NXN) đoạn từ 13.500 đến 14.000, hạng mục: Trải mặt bê tông xi măng	3654/QĐ-UBND, 09/10/2008	106		24	24	24	
10	Cầu 11.500 – 9 thước, xã Vị Thanh, hạng mục: Cầu và đường vào cầu	2916/QĐ-UBND, 14/8/2009	196		40	40	40	
11	Đường kinh Tư Tiềm thị trấn Nàng Mau, hạng mục: Trải mặt bê tông xi măng	978/QĐ-UBND, 02/4/2009	225		15	15	15	

Phụ lục 2.4

DANH MỤC DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
	Tổng		**36.728**	**18.806**	**18.806**	**18.806**	
A	**Tỉnh quản lý**		**17.452**	**7.756**	**7.756**	**7.756**	
I	**Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang**		**1.341**	**632**	**632**	**632**	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thực nghiệm, trình diễn, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	1115/QĐ-UBND, 21/7/2016	1.341	632	632	632	
II	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**		**2.291**	**930**	**930**	**930**	
1	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tại Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân tỉnh Hậu Giang	1036/QĐ-UBND, 14/6/2017	197	85	85	85	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án "Khai thác 02 khu đất sản xuất tự túc thuộc xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A"	3400/QĐ-UBND, 8/9/2017	2.094	845	845	845	
VI	**Sở Xây dựng**		**9.611**	**5.225**	**5.225**	**5.225**	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến năm 2025.	1193/QĐ-UBND, 17/7/2013	2.265	234	234	234	
2	Quy hoạch chung đô thị Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang đến 2040	1092/QĐ-UBND, 18/7/2018	5.423	4.853	4.853	4.853	
3	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Cái Tắc, tỉnh Hậu Giang đến 2030	69/QĐ-UBND, 19/01/2015	1.923	138	138	138	
VII	**Ban Quản lý các Khu công nghiệp**		**788**	**491**	**491**	**491**	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Sông Hậu giai đoạn 1	1037/QĐ-UBND, 21/6/2013	570	284	284	284	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
2	Điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1	395/QĐ-UBND, 15/3/2019	218	207	207	207	
VIII	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**		**3.421**	**478**	**478**	**478**	
1	Quy hoạch mạng lưới cấp nước và sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030	1802/QĐ-UBND, 19/12/2014	1.762	262	262	262	
2	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2015 - 2020	1262/QĐ-UBND, 08/9/2015	553	72	72	72	
3	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2015 - 2020	1263/QĐ-UBND, 08/9/2015	553	72	72	72	
4	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2015 - 2020	1264/QĐ-UBND, 08/9/2015	553	72	72	72	
B	**Huyện quản lý**		**19.277**	**11.050**	**11.050**	**11.050**	
I	**Huyện Châu Thành A**		**4.554**	**2.808**	**2.808**	**2.808**	
1	Lập quy hoạch chi tiết Công viên văn hóa huyện Châu Thành A	3131/QĐ-UBND 09/9/2013	429	149	149	149	
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	1513/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016	563	113	113	113	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 (theo mô hình xây dựng Nông thôn mới của Chính phủ)	3930/QĐ-UBND, 30/10/2017	362	49	49	49	
4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 (theo mô hình xây dựng Nông thôn mới của Chính phủ)	3931/QĐ-UBND, 30/10/2017	380	57	57	57	
6	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030 (Theo mô hình xây dựng nông thôn mới của Chính phủ)	2240/QĐ-UBND, 18/7/2018	463	423	423	423	
7	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030 (Theo mô hình xây dựng nông thôn mới của Chính phủ)	2241QĐ-UBND, 18/7/2018	500	460	460	460	
8	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành A, tỉnh hậu Giang đến năm 2040	1523/QĐ-UBND, 15/10/2018	1.857	1.557	1.557	1.557	
II	**UBND huyện Vị Thủy**		**1.618**	**658**	**658**	**658**	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	3259/QĐ-UBND, 28/9/2015	1.063	358	358	358	
2	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vị Thủy đến năm 2020	5213/QĐ-UBND, 19/12/2013	556	300	300	300	
III	**Thành phố Vị Thanh**		**728**	**296**	**296**	**296**	
1	Quy hoạch chi tiết khu dân cư khu vực 3 và 4, phường IV, thành phố Vị Thanh	3100/QĐ-UBND, 10/10/2018	728	296	296	296	
IV	**Thị xã Ngã Bảy**		**6.865**	**5.893**	**5.893**	**5.893**	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
2	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị trung tâm thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	645/QĐ-UBND, 26/3/2015	645	250	250	250	
3	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn thị xã Ngã Bảy	3151/QĐ-UBND, 03/12/2015	1.448	1.255	1.255	1.255	
4	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư 927C thuộc ấp Mái Dầm, xã Đại Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	3348/QĐ-UBND, 28/12/2018	396	327	327	327	
5	Quy hoạch chung đô thị Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040	584/QĐ-UBND, 18/4/2018	3.597	3.371	3.371	3.371	
6	Quy hoạch chi tiết Hồ Xáng Thổi thuộc phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy	3169/QĐ-UBND, 24/12/2018	779	690	690	690	
V	**UBND huyện Phụng Hiệp**		**1.625**	**161**	**161**	**161**	
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018	5069a/QĐ-UBND, 4/8/2015	1.625	161	161	161	
VI	**Huyện Châu Thành**		**1.310**	**200**	**200**	**200**	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Châu Thành	548/QĐ-UBND, 29/02/2016	1.310	200	200	200	
VII	**Huyện Long Mỹ**		**2.577**	**1.034**	**1.034**	**1.034**	
1	Quy hoạch chung đô thị Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030	1990/QĐ-UBND, 04/11/2016	1.361	504	504	504	
2	Điều chỉnh quy hoạch khu hành chính huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2569/QĐ-UBND, 23/10/2018	554	494	494	494	
3	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030 (theo mô hình nông thôn mới của Chính phủ)	2984/QĐ-UBND, 18/11/2016	393	18	18	18	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương		
4	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030 (theo mô hình nông thôn mới của Chính phủ)	1823/QĐ-UBND, 26/6/2017	269	18	18	18	

Phụ lục 3

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Nguồn: Thu vượt Xổ số kiến thiết và thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
	TỔNG SỐ		**385.162**	**63.923**	**37.916**	**26.007**	**63.923**	
A	**Cấp tỉnh quản lý**		**17.255**	**17.255**	**-**	**17.255**	**17.255**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh**		**4.900**	**4.900**		**4.900**	**4.900**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**4.900**	**4.900**		**4.900**	**4.900**	
1	Sửa chữa Cụm tượng đài Chiến thắng và xây dựng 03 cụm pa nô tuyên truyền trên tuyến Quốc lộ 61C	1970/QĐ-UBND, 17/02/2018	4.900	4.900		4.900	4.900	
II	**Sở Giáo dục và Đào tạo**		**7.030**	**7.030**		**7.030**	7.030	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**7.030**	**7.030**		**7.030**	7.030	
1	Đầu tư thí điểm hệ thống thiết bị lọc nước uống cho 16 điểm trường tại 8 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh	12/QĐ-UBND, 05/01/2019	7.030	7.030		7.030	7.030	
III	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hậu Giang**		**5.325**	**5.325**		**5.325**	5.325	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**5.325**	**5.325**		**5.325**	5.325	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
1	Hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	5982/VP.UBND-KHVX, 28/12/2018	5.325	5.325		5.325	5.325	Hoàn tạm ứng (cấp lệnh chi tiền)
B	**Cấp Huyện quản lý**		**367.907**	**46.668**	**37.916**	**8.752**	46.668	
I	**Thành phố Vị Thanh**		**60.571**	**14.618**	**14.618**	-	14.618	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016 - 2020		**3.715**	**200**	**200**		200	
1	Cầu Đòn Dong, ấp 7 xã Vị Tân	1621/QĐ-UBND, 08/4/2013	3.715	200	200		200	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**56.856**	**14.418**	**14.418**	-	14.418	
1	Khu tái định cư - dân cư khu hành chính Tỉnh ủy (phần mở rộng)	820/QĐ-UBND, 08/4/2013; 1140/QĐ-UBND, 27/7/2018	48.197	6.576	6.576		6.576	
2	Xây dựng mới đường Kênh Lầu, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	5738/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.472	1.472	1.472		1.472	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường Hốc Hỏa, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	5733/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.090	1.090	1.090		1.090	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường Giải Phóng, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	5732/QĐ-UBND, 31/10/2016	959	959	959		959	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
5	Nâng cấp, sửa chữa đường Xẻo Ruộng, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	5735/QĐ-UBND, 31/10/2016	200	200	200		200	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường Xáng Hậu, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	5736/QĐ-UBND, 31/10/2016	200	200	200		200	
7	Nâng cấp đường Xẻo Su Vị Bình, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	5737/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.980	1.980	1.980		1.980	
8	Sửa chữa đường giao thông dân sinh ngang qua trại giam Kênh Năm xã Hỏa Tiến, TPVT	5731/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.124	1.124	1.124		1.124	
9	Xây dựng cầu KH9, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh (đối ứng chi phí bồi hoàn dự án Lramp)	972/QĐ-UBND, 25/6/2019	251	251	251		251	
10	Xây dựng cổng chào tuyến đường Giải Phóng, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	984/QĐ-UBND, 27/6/2019	566	566	566		566	
II	**Thị xã Ngã Bảy**		**235.495**	**11.687**	**11.687**	**-**	11.687	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016 - 2020		**229.809**	**6.001**	**6.001**		6.001	
1	Khối trụ sở hành chính mới thị xã Ngã Bảy	400/QĐ-UBND, 01/4/2014	229.809	6.001	6.001		6.001	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**5.686**	**5.686**	**5.686**		5.686	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
1	Di dời đường dây điện trung - hạ thế từ UBND phường Lái Hiếu qua xã Phụng Hiệp	970/QĐ-UBND, 25/6/2019	400	400	400		400	
2	Nhà tạm giữ xe vi phạm hành chính Công an thị xã Ngã Bảy	1041/QĐ-UBND, 02/7/2019	390	390	390		390	
3	Nâng cấp sửa chữa Trụ sở UBND phường Hiệp Thành	978/QĐ-UBND, 26/6/2019	600	600	600		600	
4	NCSC nhà văn hóa KV3, phường Ngã Bảy	985/QĐ-UBND, 27/6/2019	340	340	340		340	
5	Mua sắm thiết bị Nhà công vụ Thị ủy-UBND thị xã	1021/QĐ-UBND, 02/7/2019	700	700	700		700	
6	Nhà Công vụ phường Lái Hiếu	1022/QĐ-UBND, 02/7/2019	910	910	910		910	
7	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa thiếu nhi thị xã Ngã Bảy	996/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.346	1.346	1.346		1.346	
8	Nhà văn hóa ấp Bảy Thưa, xã Tân Thành	1025/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.000	1.000	1.000		1.000	
III	**Thị xã Long Mỹ**		**9.751**	**9.751**	**999**	**8.752**	9.751	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**9.751**	**9.751**	**999**	**8.752**	9.751	
1	Khắc phục hệ thống điện, sửa chữa mái, trần, nhà vệ sinh và sân đường trụ sở UBND thị xã	1023/QĐ-UBND, 02/7/2019	999	999	999		999	
2	Trung tâm văn hóa kết hợp Hội trường xã Nông thôn mới Long Phú	933/QĐ-UBND, 18/6/2019	8.752	8.752		8.752	8.752	
IV	**Huyện Long Mỹ**		**1.175**	**241**	**241**		**241**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**1.175**	**241**	**241**		**241**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
1	Tuyến Ba Phương (ấp 2)	1318/QĐ-UBND, 10/6/2016	1.175	241	241		241	
IV	**Huyện Vị Thủy**		**1.295**	**1.295**	**1.295**		1.295	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**1.295**	**1.295**	**1.295**		1.295	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã Vị Trung	1024/QĐ-UBND, 02/7/2019	906	906	906		906	
2	Sửa chữa nhà ăn UBND huyện Vị Thủy	1046/QĐ-UBND, 02/7/2019	389	389	389		389	
VI	**Huyện Phụng Hiệp**		**50.665**	**2.354**	**2.354**		2.354	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016 - 2020		**50.665**	**2.354**	**2.354**		**2.354**	
1	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, hạng mục: 04 phòng học; 02 phòng chức năng, sân đường	4734/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.468	1.210	1.210		1.210	
2	Trường Mẫu giáo Khu căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ, hạng mục: 02 phòng học; 01 phòng chức năng, sân đường	4735/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.790	549	549		549	
3	Đường số 1, một đoạn tuyến của đường số 6, một đoạn tuyến của đường số 5, cặp kênh La Bách trung tâm thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	4861/QĐ-UBND, 8/7/2014	36.732	245	245		245	
4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Phương Phú	1387/QĐ-UBND, 23/3/2015	8.675	350	350		350	
VII	**Huyện Châu Thành**		**5.486**	**5.486**	**5.486**		**5.486**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**5.486**	**5.486**	**5.486**		**5.486**	
1	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa ấp Phước Hưng, xã Đông Phước A	1029/QĐ-UBND, 02/7/2019	300	300	300		300	
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa ấp Phước Lợi, xã Đông Phước A	1033/QĐ-UBND, 02/7/2019	330	330	330		330	
3	Nâng cấp, sửa chữa Khu hành chính xã Đông Phước A	1014/QĐ-UBND, 01/7/2019	1.756	1.756	1.756		1.756	
4	Nhà văn hóa ấp Đông Mỹ, Thị trấn Ngã Sáu		650	650	650		650	
5	Nhà văn hóa ấp Tân Hưng, Thị trấn Ngã Sáu	1031/QĐ-UBND, 02/7/2019	650	650	650		650	
6	Nhà văn hóa ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu	1032/QĐ-UBND, 02/7/2019	900	900	900		900	
7	Nhà văn hóa ấp Phú Tân, xã Phú Tân	1030/QĐ-UBND, 02/7/2019	900	900	900		900	
VIII	**Huyện Châu Thành A**		**3.469**	**1.236**	**1.236**	**-**	**1.236**	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016 - 2020		**2.254**	**21**	**21**		**21**	
1	Cơ sở hạ tầng 40 nền tái định cư trong Khu tái định cư Khu hành chính huyện Châu Thành A	6183/QĐ-UBND 22/09/2016	2.254	21	21		21	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**1.215**	**1.215**	**1.215**		**1.215**	
1	Phòng truyền thống Huyện ủy Châu Thành A	1035/QĐ-UBND, 02/7/2019	400	400	400		400	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:			
					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2018	Thu vượt XSKT năm 2018		
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Châu Thành A	1015/QĐ-UBND, 01/7/2019	815	815	815		815	

Phụ lục 4

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Nguồn: Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2019)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu vượt tiền sử dụng đất 2019		
			Tổng số	Trong đó: Thu vượt tiền sử dụng đất 2019				
	TỔNG CỘNG:		**794.185**	**724.185**	**177.529**	**177.529**	**177.529**	-
	Tỉnh quản lý		**794.185**	**724.185**	**177.529**	**177.529**	**177.529**	
I	**Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang**		**742.275**	**672.275**	**129.319**	**129.319**	**129.319**	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020		**742.275**	**672.275**	**129.319**	**129.319**	**129.319**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh - GĐ1, huyện Châu Thành A	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	129.319	129.319	129.319	
II	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh**		**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	-
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	
1	Xây dựng trụ sở Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Hậu Giang	773/QĐ-UBND, 16/5/2019	14.910	14.910	14.910	14.910	14.910	
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh**		**37.000**	**37.000**	**33.300**	**33.300**	**33.300**	-
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**37.000**	**37.000**	**33.300**	**33.300**	**33.300**	
1	Đường số 1 nối dài đến Chợ nổi (thuộc phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang)	2090/QĐ-UBND, 30/10/2017	37.000	37.000	33.300	33.300	33.300	

Phụ lục 5

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Nguồn: Thu tiền sử dụng đất theo cơ chế riêng)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020			Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó:			
					Nguồn thu tiền sử dụng đất (theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)	Thu tiền sử dụng đất Khu tái định cư - dân cư khu hành chính Tỉnh ủy		
	Tổng số		**273.132**	**25.251**	**14.030**	**11.221**	**25.251**	
	UBND thành phố Vị Thanh		**224.935**	**25.251**	**14.030**	**11.221**	**25.251**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**224.935**	**25.251**	**14.030**	**11.221**	**25.251**	
1	Đường Lê Quý Đôn nối dài, thành phố Vị Thanh	518/QĐ-UBND, 02/4/2019	96.439	7.030	7.030		7.030	
2	Xây dựng 06 trục đường nội ô thành phố Vị Thanh	519/QĐ-UBND, 02/4/2019	80.299	7.000	7.000		7.000	
3	Khu tái định cư - dân cư khu hành chính Tỉnh ủy (phần mở rộng)	820/QĐ-UBND, 08/4/2013; 1140/QĐ-UBND, 27/7/2018	48.197	11.221		11.221	11.221	

Phụ lục 6

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Nguồn: Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước ngân sách tỉnh				
					CĐNS địa phương	XSKT	Vay NH phát triển		
	Tổng vốn		**271.591**	**146.782**	**100.000**	**32.782**	**14.000**	**146.782**	
A	**Tỉnh quản lý**		**48.200**	**48.200**	**38.718**	**9.482**	**-**	**48.200**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh**		**35.400**	**35.400**	**35.400**	**-**	**-**	**35.400**	
1	Sửa chữa Trụ sở các Sở, ban ngành tỉnh giai đoạn 2	471/QĐ-UBND, 25/3/2019	10.400	10.400	10.400			10.400	
2	Khu xử lý nước thải tập trung Cụm tiểu thủ công nghiệp thị xã Ngã Bảy	1010/QĐ-UBND, 01/7/2019	12.500	12.500	12.500			12.500	
3	Khu xử lý nước thải tập trung Cụm tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ	1009/QĐ-UBND, 01/7/2019	12.500	12.500	12.500			12.500	
II	**Văn phòng UBND tỉnh**		**2.800**	**2.800**	**2.800**	**-**	**-**	**2.800**	
1	Trục liên thông văn bản và hệ thống liên kết quản lý văn bản với phần mềm dịch vụ công	634/QĐ-UBND, 19/4/2019	2.800	2.800	2.800			2.800	
III	**Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn**		**10.000**	**10.000**	**518**	**9.482**	**-**	**10.000**	
	Cấp nước sinh hoạt nông thôn		**10.000**	**10.000**	***518***	***9.482***	**-**	**10.000**	
1	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Long Bình, Long Phú, Long Trị, Long Trị A, thị xã Long Mỹ	982/QĐ-UBND, 27/6/2019	5.500	5.500	518	4.982		5.500	

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước ngân sách tỉnh				
					CĐNS địa phương	XSKT	Vay NH phát triển		
2	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Đông Phước A, Đông Phước, huyện Châu Thành	983/QĐ-UBND, 27/6/2019	4.500	4.500		4.500		4.500	
B	**Huyện quản lý**		**223.391**	**98.582**	**61.282**	**23.300**	**14.000**	**98.582**	
I	**Thành phố Vị Thanh**		**37.886**	**37.877**	**29.925**	**7.952**	**-**	**37.877**	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Giải Phóng (đoạn từ cầu Vườn Cò đến ranh xã Hỏa Tiến), xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	1026/QĐ-UBND, 02/7/2019	7.952	7.952		7.952		7.952	
2	Một số hạng mục phụ trợ thuộc Khu Trung tâm hành chính thành phố Vị Thanh	932/QĐ-UBND, 18/6/2019	14.999	14.990	14.990			14.990	
3	Mua sắm trang thiết bị Khu Trung tâm hành chính thành phố Vị Thanh	931/QĐ-UBND, 18/6/2019	14.935	14.935	14.935			14.935	
II	**Thị xã Ngã Bảy**		**16.000**	**16.000**	**4.450**	**-**	**11.550**	**16.000**	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến lộ phụ 4 ấp Xẻo Vông, xã Hiệp Lợi	969/QĐ-UBND, 25/6/2019	9.000	9.000			9.000	9.000	
2	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Hiệp Lợi nối dài đến đường tỉnh 927C	971/QĐ-UBND, 25/6/2019	7.000	7.000	4.450		2.550	7.000	
II	**Thị xã Long Mỹ**		**133.760**	**8.960**	**8.960**	**-**	**-**	**8.960**	
1	Bờ kè hai bên bờ Sông Cái Lớn	2179/QĐ-UBND 10/8/2009	133.760	8.960	8.960			8.960	
III	**Huyện Vị Thủy**		**15.345**	**15.345**	**6.195**	**8.000**	**1.150**	**15.345**	
1	Đường Ba Liên - Ông Tà, xã Vị Trung	968/QĐ-UBND, 25/6/2019	8.000	8.000		8.000		8.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở khối đoàn thể huyện Vị Thủy	1034/QĐ-UBND, 02/7/2019	4.197	4.197	4.197			4.197	

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước ngân sách tỉnh				
					CĐNS địa phương	XSKT	Vay NH phát triển		
3	Nâng cấp, mở rộng đường Kênh Xáng Nàng Mau, hạng mục: Đường, cầu Phong Lưu, cầu Trạm Bơm, cầu Tư Đông	3379/QĐ-UBND, 17/9/2014	1.150	1.150			1.150	1.150	
4	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy, huyện Vị Thủy	671/QĐ-UBND, 23/4/2019	999	999	999			999	
5	Cầu Nguyễn Chí Thanh	1027/QĐ-UBND, 02/7/2019	999	999	999			999	
IV	**Huyện Châu Thành**		**12.500**	**12.500**	**11.752**	**748**	**-**	**12.500**	
1	Tuyến đường từ ngã tư Đông Sơn đến trung tâm xã Phú Hữu	991/QĐ-UBND, 27/6/2019	12.500	12.500	11.752	748		12.500	
V	**Huyện Châu Thành A**		**7.900**	**7.900**	**-**	**6.600**	**1.300**	**7.900**	
1	Tuyến kênh thủy lợi xã Trường Long A	981/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.300	1.300			1.300	1.300	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Rạch Gòi A	936/QĐ-UBND, 19/6/2019	6.600	6.600		6.600		6.600	

Phụ lục 7

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Nguồn: Dự phòng vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020		Tăng	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			CT MTQG	Vốn đối ứng HTX		CT MTQG		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	**41.690**	**33.352**	**8.338**	**41.690**	**33.352**	**33.352**	
I	Huyện Châu Thành	2.150	1.720	430	2.150	1.720	1.720	
II	Huyện Châu Thành A	1.500	1.200	300	1.500	1.200	1.200	
III	Huyện Phụng Hiệp	6.300	5.040	1.260	6.300	5.040	5.040	
IV	Thị xã Ngã Bảy	2.800	2.240	560	2.800	2.240	2.240	
V	Thị xã Long Mỹ	9.800	7.840	1.960	9.800	7.840	7.840	
VI	Huyện Long Mỹ	10.390	8.312	2.078	10.390	8.312	8.312	
VII	Huyện Vị Thủy	6.600	5.280	1.320	6.600	5.280	5.280	
VIII	Thành phố Vị Thanh	2.150	1.720	430	2.150	1.720	1.720	

Phụ lục 8

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Nguồn: Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch năm 2019				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước ngân sách tỉnh				
					CĐNS địa phương	XSKT	Vay NH phát triển		
	Tổng vốn		**146.791**	**102.407**	**55.625**	**32.782**	**14.000**	**102.407**	
A	**Tỉnh quản lý**		**48.200**	**28.442**	**18.960**	**9.482**	**-**	**28.442**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh**		**35.400**	**17.000**	**17.000**	**-**	**-**	**17.000**	
1	Sửa chữa Trụ sở các Sở, ban ngành tỉnh giai đoạn 2	471/QĐ-UBND, 25/3/2019	10.400	5.000	5.000			5.000	
2	Khu xử lý nước thải tập trung Cụm tiểu thủ công nghiệp thị xã Ngã Bảy	1010/QĐ-UBND, 01/7/2019	12.500	6.000	6.000			6.000	
3	Khu xử lý nước thải tập trung Cụm tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ	1009/QĐ-UBND, 01/7/2019	12.500	6.000	6.000			6.000	
II	**Văn phòng UBND tỉnh**		**2.800**	**1.960**	**1.960**	**-**	**-**	**1.960**	
1	Trục liên thông văn bản và hệ thống liên kết quản lý văn bản với phần mềm dịch vụ công	634/QĐ-UBND, 19/4/2019	2.800	1.960	1.960			1.960	
III	**Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh**		**10.000**	**9.482**	**-**	**9.482**	**-**	**9.482**	
	Cấp nước sinh hoạt nông thôn		***10.000***	**9.482**	**-**	***9.482***	**-**	***9.482***	

1	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Long Bình, Long Phú, Long Trị, Long Trị A, thị xã Long Mỹ	982/QĐ-UBND, 27/6/2019	5.500	4.982		4.982		4.982	
2	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Đông Phước A, Đông Phước, huyện Châu Thành	983/QĐ-UBND, 27/6/2019	4.500	4.500		4.500		4.500	
B	**Huyện quản lý**		**98.591**	**73.965**	**36.665**	**23.300**	**14.000**	**73.965**	
I	**Thành phố Vị Thanh**		**37.886**	**23.952**	**16.000**	**7.952**	**-**	**23.952**	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Giải Phóng (đoạn từ cầu Vườn Cò đến ranh xã Hỏa Tiến), xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	1026/QĐ-UBND, 02/7/2019	7.952	7.952		7.952		7.952	
2	Một số hạng mục phụ trợ thuộc Khu Trung tâm hành chính thành phố Vị Thanh	932/QĐ-UBND, 18/6/2019	14.999	8.000	8.000			8.000	
3	Mua sắm trang thiết bị Khu Trung tâm hành chính thành phố Vị Thanh	931/QĐ-UBND, 18/6/2019	14.935	8.000	8.000			8.000	
II	**Thị xã Ngã Bảy**		**16.000**	**13.900**	**2.350**	**-**	**11.550**	**13.900**	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến lộ phụ 4 ấp Xẻo Vông, xã Hiệp Lợi	969/QĐ-UBND, 25/6/2019	**9.000**	**9.000**			9.000	9.000	
2	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Hiệp Lợi nối dài đến đường tỉnh 927C	971/QĐ-UBND, 25/6/2019	7.000	4.900	2.350		2.550	4.900	
III	**Huyện Vị Thủy**		**15.345**	**13.490**	**4.340**	**8.000**	**1.150**	**13.490**	
1	Đường Ba Liên - Ông Tà, xã Vị Trung	968/QĐ-UBND, 25/6/2019	**8.000**	**8.000**		8.000		8.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở khối đoàn thể huyện Vị Thủy	1034/QĐ-UBND, 02/7/2019	4.197	2.940	2.940			2.940	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Kênh Xáng Nàng Mau, hạng mục: Đường, cầu Phong Lưu, cầu Trạm Bơm, cầu Tư Đông	3379/QĐ-UBND, 17/9/2014	1.150	1.150			1.150	1.150	
4	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy huyện Vị Thủy	671/QĐ-UBND, 23/4/2019	999	700	700			700	

5	Cầu Nguyễn Chí Thanh	1027/QĐ-UBND, 02/7/2019	999	700	700			700	
IV	**Thị xã Long Mỹ**		**8.960**	**8.960**	**8.960**			**8.960**	
1	Bờ kè hai bên bờ Sông Cái Lớn	2179/QĐ-UBND, 10/8/2009	133.760	8.960	8.960			8.960	
V	**Huyện Châu Thành**		**12.500**	**5.763**	**5.015**	748	-	**5.763**	
1	Tuyến đường từ ngã tư Đông Sơn đến trung tâm xã Phú Hữu	991/QĐ-UBND, 27/6/2019	12.500	5.763	5.015	748		5.763	
VI	**Huyện Châu Thành A**		**7.900**	**7.900**	-	**6.600**	**1.300**	**7.900**	
1	Tuyến kênh thủy lợi xã Trường Long A	981/QĐ-UBND, 27/6/2019	1.300	1.300			1.300	1.300	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Rạch Gòi A	936/QĐ-UBND, 19/6/2019	6.600	6.600		6.600		6.600	

Phụ lục 9

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Nguồn: Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2019)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư	TMĐT		Kế hoạch năm 2019		Tăng	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Thu vượt tiền sử dụng đất 2019	Tổng số	Trong đó: Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2019		
	TỔNG CỘNG:		**794.185**	**724.185**	**177.529**	**177.529**	**177.529**	-
	Tỉnh quản lý		**794.185**	**724.185**	**177.529**	**177.529**	**177.529**	
I	**Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang**		**742.275**	**672.275**	**129.319**	**129.319**	**129.319**	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020		**742.275**	**672.275**	**129.319**	**129.319**	**129.319**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh - GĐ1, huyện Châu Thành A	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	129.319	129.319	129.319	
II	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh**		**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	-
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	**14.910**	
1	Xây dựng trụ sở Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉn h Hậu Giang	773/QĐ-UBND, 16/5/2019	14.910	14.910	14.910	14.910	14.910	
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh**		**37.000**	**37.000**	**33.300**	**33.300**	**33.300**	-
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		**37.000**	**37.000**	**33.300**	**33.300**	**33.300**	
1	Đường số 1 nối dài đến Chợ nổi (thuộc phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang)	2090/QĐ-UBND, 30/10/2017	37.000	37.000	33.300	33.300	33.300	